

15'- Bất tương ưng duyên (Đồng sinh duyên, Vật sinh tiền duyên, Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên, Sinh hậu duyên).

16'- Hiện hữu duyên (Đồng sinh hiện hữu duyên, Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên, Vật sinh tiền hiện hữu duyên, Sinh hậu hiện hữu duyên, Vật thực hiện hữu duyên, Quyền hiện hữu duyên).

17'- Bất ly duyên (Đồng sinh bất ly duyên, Cảnh sinh tiền bất ly duyên, Vật sinh tiền bất ly duyên, Sinh hậu bất ly duyên, Vật thực bất ly duyên, Quyền bất ly duyên).

b- *Thời quá khứ và vị lai.*

Có hai duyên:

1'- Cảnh trưởng duyên.

2'- Cảnh cận y duyên.

c- *Thời quá khứ, vị lai và ngoại thời.*

Có hai duyên:

1'- Cảnh duyên.

2'- Trưởng cận y duyên.

I- Duyên phân theo hợp trợ (ghaṭanā).

Gọi là “hợp trợ” vì “cùng giống”, đồng thời có chi pháp năng duyên trùng nhau. Xin minh họa bằng “Nhân duyên” như sau:

Nhân duyên. Thuộc giống đồng sinh, có chi pháp năng duyên là “6 nhân tương ưng”.

1'- Trưởng đồng sinh duyên. Có chi pháp năng duyên trùng là “tâm sở Trí”.

2'- Đồng sinh duyên. Có chi pháp năng duyên là “tất cả danh pháp”.

3'- Hỗ tương duyên. Có chi pháp năng duyên là “tất cả danh pháp”.

4'- Đồng sinh y duyên. Có chi pháp năng duyên là “tất cả danh pháp”.

5'- Quả duyên. Có chi pháp năng duyên trùng là “3 nhân : Vô tham, vô sân và trí trong tâm quả”.

6'- Quyền đồng sinh duyên. Có chi pháp trùng là “tâm sở Trí”.

7'- Đạo duyên. Có chi pháp trùng là “tâm sở Trí”.

8'- Tương ưng duyên. Có chi pháp năng duyên là “tất cả danh pháp”.

9'- Đồng sinh bất tương ưng duyên. Như trên

10'- Đồng sinh hiện hữu duyên. Như trên.

11'- Đồng sinh bất ly duyên. Như trên.

Đồng sinh nghiệp duyên (sahajātakammapaccaya). Có chi pháp năng duyên là “tâm sở Tư”.

Danh vật thực duyên (nāmāharapaccaya). Có chi pháp năng duyên là “tâm sở Xúc, tâm sở Tư và tâm”.

Hai duyên này không có chi pháp năng duyên trùng với chi pháp năng duyên của “Nhân duyên”, nên chúng không hợp trợ với *Nhân duyên*.

Như vậy Nhân duyên có 11 duyên hợp trợ (Học viên tìm lấy những duyên hợp trợ các duyên sau).

b- Cảnh duyên.

Có 7 duyên hợp trợ:

1'- Cảnh trưởng duyên.

2'- Cảnh vật sinh tiền y duyên.

3'- Cảnh cận y duyên.

4'- Cảnh sinh tiền duyên.

5'- Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên.

6'- Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên.

7'- Cảnh sinh tiền bất ly duyên.

c - *Cảnh trường duyên.*

Có 7 duyên hợp trợ:

1'- Cảnh duyên.

2'- Cảnh vật sinh tiền y duyên.

3'- Cảnh cận y duyên.

4'- Cảnh sinh tiền duyên.

5'- Cảnh vật sinh tiền bất hợp duyên.

6'- Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên.

7'- Cảnh sinh tiền bất ly duyên.

d - *Trường đồng sinh duyên.*

Có 12 duyên hợp trợ:

1'- Nhân duyên.

2'- Đồng sinh duyên.

3'- Hổ tương duyên.

4'- Đồng sinh y duyên.

5'- Quả duyên.

6'- Vật thực danh duyên.

7'- Quyền đồng sinh duyên.

8'- Đạo duyên.

9'- Tương ưng duyên.

10'- Đồng sinh bất tương ưng duyên.

11'- Đồng sinh hiện hữu duyên.

12'- Đồng sinh bất ly duyên.

e - Vô gián duyên.

Có 6 duyên hợp trợ:

1'- Đẳng vô gián duyên.

2'- Vô gián cận y duyên.

3'- Tập hành duyên.

4'- Nghiệp biệt thời duyên.

5'- Vô hữu duyên.

6'- Ly duyên.

f- Đồng sinh duyên.

Có 7 duyên hợp trợ:

1'- Hổ tương duyên.

2'- Đồng sinh y duyên.

3'- Quả duyên.

4'- Tương ưng duyên

5'- Đồng sinh bất tương ưng duyên.

6'- Đồng sinh hiện hữu duyên.

7'- Đồng sinh bất ly duyên.

g- Hổ tương duyên.

Có 7 duyên hợp trợ:

1' - Đồng sinh duyên.

2' - Đồng sinh y duyên.

3' - Quả duyên.

4' - Tương ứng duyên

5' - Đồng sinh bất tương ứng duyên.

6' - Đồng sinh hiện hữu duyên.

7' - Đồng sinh bất ly duyên.

h- *Vật sinh tiền y duyên.*

Có 5 duyên hợp trợ:

1' - Cảnh sinh tiền y duyên.

2' - Vật sinh tiền duyên.

3' - Vật sinh tiền bất tương ứng duyên.

4' - Vật sinh tiền hiện hữu duyên.

5' - Vật sinh tiền bất ly duyên.

j- *Cảnh vật sinh tiền y duyên.*

Có 8 duyên hợp trợ:

1' - Cảnh duyên.

2' - Cảnh trưởng duyên.

3' - Cảnh cận y duyên.

4' - Cảnh sinh tiền duyên.

5'- Cảnh vật sinh tiền duyên.

6'- Cảnh vật sinh tiền bất hợp duyên.

7'- Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên.

8'- Cảnh sinh tiền bất ly duyên.

k- Thường cận y duyên.

Có 1 duyên hợp trợ:

1'- Nghiệp biệt thời duyên.

l- Cảnh sinh tiền duyên.

Có 7 duyên hợp trợ:

1'- Cảnh duyên.

2'- Cảnh trường duyên.

3'- Cảnh vật sinh tiền y duyên.

4'- Cảnh cận y duyên.

5'- Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên.

6'- Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên.

7'- Cảnh sinh tiền bất ly duyên.

o - Sinh hậu duyên.

Có 3 duyên hợp trợ:

1'- Sinh hậu bất tương duyên.

2'- Sinh hậu hiện hữu duyên.

3'- Sinh hậu bất ly duyên.

m- Tập hành duyên.

Có 5 duyên hợp trợ:

1'- Vô gián duyên.

2'- Đẳng vô gián duyên.

3'- Vô gián cận y duyên.

4'- Vô hữu duyên.

5'- Ly duyên.

n- Nghiệp đồng sinh duyên.

Có 9 duyên trợ:

1'- Đồng sinh duyên.

2'- Hỗ tương duyên.

3'- Đồng sinh y duyên.

4'- Quả duyên.

5'- Vật thực danh duyên.

6'- Tương ưng duyên.

7'- Đồng sinh bất tương ưng duyên.

8'- Đồng sinh hiện hữu duyên.

9'- Đồng sinh bất ly duyên.

p - Nghiệp biệt thời duyên.

Có 6 duyên:

1'- Vô gián duyên.

2' - Đẳng vô gián duyên.

3' - Vô gián cận y duyên.

4' - Thường cận y duyên

5' - Vô hữu duyên.

6' - Ly duyên.

q - Quả Duyên.

Có 7 duyên hợp trợ:

1' - Đồng sinh duyên.

2' - Hỗ tương duyên.

3' - Đồng sinh y duyên.

4' - Tương ưng duyên.

5' - Đồng sinh bất tương ưng duyên.

6' - Đồng sinh hiện hữu duyên.

7' - Đồng sinh bất ly duyên.

r - Vật thực sắc duyên.

Có hai duyên hợp trợ:

1' - Vật thực hiện hữu duyên.

2' - Vật thực bất ly duyên.

t- Danh vật thực duyên.

Có 11 duyên hợp trợ.

1' - Trưởng đồng sinh duyên.

2' - Đồng sinh duyên.

3' - Hổ tương duyên.

4' - Đồng sinh y duyên

5' - Nghiệp đồng sinh duyên.

6' - Quả duyên.

7' - Quyền đồng sinh duyên.

8' - Tương ứng duyên.

9' - Đồng sinh bất tương ứng duyên.

10' - Đồng sinh hiện hữu duyên.

11' - Đồng sinh bất ly duyên.

s- Đồng sinh quyền duyên.

Có 13 duyên hợp trợ:

1' - Nhân duyên.

2' - Trưởng đồng sinh duyên.

3' - Đồng sinh duyên.

4' - Hổ tương duyên.

5' - Đồng sinh y duyên.

6' - Quả duyên.

7' - Vật thực danh duyên.

8' - Thiền duyên.

9' - Đạo duyên.

10' - Tương ứng duyên.

11' - Đồng sinh bất tương ứng duyên.

12' - Đồng sinh hiện hữu duyên.

13' - Đồng sinh bất ly duyên.

i- Quyền sinh tiền duyên.

Có 5 duyên hợp trợ:

1' - Vật sinh tiền y duyên.

2' - Vật sinh tiền duyên.

3' - Vật sinh tiền bất tương ứng duyên.

4' - Vật sinh tiền hiện hữu duyên.

5' - Vật sinh tiền bất ly duyên.

y - Sắc Mạng quyền duyên.

Có hai duyên hợp trợ:

1' - Quyền hiện hữu duyên.

2' - Quyền bất ly duyên.

u - Thiền duyên.

Có 10 duyên hợp trợ:

1' - Đồng sinh duyên.

2' - Hỗ tương duyên.

3' - Đồng sinh y duyên.

4' - Quả duyên.

5'- Quyền đồng sinh duyên.

6'- Đạo duyên.

7'- Tương ưng duyên.

8'- Đồng sinh bất tương ưng duyên.

9'- Đồng sinh hiện hữu duyên.

10'- Đồng sinh bất ly duyên.

w - Đạo duyên.

Có 12 duyên hợp trợ:

1'- Nhân duyên.

2'- Trưởng đồng sinh duyên.

3'- Đồng sinh duyên.

4'- Hổ tương duyên.

5'- Đồng sinh y duyên.

6'- Quả duyên.

7'- Quyền đồng sinh duyên.

8'- Thiền duyên.

9'- Tương ưng duyên.

10'- Đồng sinh bất tương ưng duyên.

11'- Đồng sinh hiện hữu duyên.

12'- Đồng sinh bất ly duyên.

z - Tương ưng duyên.

Có 6 duyên hợp trợ:

- 1- Đồng sinh duyên.
- 2- Hỗ tương duyên.
- 3- Đồng sinh y duyên.
- 4- Quả duyên.
- 5- Đồng sinh hiện hữu duyên.
- 6- Đồng sinh bất ly duyên.

v'-Đồng sinh bất tương ưng duyên.

Có 6 duyên hợp trợ:

- 1'- Đồng sinh duyên.
- 2'- Hỗ tương duyên.
- 3'- Đồng sinh y duyên.
- 4'- Quả duyên.
- 5'- Đồng sinh hiện hữu duyên.
- 6'- Đồng sinh bất ly duyên.

Dứt phần khái lược duyên hệ.

-ooOoo-

[1] - Abhs. Chương VI. Phần 3.

[2] - DhP. Câu 200.

[3] - Là sắc bên ngoài thân chúng sinh.

[4] - Do nghiệp tạo, do tâm tạo, do vật thực tạo và do khí hậu tạo.

[5] - S.iii, 58 . Kinh Thủ chuyển (Upādānaparipavattasuttam).

[6] - A.v, 113. Pháp 10 chi. Phẩm song đối (Yamakavaggo); kinh Vô minh (avijjā suttam).

[7] - Là : Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ, xúc, thiết xúc, thân và ý xúc.

[8] - Vedanā paccaya tañhā : Thọ duyên ái.

[9] - Là: Thân hành, ngữ hành, ý hành, phi phúc hành, phúc hành và bất động hành.

[10] - Là: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiết thức, thân thức và ý thức.

[11] - Đại trưởng lão Nārada. Vi diệu pháp toát yếu; Ô. Phạm Kim Khánh dịch; tr. 397.

[12] - Bộ phận sinh dục.

[13] - Dhp. Câu 371.

[14] – Có 15 Danh quyền có 14 là: Ý quyền, danh Mạng quyền, 5 Thọ quyền, 5 giác phần quyền và 3 Siêu thế quyền. Nếu nói theo chi pháp thì có 8 là: Ý quyền, danh Mạng quyền, Thọ quyền, Tín quyền, Tấn quyền, Niệm quyền, định quyền và Tuệ quyền.

[15] - Vsm. Chương 17. 610.

[16] - A.i, 115. Pháp ba chi, kinh Thiên giới (Devalokasuttam).

[17] -D.iii, kinh Đế Thích vấn đạo (Sakkapañhasuttam).

[18] - Trong Siêu lý cao học của Đức Tịnh sự biên soạn ghi là: 11 1 tâm (trừ 10 thức).

[19] - Vsm. Chương 17. 611.

[20] - Tuy nhiên, các Giáo thọ sư sau này, cho rằng: Tâm vô nhân có chi thiền, vì các tâm này có tinh năng hoạt.

[21] - Vsm. Chương 17. 611.

[22] - Là 3 tâm sở: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.

[23] - 13 tâm sở Tợ tha – tâm sở dục = 12 tâm sở.

[24] - A.ii, 222. Kinh Con đường (maggasuttam).

[25] - S.iii, 238. Tương ưng Xá Lợi Phất, Sūcimukhi suttaṃ.

[26] - A.ii, 235. Pháp bốn chi. Kinh Thánh đạo (ariyamaggasuttam).

[27] - Là những tâm thiện trong lộ đắc đạo.

[28] - Năm chi có thể hiện diện đầy đủ là : trí, tầm, tấn, niệm và định.

[29] - A.iv, 247 . Pháp 8 chi .Kinh Rất là nhẹ.

[30] - Vsm. Chương 17, 612.

[31] - Là 15 tâm = 2 tâm quan sát xả thọ + 8 tâm quả dục giới hữu nhân + 5 tâm quả Sắc giới.

[32] - Vsm. Chương 17. 614.

[33] - Vsm. Chương 17, 615.

[34] - S.iii, 132. Tương ưng Uẩn (Khandhasamyuttam), kinh Channa (Channasuttam)

[35] - Vsm. Chương 17, 615.

[36] - Ở đây, từ *appaccaya* không phải là cụm từ *kammadhāraya* mà là của nhóm *Bahubbīhi*. Nên: *Natthi paccayā etesaṃ ti appacay*: Không có điều kiện ở đây, gọi là “không điều kiện”.

Asaṅkhata là một cụm từ *kammadhāraya*.

do vậy:: *Samkariyante ti saṅkhatā*: Có sự tạo tác, gọi là trở thành.

Và : *Na saṅkhatā ti asaṅkhatā*: Không có sự tạo tác, gọi là “không trở thành”..

[37] - Có bốn oai nghi cho tất cả chúng sanh là ngồi, đứng, đi và nằm.

[38] - Mối liên hệ ở đây, ám chỉ cho năng duyên (paccya)– Ns.

[39] - Nhân sinh nhãn thức có bốn là: Có thần kinh nhãn, có cảnhnh sắc, có ánh sáng và có tác ý.

[40] - Tức là : Tâm Nhãn thức là sơ duyên của tâm Hướng ngũ môn qua Vô gián duyên hay Đăng vô gián duyên.

[41] - Là tâm Nhãn thức quả thiện và tâm Nhãn thức quả bất thiện.

[42] - Tạm gọi 18 duyên này là duyên cơ bản. Ns.

[43] - Có 5 nhóm 11 danh pháp, là: Nhóm Hướng ngũ môn, 2 nhóm Tiếp thủ, 2 nhóm Quan sát thọ xả.

[44] - 13 tâm sở Tợ tha + 25 tâm sở Tịnh hảo = 38 tâm sở. Đây là nêu tổng quát, nếu tính từng tâm thì lần lượt trừ đi, như tâm nhị thiền trừ đi tâm, tâm tam thiền trừ đi tứ...

[45] - 38 tâm sở - (3 giới phần + 2 vô lượng phần + tâm, tứ, hỷ)= 30 tâm sở.

[46] - Hành giả ghi nhận được “ tướng vô thường”, quán xét “tướng vô thường, an trú tâm trong tướng vô thường ấy, gọi là an trú tâm trong **vô tướng định**”.

Hành giả ghi nhận được “tướng khổ”, quán xét tướng khổ, an trú tâm tâm trong tướng khổ, gọi là an trú tâm trong **vô nguyện tướng**.

Hành giả ghi nhận được tướng vô ngã, quán xét tướng vô ngã, an trú tâm trong tướng vô ngã, gọi là an trú tâm trong **không tánh tướng**.

-ooOoo-

Phần II.

Tam đề thiện với duyên hệ.

Khái lược.

Tam đề thiện là một mẫu đề (mātika), trong đó có ba câu là:

- Kusalā dhammā: *Tất cả pháp thiện.*
- Akusalā dhammā: *Tất cả pháp bất thiện.*
- Abyākatā dhammā: *Tất cả pháp vô ký.*

Chi pháp của tam đề thiện.

- *Tất cả pháp thiện* có chi pháp là: 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp [1] .
- *Tất cả pháp bất thiện* có chi pháp là: 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp [2] .
- *Tất cả pháp vô ký* có chi pháp là: 72 tâm và 38 tâm sở hợp + sắc pháp + Nípàn.

Duyên hệ với tam đề thiện.

Là phân tích tam đề thiện theo duyên chánh, hoặc theo các duyên phụ được phân tích từ duyên chính.

1- Nhân duyên

Định nghĩa.

Nhân duyên là *trợ sinh và ủng hộ* các pháp đồng sinh, theo cách “nhân tương ung”.

Chi pháp.

Năng duyên. 6 nhân: Tham, sân, si, vô tham, vô sân và vô si.

Sở duyên. 103 tâm hữu nhân và 52 tâm sở hợp (trừ tâm sở Si trong tâm Si) và sắc Tục sinh tâm hữu nhân, sắc tâm hữu nhân.

Phi sở duyên. 18 tâm Vô nhân và 12 tâm sở Tợ tha hợp + tâm sở Si trong tâm Si + sắc nghiệp tục sinh với tâm vô nhân, sắc tâm vô nhân, sắc thời tiết, sắc vật thực, sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp vô tướng.

Nhân duyên với tam đề thiện.

Có bảy câu lục [3] .

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa hetu paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Nhân duyên.

a - Định nghĩa.

Là một hay cả ba nhân thiện trợ sinh và ủng hộ các pháp thiện đồng sinh.

b - Chi pháp.

Thiện năng duyên. Là ba nhân thiện: Vô tham, Vô sân và Vô si.

Thiện sở duyên. Là 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

c - Giải thích.

Câu này chỉ đề cập đến những gì đang diễn ra trong ***một*** tâm thiện.

Trong một tâm thiện có ít nhất là 2 nhân (Vô tham và Vô sân), như trong tâm thiện ly trí. Trong tâm thiện có trí thì có đủ 3 nhân: Vô tham, Vô sân và Vô si.

** Sở dĩ sở duyên có đầy đủ 38 tâm sở là vì:*

- Khi nhân Vô tham là năng duyên sẽ trợ giúp cho nhân Vô sân và Vô si sinh lên, như vậy, 2 nhân Vô sân và Vô si là sở duyên.

- Khi nhân Vô sân là năng duyên, thì 2 nhân Vô tham và Vô si là sở duyên.

- Khi Vô Si là năng duyên thì 2 nhân Vô tham và Vô sân là sở duyên.

Trong câu này có 2 mô thức:

- Nhân thiện trợ giúp cho *nhân thiện* (như đã nêu).

- Nhân thiện trợ giúp cho *pháp thiện*, nhưng không phải là “*nhân thiện*”. Đó chính là tâm thiện + 35 tâm sở hợp (trừ 3 nhân thiện).

Thí dụ: Trong *tâm thiện thọ hỷ có trí vô trợ*, tâm thiện này tổng quát có 38 tâm sở hợp.

Khi một nhân là năng duyên như Vô tham chẳng hạn, các pháp nương Vô tham sinh lên sinh lên và được Vô tham ủng hộ, gồm có: Tâm và 37 tâm sở hợp (trừ nhân Vô tham).

- Vô tham trợ giúp cho Vô sân và Vô si, gọi là “*nhân thiện trợ cho nhân thiện*”.
- Vô tham trợ giúp cho tâm thiện và 35 tâm sở (trừ 3 nhân thiện), gọi là “*nhân thiện trợ giúp cho pháp thiện phi nhân thiện*”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Giống: Giống đồng sinh.
- Tâm lộ: Thuộc lộ ngũ môn và lộ ý môn.

Giải thích.

- Vị Thánh Alahán không có tâm thiện lẫn tâm bất thiện, nên trong 12 hạng người không kể bậc Thánh Alahán.

Bốn tâm Đạo thuộc về thiện, nên chỉ cho 4 người Đạo.

Các phần còn lại cũng dễ hiểu.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Nhân duyên có 11 duyên hợp trợ, trong câu lục này có:

**** Hợp trợ.***

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”, “*Đồng sinh hiện hữu duyên*” và “*Đồng sinh bất ly duyên*”.
- Năng và sở hòa hợp với nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng và sở hỗ trợ lẫn nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”.
- Sở duyên nương nhờ năng duyên, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng duyên có tâm sở Trí, nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Đồng sinh quyền duyên*” và “*Đạo duyên*”.

Như vậy, trong câu lạc này có 9 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng duyên là “pháp thiện”, không phải là “pháp quả”, nên không có “*Quả duyên*”.

- Năng duyên và sở duyên có tính “hòa hợp”, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo.

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Nhân duyên.

a- Định nghĩa.

Là 1 trong 3 nhân thiện hoặc cả ba nhân thiện trợ sinh, ủng hộ pháp “không thiện không bất thiện”.

b – Chi pháp.

Thiện năng duyên. 3 nhân thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c - Giải.

Ba nhân thiện trợ cho sắc tâm tạo sinh lên và vững mạnh. Sắc tâm tạo này được gọi là “sắc tâm thiện”, hiển lộ qua thân hay “lời nói”.

Như khi Vô tham là năng duyên, tâm muốn bố thí, cúng dường. Bấy giờ nhân Vô tham sẽ tạo ra “sắc thân biểu tri” để thực hiện hành động “cúng dường” hoặc “bố thí”; hoặc tạo ra “ngữ biểu tri” để nói lời cung thỉnh vị Trưởng lão nhận lời tại tư gia vào ngày mai ...

Khi Vô sân là năng duyên, tâm và các tâm sở sinh lên có tính “mát mẻ”, xa lìa sự “khó chịu”, khi ấy Vô sân tạo ra loại sắc tâm là “ngũ biểu tri”, nói lời êm dịu, nói lời hòa nhã....

Hoặc tạo ra “thân biểu tri” để giúp đỡ “kẻ thù”, người không thân ...

Khi Vô si là năng duyên, tạo ra “thân biểu tri” để đánh lễ Đức Phật, đức Tăng ... hoặc tạo ra “ngũ biểu tri” để giảng pháp, nói đạo ...

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: thời bình nhật.
- Lộ tâm: lộ ngũ môn và lộ ý môn trong cõi ngũ uẩn.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nhưng cả năng và sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Năng duyên là “nơi nương của sở duyên, giúp cho sở duyên được vững mạnh”, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng duyên có tâm sở Trí, nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Đồng sinh quyền duyên*” và “*Đạo duyên*”.
- Năng và sở “cùng có mặt”, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*” và, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.
- Năng duyên và sở duyên “không hòa hợp” với nhau, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Như vậy, trong câu lục này có 8 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng và sở không phải là pháp quả, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng và sở “không hòa hợp” với nhau, nên không có “*Tương ưng duyên*”.
- Sắc tâm thiện không thể hỗ trợ cho 3 nhân thiện, nên không có “*Hỗ tương duyên*”.

Như vậy có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 3. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa hetu paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng nhân duyên.

a- Định nghĩa.

Là ba nhân thiện trợ sinh và ủng hộ cho pháp thiện cùng với sắc tâm thiện.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Là 3 nhân thiện.

Thiện sở duyên. Là 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp (danh) + sắc tâm thiện.

c- Giải thích.

Có trường hợp: Một Phật tử khởi lên tâm cúng dường, nhưng không thực hiện việc cúng dường. Đây là trường hợp danh trợ danh.

Có trường hợp: Một Phật tử tuy có khởi lên “ý bố thí”, thực hiện “việc bố thí” một cách hời hợt, không đủ “3 sự cố ý”. Đây là trường hợp “danh trợ sắc”.

Với người “có ý cúng dường”, thực hiện việc cúng dường với “3 sự cố ý”. Đây là trường hợp “danh trợ cho danh sắc”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ môn và lộ ý môn.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

Trong câu lạc này có 7 duyên hợp trợ là:

Đồng sinh duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu, Đồng sinh bất ly, đạo duyên (cách lý giải như ở câu lạc 1).

**** Không hợp trợ.***

- Năng duyên thuộc tính thiện, sở duyên là sắc tâm thiện nên không có 3 duyên: *Hố tương duyên, Quả duyên và Tương ưng duyên*.

- Sở duyên có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Như vậy có 4 duyên không hợp trợ.

Câu lạc 4. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa hetu paccayena paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Nhân duyên.

a- Định nghĩa.

Là ba nhân bất thiện trợ giúp cho pháp bất thiện sinh lên và được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Là 3 nhân bất thiện: Tham, Sân và Si.

Bất thiện sở duyên. Là 12 tâm bất thiện và, 27 tâm sở hợp (trừ nhân Si trong tâm Si).

c- Giải.

Trong tâm bất thiện Tham có 2 nhân: Tham và Si. Khi nhân Tham là năng duyên sẽ trợ giúp cho nhân Si sinh lên, hay khi nhân Si là năng duyên sẽ trợ giúp cho nhân Tham sinh lên.

Tương tự như thế, trong tâm bất thiện Sân có 2 nhân: Sân và Si. Khi nhân Sân là năng duyên sẽ trợ giúp cho nhân Si sinh lên, khi nhân Si là năng duyên sẽ trợ giúp cho nhân Sân sinh lên.

Đây là mô thức “nhân bất thiện trợ giúp nhân bất thiện”.

Trong tâm bất thiện Si chỉ có nhân Si, nên nhân Si trong tâm Si là phi sở duyên.

Ba nhân bất thiện trợ giúp cho 12 tâm bất thiện và 24 tâm sở hợp (trừ 3 nhân bất thiện) sinh lên, gọi là “nhân bất thiện trợ pháp bất thiện phi nhân bất thiện” [4] .

Do đó, trong phần sở duyên lấy trọn vẹn pháp bất thiện (trừ tâm sở Si trong tâm Si).

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ môn và lộ ý môn.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở duyên sinh lên và được vững mạnh nhờ vào năng duyên, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng và sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*” và “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

- Năng và sở “hòa hợp” với nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng và sở hỗ trợ lẫn nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”.

Trong câu lạc này có 6 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng duyên không có pháp trưởng, nên không có “*Trưởng đồng sinh duyên*”.
- Năng duyên không phải là pháp quả, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng duyên không có pháp quyền, nên không có “*Quyền đồng sinh duyên*”.
- Năng duyên không có chi đạo, nên không có “*Đạo duyên*”.
- Năng và sở “hòa hợp”, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Như vậy, có 5 duyên không hợp trợ.

Câu 5. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa hetu paccayena paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Nhân duyên.

a- Định nghĩa.

Là ba nhân bất thiện trợ giúp sắc tâm bất thiện sinh lên và vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Là 3 nhân bất thiện.

Vô ký sở duyên. Là sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

- Khi nhân Tham là năng duyên, sẽ tạo ra “thân biểu tri bất thiện”, để thực hiện theo khuynh hướng tham, như trộm cắp, tà hạnh trong dục lạc ...

Hoặc “ngũ biểu tri bất thiện” để nói lời “gạt gẫm” người khác với mục đích có lợi cho mình, như người bán hàng nói “trau chuốt” để bán được món hàng giả hay món hàng không có giá trị cao ...

- Khi nhân Sân là năng duyên, sẽ tạo ra “thân biểu tri bất thiện”, để thực hiện theo khuynh hướng sân, như “sát hại kẻ nghịch”...

Hoặc “ngũ biểu tri bất thiện”, như “nói vu khống” để hại người

- Khi nhân Si là năng duyên, sẽ tạo ra “thân biểu tri bất thiện”, như người “đờ đẫn” ...

Hoặc “ngũ biểu tri bất thiện” như nói “lãm nhãm”...

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ và lộ ý.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh khởi, nên có “*Đồng sinh duyên*”.

- Sở duyên nương vào năng duyên để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng duyên và sở duyên cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*” và “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

- Năng là danh pháp, sở là sắc pháp, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Như vậy có 5 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng duyên không có pháp trưởng, nên không có “*Đồng sinh trưởng duyên*”.

- Năng và sở không hỗ trợ lẫn nhau, nên không có “*Hỗ tương duyên*”.

- Năng duyên không phải pháp quả, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng duyên không có pháp quyền, nên không có “*Đồng sinh quyền duyên*”.
- Năng duyên không có chi đạo, nên không có “*Đạo duyên*”.
- Năng và sở “không hòa hợp”, nên không có “*Tương ưng duyên*”.

Như vậy, có 6 duyên không hợp trợ.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa hetu paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng nhân duyên.

a- Định nghĩa.

Là 3 nhân bất thiện trợ giúp cho pháp bất thiện cùng sắc tâm bất thiện sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Là 3 nhân bất thiện.

Bất thiện sở duyên. Là 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp (trừ tâm sở Si trong tâm si) + sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

- Có người khởi lên ý “trộm cắp” hay có ý “sát hại kẻ thù”... nhưng chưa thực hiện bằng thân hay “lời nói”. Đó là “danh bất thiện trợ giúp danh bất thiện”.

- Có người do vô ý “làm chết” chúng sinh khác, hay “không cố ý hưởng lạc, nhưng lại hưởng lạc”... Đây là “danh trợ giúp sắc tâm bất thiện”.

- Có người “chủ ý trộm cắp” và thực hiện bằng thân hay lời nói ... Đây là “danh bất thiện trợ giúp danh - sắc”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ môn và lộ ý môn.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng duyên thuộc giống đồng sinh, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở duyên được vững mạnh do nương nhờ năng duyên, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng - sở cùng hiện khởi, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”.
- Năng - sở không tách lìa nhau, nên có “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Như vậy có 4 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng duyên không có pháp trưởng, nên không có “*Đồng sinh trưởng duyên*”.
- Sở duyên không hỗ trợ cho năng duyên, nên không có “*Hỗ tương duyên*”.
- Năng duyên không là pháp quả, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng duyên không có pháp quyền, nên không có “*Đồng sinh quyền duyên*”.
- Năng duyên không có chi đạo, nên không có “*Đạo duyên*”.
- Sở duyên có sắc pháp, nên không có “*Tương ưng duyên*”.
- Sở duyên có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Như vậy có 7 duyên không hợp trợ.

Câu 7. Abyākato dhammo abyātassa dhammassa hetu paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Nhân duyên.

a- Định nghĩa.

Là 3 nhân vô ký trợ giúp pháp vô ký sinh lên và được vững mạnh.

b - Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Là 3 nhân Vô ký (trong tâm vô ký).

Vô ký sở duyên. 54 tâm vô ký hữu nhân [5] và 35 tâm sở hợp + Sắc tâm vô ký hữu nhân.

c- Giải.

Ba nhân vô ký là: Vô tham, Vô sân và Vô si trong tâm vô ký hữu nhân trợ sinh và ủng hộ các pháp đồng sinh.

Pháp đồng sinh với 3 nhân vô ký gồm:

* *Danh pháp.* 37 tâm quả hữu nhân (8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại và 20 tâm quả Siêu thế) và 35 tâm sở hợp.

Và 17 tâm Duy tác hữu nhân (8 tâm Đại hạnh + 9 tâm Duy tác Đáo đại) và 35 tâm sở hợp.

* *Sắc pháp.* Là sắc tâm quả hữu nhân và sắc tâm vô ký hữu nhân.

Câu này đối với.

- Người: Người lạc vô nhân, người Nhị nhân, người Tam nhân+ 4 Thánh quả.
- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm (- 4 cõi khổ + cõi Vô tưởng).
- Thời: Thời tục sinh, thời bình nhật và thời tử.
- Lộ tâm: Lộ ngũ và lộ ý.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có 3 duyên: “*Đồng sinh duyên*”, “*Đồng sinh hiện hữu duyên*” và “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

- Sở duyên được vững mạnh nhờ nương vào năng duyên, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng duyên có tâm sở Trí, nên có 3 duyên: “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Đồng sinh quyền duyên*”, “*Đạo duyên*”.

- Sở duyên là danh pháp, nên có “*Hổ tương duyên*”.

- Năng duyên là pháp quả, nên có “*Quả duyên*”.

Như vậy, có 9 duyên hợp trợ.

- Sở duyên là sắc tâm Vô ký, nên không có “*Tương ưng duyên*”.

- Sở duyên có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Như vậy, có 2 duyên không hợp trợ.

2 - Cảnh duyên.

(Ārammaṇapaccyo).

Định nghĩa.

Là các pháp làm cảnh trợ giúp cho tâm và tâm sở sinh lên.

Chi pháp cảnh duyên.

Năng duyên. Tất cả pháp trên phương diện “thành cảnh”, đó là “tâm và tâm sở hợp + sắc pháp + Nípàn + Chế định.

Sở duyên. Tất cả tâm khi bất cảnh.

Phi sở duyên: Sắc pháp, Nípàn và Chế định.

Cảnh duyên với tam đề thiện.

Có 9 câu lục.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là “pháp thiện thành cảnh, giúp cho pháp thiện khác sinh lên khi nhận cảnh ấy”.

Như vị chứng đắc thiền, nhớ lại tầng thiền đã chứng đắc.

b - Chi pháp.

Thiền năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp khi thành cảnh.

Thiền sở duyên. 8 tâm Đại thiện và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần)
+ tâm Thông thiện.

3- Giải.

Câu lục này có các trường hợp sau:

- Người bố thí, trì giới, cung kính... bằng tâm thiện dục giới khi nhớ lại cũng bằng tâm thiện dục giới.

Hay vị Tỳkhu hành pháp “niệm tâm Tứ niệm xứ”, nhớ lại tâm thiện trước đó của mình

Thiền năng duyên là: 8 tâm Đại thiện và 38 tâm sở hợp (khi làm cảnh).

Thiền sở duyên là: 8 đại thiện và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần).

Sở dĩ trừ Giới phần và Vô lượng phần, vì không có cảnh tương ứng cho chúng sinh lên.

- Người quy y Tam bảo, khi nhớ lại phát sinh hoan hỷ.

Thiền năng duyên là “tâm sở Tín”; thiền sở duyên là “4 tâm Đại thiện thọ hỷ và 33 tâm sở hợp”.

- Người giữ giới, khi nhớ lại phát sinh hoan hỷ.

Thiền năng duyên là “tâm sở giới phần”; thiền sở duyên là “4 tâm đại thiện thọ hỷ”.

- Phàm tam nhân và 3 Thánh quả Hữu học quán thấy “17 tâm thiện hiệp thể” là “vô thường, khổ, vô ngã”.

Thiền năng duyên là “17 tâm thiện hiệp thể và 38 tâm sở hợp”.

Thiền sở duyên là “4 đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp”.

- Hành giả chứng thiền hay an trú trong thiền. Khi xuất thiền, nhớ lại tầng thiền hay “phản khán chi thiền”.

Thiền năng duyên là “9 tâm thiện Đạo đại và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần).

Thiền sở duyên là “8 tâm Đại thiện và 33 tâm sở hợp”.

- Bạc chứng Đạo (trừ 5 tâm Tứ Đạo), khi xuất khỏi lộ đạo, nhớ lại Đạo đã chứng đắc.

Thiền năng duyên là “15 tâm Đạo hữu học và 36 tâm sở hợp”.

Thiền sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp”.

Sở dĩ năng duyên không có “5 tâm Tứ Đạo”, vì sau sátna Tứ Đạo là sátna Tứ quả. Kể từ đó trở đi vị ấy là bậc Thánh Alahán quả, vị Thánh Alahán không còn tâm thiện chỉ có tâm Duy tác, nên “tâm Tứ Đạo” không thể làm cảnh cho tâm thiện được”.

- Bậc Thánh hữu học khi nhớ lại tâm Gotrabhū (Chuyển tánh) hay tâm Tiến bậc (vodanā) cũng bằng tâm đại thiện có trí.

Thiền năng duyên ở đây là “4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp”

Thiền sở duyên là “4 đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp”.

- Người phàm tam nhân và 3 bậc Thánh hữu học đắc Tha tâm thông, biết được tâm thiện ha tâm Đạo vị khác bằng tâm thông thiện.

Thiền năng duyên ở đây là “8 tâm Đại thiện + 9 thiện Đạo Đạo + 15 tâm Đạo Hữu học và 38 tâm sở hợp”.

Thiền sở duyên ở đây là “tâm Thông thiện và 30 tâm sở hợp” [6] .

Hay là:

- Những uẩn thiện trợ giúp cho thần túc thông. Như trường hợp vị hành giả muốn bay trong hư không, vị ấy an trú tâm trong “đề mục gió”, đến “Ngũ thiền Sắc giới”, xuất ra, “hướng tâm đến tâm thiện với án xứ gió” rồi chú nguyện, nhập trở lại “Ngũ thiền với án xứ gió”, xuất khỏi Ngũ thiền Sắc giới, điều chú nguyện thành hiện thực

- Những uẩn thiện trợ giúp tâm Thông thiện theo cách “Túc mạng thông”. Tức là “vị ấy nhớ lại kiếp trước đã thực hiện thiện pháp như thế này, như thế này”...

- Những uẩn thiện trợ giúp cho “Tùy nghiệp thông thiện”. Như trường hợp vị chư thiên quán xét “Ta sinh lên thiên giới nhờ vào hạnh nghiệp như vậy, như vậy”...

- Những uẩn thiện trợ giúp cho “Vị lai thông”. Như trường hợp Đức Chánh giác thọ ký cho “một thiện gia nam tử”...

- Tâm thiện Không vô biên trợ cho tâm thiện Thức vô biên, với hành giả chứng đắc thiền Vô sắc với án xứ “Thức vô biên xứ”.

Khi hành giả đang tu tập thiền Vô sắc với án xứ này thì “ tâm Không vô biên là cảnh cho 2 tâm đại thiện thọ xả có trí”.

- Tâm thiện Vô sở hữu trợ cho 2 tâm đại thiện thọ xả có trí, với hành giả đang tu tập thiền Vô sắc với án xứ “Phi tướng phi phi tướng xứ”.

- Tâm thiện Vô sở hữu xứ trợ giúp cho tâm thiện Phi tướng phi phi tướng xứ, với vị chứng và trú thiền Phi tướng phi phi tướng xứ.

Câu lạc này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm (trừ cõi Vô tướng).

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý với đồng lực thiện (kusalajavana).

- Giống: 9 cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

Cảnh duyên tổng quát có 7 duyên hợp trợ, nhưng trong câu lục này chỉ có 2 duyên hợp trợ là:

- Năng duyên có pháp trưởng làm cảnh, nên có “*cảnh trưởng duyên*”.
- Năng duyên là nơi “nuơng của sở duyên”, nên có “*cảnh cận y duyên*”.

**** Không hợp trợ.***

- Năng duyên là danh pháp, nên không có 5 duyên: “*Cảnh vật sinh tiền y duyên*”, “*Cảnh sinh tiền duyên*”, “*Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên*”, “*Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên*” và “*Cảnh sinh tiền bất ly duyên*”.

Câu 2. Kusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.

Pháp thiện trợ pháp bất thiện bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là “pháp thiện” “làm cảnh trợ giúp pháp bất thiện sinh lên.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 17 tâm thiện hiệp thể và 38 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

c- Giải.

Thiện trợ bất thiện bằng cảnh duyên có các cách như sau:

- Người làm việc lành như bố thí, trì giới, cung kính ... khi nhớ lại có thể “tự hào về việc thiện” ấy. Đó là “ngã mạn”.

Hoặc “không hài lòng, vì việc lành ấy còn thiếu sót”, đó là Sân sinh khởi.

Hoặc “thích thú việc phước ấy”, đó là “tham sinh khởi”.

Hoặc “phân vân, không biết việc lành này có thật sự là thiện không”, đó là “nghi sinh khởi”.

Hoặc khi nhớ lại “việc thiện”, tâm miên man suy nghĩ. Đó là “phóng dật sinh khởi”.

Thiện năng duyên là “8 tâm Đại thiện và 38 tâm sở hợp”.

Bất thiện sở duyên là “12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp”.

- Người đắc thiền khi xuất thiền nhớ lại rồi vui mừng hơn hờ, phát sinh ngã mạn, tà kiến ...

Thiện năng duyên là “9 tâm thiện Đáo đại và 35 tâm sở hợp”.

Bất thiện sở duyên là “12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý với đồng lực bất thiện.

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp và không hợp trợ.

Tương tự như câu lục 1.

Câu 3. Kusalo dhammo byākatassa dhammassa ārammaṇa paccaya paccayo.

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là “pháp thiện làm cảnh, trợ giúp pháp vô ký sinh lên”.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Là 37 tâm thiện và 38 tâm sở (khi làm cảnh).

Vô ký sở duyên. Là 26 tâm vô ký = Tâm Hướng ý môn + 11 tâm Na cảnh + 8 tâm Đại hạnh + tâm Sinh tiểu + tâm Thông duy tác + tâm quả Thức vô biên xứ + tâm Duy tác Thức vô biên xứ + tâm quả Phi tướng phi phi tướng xứ + tâm Duy tác phi tướng phi phi tướng xứ và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lương phần).

c- Giải.

Trong câu lạc này có các cách thức như sau:

a' - Người làm việc thiện, khi nhớ lại có thể phát sinh tâm thiện, hoặc phát sinh tâm bất thiện.

Sau 7 sátna đồng lực (hoặc thiện hoặc bất thiện), tiếp theo là 2 sátna tâm Na cảnh.

Trong trường hợp này:

Thiện năng duyên là “8 tâm đại thiện và 38 tâm sở hợp”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn và 11 tâm Na cảnh”.

b' - Vị Thánh Alahán nhớ lại các thiện nghiệp của mình đã tạo, hoan hỷ mỉm cười.

Thiện năng duyên là “8 tâm Đại thiện và 36 tâm sở hợp”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + tâm Sinh tiểu + 4 tâm Đại hạnh thọ hỷ”.

c' - Vi đắc thiền hay an trú trong thiền, khi xuất thiền nhớ lại chi thiền hay tâm thiền đã đắc chứng.

Thiện năng duyên là “9 tâm thiện Đáo đại và 35 tâm sở hợp”.

Vô ký sở duyên là “Tâm Hướng ý môn”.

d' - Vị Thánh Alahán nhớ lại các tầng thiền, hay chi thiền đã đắc chứng trước khi thành bậc Lưu tận.

Thiện năng duyên là “9 tâm thiện Đáo đại và 35 tâm sở hợp”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + 8 tâm Đại hạnh”.

e’ - Vị Thánh hữu học khi chứng Đạo hữu học, tiếp theo lộ đặc đạo là lộ phản khán Đạo.

Thiện năng duyên là “15 tâm đạo Hữu học và 36 tâm sở hợp”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn”.

f’ - Vị Alahán vừa đặc đạo nhớ lại tâm Đạo.

Thiện năng duyên là “5 tâm Tứ Đạo”.

Vô ký sở duyên là “ tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí”.

g’ - Bậc Alahán quán xét tâm thiện của mình hay của người khác trong ba thời.

Thiện năng duyên là “8 đại thiện và 38 tâm sở hợp”.

Thiện sở duyên là “ tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí”.

h’ - Vị Alahán quán sát tâm thiện của mình hay của người khác bằng vô thường, khổ não, vô ngã.

i’ - Vị Alahán quán xét tâm thiện người khác bằng Tha tâm thông.

Thiện năng duyên là “8 tâm thiện và 38 tâm sở hợp”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + tâm Thông Duy tác”.

k’ - Vị Thánh Alahán nhớ lại “các thiện pháp ở quá khứ” bằng “Túc mạng thông” (chỉ pháp tương tự như trên).

m’ - Vị chứng thiên “Không vô biên xứ” trước khi chứng Alahán. Khi chứng quả Alahán, vị Thánh Alahán tu tập và chứng thiên “Thức vô biên xứ”.

Thiện năng duyên là “tâm thiện Không vô biên xứ và 30 tâm sở hợp”.

Vô ký sở duyên là “tâm Duy tác Thức vô biên xứ”.

n’ - Tương tự như thế. “Tâm thiện Vô sở hữu xứ trợ giúp cho tâm Hạnh Phi tướng phi phi tướng xứ” sinh lên.

Vào thời tục sinh:

* Tâm thiện Không vô biên xứ trợ cho tâm quả Thức vô biên xứ sinh lên làm việc Tục sinh.

* Tâm thiện Vô sở hữu xứ trợ cho tâm quả Phi tướng phi phi tướng xứ sinh lên làm việc tục sinh.

Trong phần sở duyên không có “tâm Hường ngũ môn + 2 tâm Tiếp thu + năm đôi thức”, vì cảnh ở đây là “danh pháp”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý chót Na cảnh, lộ phản khán, lộ tu quán, lộ cận tử thiện nhân, lộ nhập thiền hạnh, lộ hiện thông hạnh ... Tùy trường hợp.

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương tự như 2 câu trên.

Câu 4. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là “pháp bất thiện làm cảnh, trợ giúp cho pháp bất thiện sinh lên”.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên Tất cả pháp bất thiện.

Bất thiện sở duyên. Tất cả pháp bất thiện.

c- Giải.

Câu lạc này có các cách như sau:

a’- Người có khuynh hướng tham ái, khi nhớ đến thì:

* Tham ái sinh lên, như người “tà hạnh trong dục lạc”, “trộm cắp”... khi nhớ lại thì khởi sinh tâm Tham. Hoặc

* Sân hận sinh lên, như người thích hưởng thụ nhưng không toại nguyện, khi nhớ đến “phần nộ” sinh lên”.

* Phát sinh Tà kiến, như “cho rằng tham luyến như vậy, như vậy “ là không có tội.

* Hoài nghi sinh lên, Phóng dật sinh lên ...

Bất thiện năng duyên là “4 tâm Tham không có Tà kiến và 21 tâm sở hợp”.

Bất thiện sở duyên là “12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp”.

b’- Người có khuynh hướng Tà kiến, khi nhớ đến thì có thể phát sanh Tà kiến, Hoài nghi ...

Bất thiện năng duyên là “4 tâm Tham hợp tà kiến và 21 tâm sở hợp”.

Bất thiện sở duyên là “tất cả pháp bất thiện”.

c’- Khi nhớ đến hoài nghi cũng có thể hoài nghi, phóng dật sinh lên.

Bất thiện năng duyên là “tâm Si hợp hoài nghi và 15 tâm sở hợp”.

Bất thiện sở duyên là “4 tâm Tham ly tà + 2 tâm Sân + 2 tâm Si và 26 tâm sở hợp (trừ Tà kiến)”.

d’- Khi nhớ đến chuyện buồn có thể phát sanh ưu, tà kiến, hoài nghi, phóng dật.

Bất thiện năng duyên là “2 tâm Sân và 22 tâm sở hữu”.

Bất thiện sở duyên: Tất cả pháp bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ý môn.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Giống như ba câu trên.

Câu 5. Akusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp thiện bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện làm cảnh, trợ giúp cho pháp thiện sinh lên”

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Tất cả pháp bất thiện.

Bất thiện sở duyên. 8 tâm Đại thiện + 36 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần) + tâm thông thiện.

c - Giải.

Có các cách như sau:

a’- Người biết tham, sân, si là phiền não muốn diệt trừ nhưng chưa trừ được, chỉ có thể *tạm trừ*. Là dùng tâm thiện đẩy lui tâm bất thiện.

Như hành giả hành pháp “niệm tâm trong tâm”.

Bất thiện năng duyên: Tất cả pháp bất thiện (làm cảnh).

Thiện sở duyên: 8 tâm Đại thiện và 36 tâm sở hợp.

b’- Bậc Thánh hữu học nhớ lại phiền não đã sát trừ hay phiền não còn lại trong lộ phản khán Đạo.

Bất thiện năng duyên: Pháp bất thiện.

Thiện sở duyên: 8 tâm Đại thiện và 36 tâm sở hợp.

c’ - Người hành thiền Tứ Niệm xứ quán pháp bất thiện khởi lên.

Bất thiện năng duyên: Pháp bất thiện.

Thiện sở duyên: 4 tâm Đại thiện có trí.

d’ - Tha tâm thông thiện biết tâm bất thiện của người khác.

- Bất thiện năng duyên: Tâm bất thiện của người khác đã và đang sinh.

- Thiện sở duyên là “tâm Thông thiện”.

e’ - Những uẩn bất thiện, trợ cho tâm thông thiện như Túc mạng thông , Tiền nghiệp thông, Vị lai thông ..

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý, lộ phản khán, lộ quán xét, lộ hiện thông, tùy trường hợp.

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Không có.

Câu 6. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện làm cảnh trợ giúp pháp vô ký sinh lên”.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp khi làm cảnh.

Vô ký sở duyên. Là 22 tâm = 11 tâm Na cảnh + 10 duy tác dục giới [7] (trừ tâm Hướng ngũ môn) + tâm Thông duy tác và 33 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a’- Sau lộ chứng Thánh đạo Alahán, tiếp theo là lộ “phản khán”. Bấy giờ vị Thánh Alahán “xem xét” lại “phiền não đã sát trừ”.

Hoặc trong thời bình nhật, vị Thánh Alahán “xem xét” lại tất cả pháp bất thiện đã sát trừ

Bất thiện năng duyên là “các tâm sở: Tham, si, ngã mạn, hôn trầm, phóng dật, vô tà, vô quý làm cảnh” (trong lộ phản khán phiền não đã sát trừ).

Hay: Bất thiện năng duyên là “12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp làm cảnh”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + 8 tâm Đại hạnh và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần)”.

b’- Vị Alahán quán bất thiện pháp bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã.

Bất thiện năng duyên là “pháp bất thiện đã từng sanh và của người khác đang sanh”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí và 33 tâm sở hợp”.

c’- Tha tâm thông hạnh của vị Alahán biết tâm bất thiện của người khác.

Bất thiện năng duyên là “pháp bất thiện làm cảnh”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + Tha tâm thông duy tác và 33 tâm sở hợp”.

d’- Bậc Thánh hữu học quán pháp bất thiện bằng vô thường, khổ não, vô ngã. Sau khi 7 sátna đồng lực thiện diệt, tiếp theo là 2 tâm Na cảnh sinh lên, nhận pháp bất thiện làm cảnh (trong lộ chót Na cảnh).

Bất thiện năng duyên là “pháp bất thiện”.

Vô ký sở duyên là “11 tâm Na cảnh”.

e’- Người có khuynh hướng bất thiện, khi nhớ đến bất thiện có thể phát sanh bất thiện như tham, tà kiến ... khi tâm đồng lực bất thiện diệt rồi, tâm Na cảnh sanh lên.

Bất thiện năng duyên là “pháp bất thiện làm cảnh”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + 11 tâm Na cảnh”.

f- Vị Thánh Alahán khi nhớ đến những pháp bất thiện đã diệt trừ, hoan hỷ mỉm cười.

Bất thiện năng duyên là “pháp bất thiện làm cảnh”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + 5 tâm Hạnh Dục giới thọ hỷ và 33 tâm sở hợp”.

g- Những uẩn bất thiện trợ cho tâm Thông duy tác, như Sanh tử thông, Túc mạng thông, Tiền nghiệp thông ... của vị Thánh Alahán, hay tâm Hướng ý môn bằng cảnh duyên.

Bất thiện năng duyên: Tất cả pháp bất thiện.

Vô ký sở duyên: Tâm thông Hạnh + tâm Hướng ý môn và 33 tâm sở hợp.

Trong câu lạc này “đanh pháp làm cảnh”, nên không có tâm Hướng ngũ môn + 2 tâm Tiếp thu.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý, lộ phản khán phiền não, lộ chót Na cảnh, lộ hiện thông tùy theo từng trường hợp.

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Không có.

Câu 7. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký làm cảnh trợ giúp pháp vô ký sinh lên.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Pháp vô ký.

Vô ký sở duyên. 36 tâm vô ký Dục giới [8] + tâm quả và Duy tác Thúc vô biên xứ + tâm quả và Duy tác Phi tướng phi phi tướng xứ + 20 tâm quả Siêu thế + tâm Thông duy tác và 36 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

c- Giải.

Câu lục này có các cách như sau:

a’- Vị Thánh Alahán phản khán tâm quả Alahán đã đắc trong lộ phản khán Tứ Đạo.

Vô ký năng duyên là “5 tâm quả Alahán và 36 tâm sở hợp làm cảnh”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí và 33 tâm sở hợp”.

b’- Nípàn là cảnh trợ cho tâm Hướng ý môn + 20 tâm quả Siêu thế .

Vô ký năng duyên là “Nípàn là cảnh”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + 20 tâm quả Siêu thế”.

c’- Vị Thánh Alahán phản khán Nípàn trong lộ phản khán.

Vô ký năng duyên là “Nípàn làm cảnh”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí”.

d’- Vị Thánh Alahán quán sáu sắc vật là: Nhãn vật, Nhĩ vật, Tỷ vật, Thiệt vật, Thân vật và sắc Ý vật; bảy sắc cảnh là: Sắc, thanh, mùi, vị và xúc theo vô thường, khổ não, vô ngã.

Vô ký năng duyên là “6 sắc hữu vật + 7 sắc cảnh khi làm cảnh”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần).

e’- Vị Alahán thấy sắc bằng thiên nhãn.

Vô ký năng duyên: Sắc xa, gần, thô, tế, trống, kín ... đều bị thấy tức là thành cảnh sắc.

Vô ký sở duyên là “tâm hạnh Thiên nhãn thông”.

Hay vị Thánh Alahán thấy sắc.

Vô ký năng duyên là “sắc cảnh sắc”.

Vô ký sở duyên là “2 tâm Hướng môn + 2 tâm Tiếp thu + 3 tâm Quan sát + 9 đồng lực duy tác Dục giới [9] và 33 tâm sở hợp”

f’- Vị Thánh Alahán nghe tiếng bằng Thiên nhĩ thông hạnh hay nghe tiếng theo thông thường..

g’- Vị Alahán biết tâm vô ký (luôn cả những tâm quả tục sinh) người khác bằng Tha tâm thông hạnh.

Những uẩn vô ký trợ tâm Thông hạnh như: Túc mạng, Sinh tử thông ... và tâm Hướng ý môn.

h’- Tâm hạnh Không vô biên xứ trợ tâm hạnh Thức vô biên xứ.

Là vị Thánh Alahán, tu thiền vô sắc chứng hay trú thiền Thức vô biên xứ.

Vô ký năng duyên là “tâm hạnh Không vô biên xứ làm cảnh”.

Vô ký sở duyên là “tâm hạnh Thức vô biên xứ và 30 tâm sở hợp”.

i’- Tâm hạnh Thức vô biên trợ tâm hạnh Phi tướng phi phi tướng xứ.

k’- Bảy sắc cảnh trợ cho năm giới thức như: sắc cảnh sắc trợ cho Nhãn thức ...

Vô ký năng duyên là “7 sắc cảnh”.

Vô ký sở duyên là “2 tâm Hướng môn + 5 đôi thức + 2 tâm Tiếp thu + 3 tâm Quan sát + 11 tâm Na cảnh và 12 tâm sở hợp”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Năng duyên có ở thời bình nhật; sở duyên có cả ba thời.

- Lộ tâm: Lộ ngũ môn, lộ ý môn.

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng duyên có pháp trưởng nên có *Cảnh trưởng duyên*.

- Năng duyên là pháp nương tựa của sở duyên, nên có “*Cảnh cận y duyên*”.

- Năng duyên có sắc vật làm cảnh, nên có 5 duyên: “*Cảnh sinh tiền duyên*”, “*Cảnh sinh tiền y duyên*”, “*Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên*”, “*Cảnh sinh tiền bất ly duyên*”, “*Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên*”.

Như vậy có 6 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

Không có.

Câu 8. Abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký làm cảnh giúp cho pháp thiện sinh lên và được vững mạnh”.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 67 tâm vô ký (20 tâm duy tác + 47 tâm quả) [10] (trừ 5 tâm quả Alahán) và 36 tâm sở + sắc pháp + Nípàn.

Vô ký sở duyên. 29 tâm (8 tâm Đại thiện + 20 tâm đạo + tâm Thông thiện) + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần và Vô lượng phần).

c- Giải.

Có các cách như sau:

a’- Bạc Thánh Hữu học phản khán tâm quả Siêu thế bằng tâm Đại thiện có trí.

Vô ký năng duyên là “15 tâm quả Siêu thế hữu học và 36 tâm sở hợp làm cảnh”.

Thiện sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp”

b’- Bạc Thánh hữu học phản khán Nípàn bằng tâm thiện Dục giới có trí.

Vô ký năng duyên là “Nípàn làm cảnh”.

Thiện sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp”

c’- Nípàn trợ giúp tâm Chuyển tánh (gotrabhū) hay tâm Tiến bậc (vodanā) và tâm Đạo bằng cảnh duyên.

Vô ký năng duyên là “Nípàn làm cảnh”.

Thiện sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí + 20 tâm Đạo”.

d’- Bạc Thánh hữu học và phàm nhân quán sát sáu sắc hữu vật, bảy sắc cảnh, bốn danh uẩn vô ký theo Vô thường, khổ não và vô ngã.

Vô ký năng duyên là “sáu sắc vật + 7 sắc cảnh + tâm vô ký và tâm sở hợp”.

Thiện năng duyên là “4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp”.

e’ - Bạc Thánh Hữu học và phàm tam nhân đắc Thiên nhãn thông, thấy các sắc bằng tâm Thông thiện.

- Bạc Thánh Hữu học và phàm tam nhân đắc Thiên nhĩ thông, nghe các tiếng bằng tâm Thông thiện.

- Bạc Thánh Hữu học và phàm tam nhân đắc Tha tâm thông, biết tâm vô ký người khác bằng tâm Thông thiện.

- Những uẩn vô ký trợ giúp Túc mạng thông bằng cảnh duyên.

- Những uẩn vô ký trợ giúp Vị lai thông bằng cảnh duyên.

- Những uẩn vô ký trợ Tiền nghiệp thông bằng cảnh duyên ...

Tổng quát:

Vô ký năng duyên là “tâm vô ký và tâm sở hợp + sắc pháp” (tùy trường hợp).

Thiện sở duyên là “tâm Thông thiện và 33 tâm sở hợp”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 Thánh hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý, lộ phản khán, lộ quan sát, lộ đắc đạo, lộ hiện thông tùy trường hợp.

- Giống: Giống cảnh.

Sở dĩ có 4 người Đạo vì sở duyên có “20 tâm Đạo”.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Năng duyên có pháp trưởng nên có *Cảnh trưởng duyên*.

- Năng duyên là pháp nương tựa của sở duyên, nên có “*Cảnh cận y duyên*”.

- Năng duyên có sắc vật làm cảnh, nên có 5 duyên: “*Cảnh sinh tiền duyên*”, “*Cảnh sinh tiền y duyên*”, “*Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên*”, “*Cảnh sinh tiền bất ly duyên*”, “*Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên*”.

Như vậy có 6 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

Không có.

Câu 9. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Pháp vô ký làm cảnh trợ giúp pháp bất thiện sinh lên và được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Tâm vô ký hiệp thế [11] và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần) [12] + sắc pháp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách thức như sau:

a’- Người nhớ lại sắc, thanh, hương, vị, xúc, hay nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân sắc Ý vật, thân biểu tri, ngữ biểu tri ... phát sinh tham, sân, si, tà kiến, hoài nghi, phóng dật.

Vô ký năng duyên là “sắc pháp đang làm cảnh”.

Bất thiện sở duyên là “tâm bất thiện và tâm sở hợp”.

b’- Người nhớ lại những sự “thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng”, có thể phát sinh tham, sân, mạn, tà kiến, ưu ...

Vô ký năng duyên là “Nhãn thức, Nhĩ thức đang làm cảnh”

Bất thiện sở duyên là “tâm bất thiện và tâm sở hợp”.

c’- Người nghĩ đến quả lành của thiện nghiệp, có thể phát sinh tham, mạn, ưu ...

Vô ký năng duyên là “các tâm quả thiện hay tâm quả bất thiện và tâm sở hợp đang làm cảnh”.

Bất thiện năng duyên là “tâm bất thiện và tâm sở hợp”.

d’- Phàm nhân khi nghĩ đến “những tâm Duy tác của bậc Thánh Alahán”, có thể phát sinh tham, nghi, phóng dật ...

Vô ký năng duyên là “tâm Duy tác hữu nhân và tâm sở hợp”.

Bất thiện sở duyên là “tâm bất thiện và tâm sở hợp”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ môn và lộ ý môn.

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương tự như câu 7.

3 - Trưởng duyên.

(Adhipati paccayo).

Trưởng duyên chia rộng có ba duyên là:

Cảnh trưởng duyên, Đồng sinh trưởng duyên và Cảnh vật sinh tiền trưởng duyên.

Riêng Cảnh vật sinh tiền trưởng duyên là sắc Ý vật sinh trước và làm cảnh tốt cho tâm sanh sau nên thuộc về một trong chi pháp của Cảnh trưởng duyên.

A- Cảnh trưởng duyên

(Ārammaṇādhīpati paccayo).

Cảnh cận y duyên có chi pháp trùng với Cảnh trưởng duyên.

Định nghĩa.

Cảnh trưởng duyên “là cảnh lớn trội, trợ giúp các pháp khác sinh khởi và được vững mạnh”.

Chi pháp .

Năng duyên. Nípàn + 116 tâm (trừ 2 tâm Sân + 2 tâm Si + tâm Thân thức thọ khổ) và 47 tâm sở hợp (trừ Sân phần + tâm sở Hoài nghi) + 18 hiển sắc (nipphannarūpa) làm thành cảnh tốt ba thời theo người ưa thích.

Sở duyên. 60 tâm [13] và 45 tâm sở hợp (trừ Sân phần + tâm sở Hoài nghi + Vô lượng phần).

Phi sở duyên. Nípàn + chế định + sắc pháp + 81 tâm hiệp thể và tâm sở hợp khi không nhận cảnh không tốt.

Duyên rộng chia từ duyên hẹp ra thì không có câu lạc trong chánh tạng.

Theo đây bằng cách chia rộng thì những duyên đã chia có câu lạc như trong kinh đã dạy.

Cảnh trưởng duyên với tam đề thiện.

Có bảy câu lạc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇādhīpati paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Cảnh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là “pháp thiện làm cảnh trưởng trợ giúp pháp thiện sinh lên và được vững mạnh”.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 32 tâm thiện (trừ 5 tâm Tứ đạo) [14] và 38 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên. 8 tâm Đại thiện và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần và Vô lượng phần).

c- Giải.

Năng duyên không có 5 tâm Tứ đạo là vì: Tâm tứ Đạo chỉ có thể làm cảnh trưởng cho bậc Alahán, mà bậc Alahán không còn “thiện hay bất thiện”.

Sở duyên chỉ có 8 tâm Đại thiện, vì:

- Các tâm thiện Đáo đại (trừ tâm thiện Thức vô biên xứ và tâm thiện Phi tướng phi phi tướng xứ) chỉ bắt cảnh Chế định.

- Tâm thiện Thức vô biên xứ nhận cảnh là “tâm thiện Không vô biên xứ đã diệt” làm cảnh, trong trường hợp này “tâm Không vô biên xứ không thể là cảnh trưởng cho “tâm Thức vô biên xứ”.

Tâm Không vô biên xứ chỉ có thể là “cảnh trưởng” với tâm Đại thiện.

- Tương tự như thế với tâm thiện Phi tướng phi phi tướng xứ.

Tâm thiện Phi tướng phi phi tướng xứ nhận cảnh là “các hành đã diệt của tâm thiện Vô sở hữu xứ”.

Tâm thiện Vô sở hữu xứ chỉ có thể làm cảnh trưởng cho 8 tâm Đại thiện, không là cảnh trưởng của tâm thiện Phi tướng phi phi tướng xứ.

- 20 tâm Đạo chỉ nhận Nípàn làm cảnh mà thôi. Tiêu đề ở đây là “pháp thiện làm cảnh trưởng”.

- Sở duyên không có Giới phần và Vô lượng phần, vì không có cảnh tương ứng cho 5 tâm sở này sinh lên.

Có các cách như sau:

a’- Người bồ thí, thọ trì ngũ giới, thanh tịnh giới rồi nhớ lại, hoan hỷ bằng tâm tốt đẹp.

Thiện năng duyên: 8 tâm Đại thiện và 36 tâm sở hợp”.

Thiện sở duyên: 8 tâm Đại thiện và 33 sở hữu”.

b' - Người nhớ lại “tâm thiện” trước đây của mình, phát sinh tâm thiện.

Thiện năng duyên: 17 tâm thiện hiệp thể và 38 tâm sở hợp”.

Thiện sở duyên: 8 tâm Đại thiện và 33 tâm sở hợp”.

c' - Khi xuất thiền nhớ lại thiện mình đã đắc bằng tâm tốt.

Thiện năng duyên: 9 tâm thiện Đáo đại và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần)”.

Thiện sở duyên là: 8 tâm Đại thiện Dục giới và 33 tâm sở hợp”.

d' -Bậc Thánh hữu học “xem xét” tâm Chuyển tộc (gotrabhū) hay tâm Tiến bậc (vodanā).

Thiện năng duyên: 4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp”.

Thiện sở duyên: 8 tâm Đại thiện và 33 tâm sở hợp”.

e' - Vị Thánh Hữu học “xem xét”Đạo vừa chứng đắc trong lộ phản khán”.

Thiện năng duyên: 15 tâm Đạo hữu học và 36 tâm sở hợp”.

Thiện sở duyên: 4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý, lộ phản khán thiện, lộ phản khán “Chuyển tánh”, lộ phản khán Tiến bậc, lộ phản khán Đạo (tùy trường hợp).

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Cảnh trường duyên có 7 duyên hợp trợ. Trong câu lục này có:

** Hợp trợ.*

- Năng duyên làm cảnh trưởng cho sở duyên, nên có “*Cảnh duyên*”.
- Năng duyên giúp cho sở duyên vững mạnh, nên có “*Cảnh cận y duyên*”.

Như vậy có 2 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng duyên là danh pháp, nên không có 5 duyên: “*Cảnh vật sinh tiền y duyên*”, “*Cảnh sinh tiền duyên*”, “*Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên*”, “*Cảnh vật sinh tiền hiện hữu duyên*” và “*Cảnh sinh tiền bất ly duyên*”

Câu 2. *Kusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇā dhipatipaccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp bất thiện bằng Cảnh trưởng duyên.

a-Định nghĩa.

Là pháp thiện làm cảnh trưởng trợ giúp pháp bất thiện sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 17 tâm thiện hiệp thế và 38 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

c - Giải.

Có các cách như sau:

a’- Người bỏ thí, trì giới, cung kính ... khi nhớ đến phát sinh ngã mạn hay tà kiến.

b’- Người ưa thích thiện khi nhớ đến phát sinh tham ái, tà kiến, hay ngã mạn ...

Thiện năng duyên: 8 tâm thiện Dục giới và 38 tâm sở hợp”.

Bất thiện sở duyên: 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

c’- Khi xuất thiền, thỏa thích với thiền mình vừa đắc có thể phát sinh tham ái, tà kiến ...

Thiền năng duyên: 9 thiện Đáo đại + 35 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên: 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ý.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương tự như trên.

Câu 3. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇā dhipatipaccayena paccayo.

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Cảnh trường duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện làm cảnh trường, trợ giúp pháp vô ký sinh lên được vững mạnh.

b – Chỉ pháp.

Thiền năng duyên. 5 tâm Tứ đạo và 36 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên. 4 tâm Đại hạnh có trí và 33 tâm sở hợp.

c- Giải.

- Vị Thánh Alahán sau khi đắc đạo “xem xét” lại tâm Tứ đạo vừa đắc.

Câu này đối với.

- Người: Người Tứ quả.
- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm (trừ 4 cõi khổ).
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ phản khán đạo.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương tự như trên.

Câu 4. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇa dhipatipaccayena paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Cảnh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện làm cảnh trưởng, trợ cho pháp bất thiện sinh lên, được vững mạnh.

b- Chỉ pháp.

Bất thiện năng duyên. 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

c- Giải.

Câu lục này có các cách như sau:

- Người thường tham ái khi nhớ lại phát sinh tham ái, tà kiến, ngã mạn.
- Người ưa thích tà kiến nhớ lại phát sinh tà kiến, tham ái.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ý, lộ phản khán bất thiện.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Giống như trên.

Câu 5. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇā dhipatipaccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Cảnh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký làm cảnh trưởng trợ giúp pháp vô ký sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 5 tâm quả Alahán và 36 tâm sở hợp + Nípàn.

Vô ký sở duyên. 4 tâm Đại hạnh có trí + 20 tâm quả Siêu thế và 36 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a’- Vị Alahán vừa đắc đạo xong, “xem xét” lại quả Alahán và Nípàn bằng cách chăm chú đặc biệt trong lộ phản khán.

Vô ký năng duyên.: 5 tâm Tứ quả và 36 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên: Tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí và 33 tâm sở hợp.

b’- Nípàn trợ cho 20 quả Siêu thế sinh lên.

Câu này đối với.

- Người: Tứ quả.
- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ý, lộ phản khán Đạo, lộ đắc đạo, lộ nhập thiền quả.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như trên.

Câu 6. Abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇā dhipatipaccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Cảnh trường duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký làm cảnh trường trợ giúp pháp thiện sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 15 tâm quả Siêu thế hữu học và 36 tâm sở hợp + Nípàn.

Thiện sở duyên. 4 tâm Đại thiện có trí + 20 tâm Đạo và 36 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

c- Giải.

Có các cách như sau:

a' - Bạc Thánh hữu học phản khán quả Siêu thế hữu học và Nípàn bằng cách chăm chú đặc biệt trong lộ phản khán Đạo.

Vô ký năng duyên: 15 tâm quả Siêu thế hữu học và 36 tâm sở hợp + Nípàn (làm cảnh trường).

Thiện sở duyên: 4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần và Vô lượng phần) nơi tâm bậc Thánh hữu học.

b' - Nípàn trợ cho tâm Chuyển tánh (Gotrabhū), tâm Tiến bậc (Vodanā) và 15 tâm Đạo hữu học.

Vô ký năng duyên: Nípàn làm cảnh trưởng.

Thiện sở duyên: 4 tâm Đại thiện có trí + 15 tâm Đạo hữu học và 36 tâm sở hợp, nơi tâm bậc Thánh hữu học.

Trường hợp tâm Chuyển tánh thì có nơi tâm phạm Tam nhân.

Câu này đối với.

- Người: Phạm tam nhân + 4 người Đạo + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: lộ ý, lộ phản khán Đạo, lộ đắc đạo.
- Giống: Giống: cảnh.

Có người phạm tam nhân, chỉ cho Nípàn trợ giúp cho tâm Chuyển tánh (Gotrabhū).

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương tự như trên.

Câu 7. Abyākato dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇā dhipatipaccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Cảnh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký làm thành cảnh tốt, trợ giúp pháp bất thiện sinh lên và vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 18 sắc hiển lộ (nipphannarūpa) làm thành cảnh tốt + 51 tâm vô ký hợp thể [15] (trừ Thân thức thọ khổ) và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần).

Bất thiện sở duyên. 8 tâm Tham và 22 sở hữu hợp.

c- Giải.

Danh pháp vô ký làm thành cảnh trưởng, phải là danh pháp tốt đẹp, chí ít cũng phải là thọ xả.

Riêng tâm Thân thức thọ khổ không có được điều này, nên tâm Thân thức thọ khổ không là năng duyên trong cảnh trưởng duyên.

Những tâm quả Siêu thế có thể trở thành cảnh trưởng, để nhận “những tâm quả Siêu thế làm cảnh trưởng” phải là tâm Đại thiện có trí hay tâm Đại hạnh có trí, nhưng ở đây “sở duyên” là pháp bất thiện. Nên năng duyên không có “những tâm quả Siêu thế”.

Trong câu lục này có các cách như sau:

a’- Người ưa thích ngũ trần hoặc nhãn, nhĩ, tỷ..., có ý chấp trước thời tham ái, tà kiến cũng phát sanh.

Vô ký năng duyên: 18 sắc hiển lộ làm cảnh trưởng.

Bất thiện sở duyên: 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

b’- Người ưa thích những quả an lạc của thiện nghiệp, có ý chấp trước thời tham ái, tà kiến, ngã mạn ... có thể phát sinh.

Vô ký năng duyên: Các tâm quả thiện và tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên: 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

c’- Người có ý chấp trước những quả bất lạc, khi nhận chúng làm cảnh có thể phát sinh tham.

Như những đạo sĩ khổ hạnh, hay những người khi nhận cảnh “sắc xấu”, có thể khởi tham.

Hoặc như những hành giả “niệm thể trước”.

Hoặc khi nhận cảnh xấu, có thể khởi lên sự “ao ước” thoát khỏi cảnh không an vui ...

Vô ký năng duyên: những tâm quả bất thiện và tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên: 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

d’- Với những vị có Tha tâm thông, biết được những tâm Duy tác của bậc Thánh Alahán [16] , sau đó có thể khởi tâm Tham.

Vô ký năng duyên: 17 tâm Duy tác hữu nhân và 35 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên: 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ý, lộ ngũ.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Năng duyên làm cảnh cho sở duyên, nên có “*Cảnh duyên*”.
- Năng duyên làm cảnh tốt đẹp, giúp cho sở duyên vững mạnh, nên có “*Cảnh cận y duyên*”.
- Năng duyên có sắc vật, nên có “*Cảnh sinh tiền duyên*”, “*Cảnh vật sinh tiền y duyên*”.
- Năng duyên là sắc pháp, sở duyên là danh pháp, nên có “*Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên*”.

- Năng là sắc pháp, sở là danh pháp. Năng và sở cùng có mặt, nên có “*Cảnh vật sinh tiền hiện hữu duyên*”, “*Cảnh vật sinh tiền bất ly duyên*”, “*Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên*” và “*Cảnh sinh tiền bất ly duyên*”.

* *Không hợp trợ.*

Không có.

Chú thích.

- *Cảnh cận y duyên* trùng với *Cảnh trưởng duyên*, vì có chi pháp như nhau.

Cảnh vật sinh tiền duyên nằm trong câu lạc này nhưng chi pháp như sau:

Vô ký năng duyên: sắc Ý vật trong khi thành cảnh tốt.

Bất thiện sở duyên: 8 tâm tham khi cận tử và 22 tâm sở hợp.

B- Đồng sinh trưởng duyên.

(Sahajātādhīpati paccayo).

Định nghĩa.

Gọi là “*trưởng*”. vì năng duyên là pháp “vượt trội”.

Gọi là “*đồng sinh*” vì năng và sở cùng sinh lên.

Đồng sinh trưởng duyên là “pháp lớn mạnh trợ giúp pháp khác sinh lên được vững mạnh, đồng thời cả năng và sở đều cùng sinh lên”.

Chi pháp.

a- Năng duyên. Là một trong 4 pháp trưởng: Dục, cần, tâm, thẩm có trong tâm Đồng lực (javanacitta) nhị nhân và tam nhân (trừ tâm Si).

Được phân như sau:

Năng duyên nhất định: Là một trong ***tứ trưởng*** có trong 58 tâm: 9 tâm thiện Đáo đại + 9 tâm Duy tác Đáo đại + 40 tâm Siêu thế.

Năng duyên bất định: Là một trong ***tứ trưởng*** có trong 10 tâm bất thiện (trừ hai tâm Si) + 8 tâm Duy tác dục giới + 8 tâm thiện Dục giới.

b- Sở duyên. Là 84 tâm: 40 tâm Siêu thế + 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm Si) + 8 tâm Đại thiện + 8 tâm Đại hạnh + 18 đồng lực Đáo đại [17] và 51 tâm sở (trừ pháp đang làm trưởng) + sắc tâm hữu trưởng Dục giới.

Được phân như sau:

Sở duyên nhất định. 58 tâm đồng lực kiên cố [18] + 38 tâm sở hợp (trừ pháp đang làm trưởng) + sắc tâm kiên cố hữu trưởng.

Sở duyên bất định. 26 tâm đồng lực Dục giới (nhị và tam nhân) [19] và 51 tâm sở hợp (trừ tâm sở Hoài nghi) + sắc tâm trưởng.

c- Phi sở duyên.

Phi sở duyên nhất định. 18 tâm Vô nhân + 2 tâm Si + 8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại và 40 tâm sở hợp [20] + sắc tâm vô nhân, sắc tâm một nhân, sắc nghiệp tục sinh, sắc nghiệp bình nhật, sắc thời tiết, sắc vật thực.

Phi sở duyên bất định. 26 tâm đồng lực Dục giới (2 hay 3 nhân) và 51 tâm sở hợp (trừ tâm sở Hoài nghi). Lấy lại 3 pháp: Dục, cần, trí khi đang làm trưởng + sắc tâm Dục giới (2 hay 3 nhân) phi trưởng.

Cần lưu ý:

- Khi một trong 3 pháp: Dục, cần và trí làm trưởng, bấy giờ tâm Siêu thế, tâm bất thiện ... mới là sở duyên cùng với tâm sở hợp (trừ pháp làm trưởng).

Ví dụ: Trong tâm Tham thọ hỷ hợp tà kiến vô trợ.

* Khi tâm là pháp trưởng thì sở duyên là 19 tâm sở hợp.

* Khi tâm sở Dục là pháp trưởng thì sở duyên là: Tâm Tham thứ 1 và 20 tâm sở hợp (trừ tâm sở Dục).

* Khi tâm sở Cần làm trưởng, thì sở duyên là: Tâm tham thứ 1 và 20 tâm sở hợp (trừ tâm sở Cần).

Các tâm khác cũng y theo cách lý giải này.

- Tính 51 tâm sở hợp (trừ tâm sở Hoài nghi) là tính tổng quát, học viên cần phân tích theo từng loại tâm : Thiện, bất thiện và vô ký.

Đồng sinh trưởng duyên với tam đề thiện.

Có 7 câu lục.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa saha-jātā-dhipati paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp trưởng thiện trợ giúp các pháp thiện sinh lên, được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Là tâm sở Dục, tâm sở Cần, tâm sở Trí + 37 tâm thiện khi làm trưởng.

Thiện sở duyên. Là tất cả pháp thiện (trừ pháp thiện đang làm trưởng).

Phân tích.

- Khi “tâm sở Dục” là pháp trưởng, thiện sở duyên là “37 tâm thiện và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Dục).

- Khi “tâm sở Cần” là pháp trưởng, thiện sở duyên là “37 tâm thiện và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Cần).

- Khi “tâm sở Trí” là pháp trưởng, thiện sở duyên là “33 tâm thiện có trí và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Trí).

- Khi “tâm thiện” là pháp trưởng, thiện sở duyên là “38 tâm sở hợp”.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a’- Người muốn bố thí, trì giới, cung kính, phục vụ ...

Thiện năng duyên là “Dục trưởng”.

Thiện sở duyên là “8 tâm đại thiện và 37 tâm sở hợp”.

b’- Người nỗ lực thực hiện các pháp như bố thí, trì giới... Hay “có trí “ hiểu biết: Đây là những thiện nghiệp, cho quả an vui nên thực hành; hoặc khi thực hiện các nghiệp lành, tâm hân hoan vui thích.

- Thiện năng duyên là “tâm sở Cần, tâm sở Trí, tâm thiện” tùy theo trường hợp.

- Thiện sở duyên là “37 tâm thiện và 37 (hay 38) tâm sở hợp, tùy theo trường hợp.

c’- Người nỗ lực, hay có ước muốn hay có trí, thực hành thiện định, chứng đắc thiện định.

Thiện năng duyên là “1 trong 4 pháp trưởng”.

Thiện sở duyên là “9 tâm thiện Đáo đại + 36 tâm sở hợp”, tùy theo trường hợp của pháp trưởng.

d’- Người nỗ lực , hay có ước muốn hoặc có trí, thực hành pháp Tứ niệm xứ, chứng đắc Đạo.

Thiện năng duyên là “ 1 trong 4 pháp trưởng”.

Thiện sở duyên là “20 tâm Đạo và 36 tâm sở hợp” tùy theo trường hợp.

Tâm Đạo chỉ là pháp trưởng khi hành giả chứng đắc thiện định trước rồi triển khai pháp quán, chứng Đạo.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 Thánh hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiện, lộ nhập thiện, lộ đắc đạo.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

Đồng sinh trưởng duyên có 12 duyên hợp trợ, trong câu lục này có:

- Năng duyên có tâm sở Trí là trưởng, nên có “*Nhân duyên*”.
- Năng và sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Năng giúp sở, sở giúp năng, nên có “*Hỗ tương duyên*”.
- Sở cùng sinh lên với năng và nương dựa vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng duyên có “tâm là pháp trưởng”, nên có “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng duyên có “cần và trí” là pháp trưởng, nên có “*Đồng sinh quyền duyên*” và “*Đạo duyên*”.
- Năng và sở hòa hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng và sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*” và “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Như vậy có 10 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng duyên thuộc thiện nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng và sở đều là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Trong 12 duyên hợp trợ, có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa saha-jātādhipati paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện làm trưởng, trợ giúp pháp vô ký sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Là một trong bốn pháp trường thiện.

Vô ký sở duyên. Là sắc tâm thiện hữu trường.

c- Giải.

Thí dụ: Như bà Gotami muốn xuất gia trong Giáo pháp này, bà đi bộ từ Kapilavatthu (Catỳlavệ) đến Sāvattthi (Xá-vệ) để xin xuất gia.

Thiện năng duyên là “dục trường”.

Vô ký sở duyên là “sắc thân biểu tri hữu trường”.

Hay: Vị Tỷkhuu vận dụng trí để giảng pháp.

Thiện năng duyên là “tâm sở Trí” làm trường.

Vô ký sở duyên là “sắc ngữ biểu tri”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiên, lộ đắc đạo...
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng duyên có tâm sở Trí, nên có “*Nhân duyên*”, “*Đạo duyên*”, “*Quyền đồng sinh duyên*”.
- Năng duyên có “tâm thiện là trường”, nên có “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng và sở cùng sinh khởi, nên có “*Đồng sinh duyên*”.

- Sở nương tựa vào năng để vững mạnh và cùng sinh lên với năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng là danh, sở là sắc, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

- Năng và sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Như vậy có 9 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.

- Năng là danh, sở là sắc, nên không có “*Tương ưng duyên*”.

- Sở không hỗ trợ năng, nên không có “*Hỗ trợ duyên*”.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 3. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa dhammassa saha-jātā-dhipati paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện làm trưởng trợ giúp pháp thiện và pháp vô ký cùng sinh lên.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Là một trong 4 pháp trưởng thiện.

Thiện và vô ký sở duyên. Là pháp thiện và sắc tâm thiện hữu trưởng.

c- Giải.

- Thiện trưởng làm duyên cho những uẩn thiện tương ưng và sắc tâm thiện hữu trưởng.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiền, lộ đắc đạo, lộ hiện thông, lộ nhập thiền.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Năng duyên có tâm sở Trí là trưởng, nên có “*Nhân duyên*”, “*Quyền đồng sinh duyên*”, “*Đạo duyên*”.
- Năng duyên là chỗ nương nhờ cho sở duyên được vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng duyên có “tâm làm trưởng”, nên có “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng và sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*đồng sinh bất ly duyên*”.

Như vậy có 8 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng là danh, sở có sắc pháp, nên không có “*Hổ tương duyên*”.
- Năng là pháp thiện nên không có “*Quả duyên*”.
- Sở có sắc pháp, nên không có “*Tương ưng duyên*”.
- Sở có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 4. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa saḥajātādhīpati paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện làm trưởng trợ giúp pháp bất thiện sinh lên, được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên.

- Dục trưởng là tâm sở Dục trong tâm bất thiện 2 nhân.
- Cần trưởng là tâm sở Cần trong tâm bất thiện 2 nhân.
- Tâm trưởng là 8 tâm Tham + 2 tâm Sân.

Bất thiện sở duyên. 8 tâm Tham + 2 tâm Sân và 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở Hoài nghi).

Chú thích.

Sở duyên nêu ra tổng quát là như vậy, tùy theo pháp làm trưởng sẽ có chi tiết như sau:

* Trong 8 tâm Tham:

- Khi Dục là trưởng, thì sở duyên là “8 tâm Tham và 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở Dục).
- Khi Cần là trưởng, thì sở duyên là “8 tâm Tham và 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở Cần).
- Khi 8 tâm Tham là trưởng, thì sở duyên là 22 tâm sở hợp.

* Trong 2 tâm Sân.

Tương tự như trên.

c- Giải.

Các cách trong câu lạc này như sau:

a’- Người “ước ao” thụ hưởng năm dục lạc, khi nghĩ đến “dục lạc”, tâm dính mắc với loại dục lạc ấy.

Bất thiện năng duyên là “dục trưởng” có trong tâm Tham.

Bất thiện sở duyên là “8 tâm Tham và 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở Dục)”.

b’- Người cố gắng tìm cách trộm cắp tài sản của người.

Bất thiện năng duyên là “cần trưởng” có trong tâm Tham.

Bất thiện sở duyên là “8 tâm tham và 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở Cần).

c’- người có tâm tham ái, khi nghĩ đến tham ái phát sinh tham ...

Bất thiện năng duyên là “8 tâm Tham làm trưởng”.

Bất thiện sở duyên là “22 tâm sở hợp trong tâm Tham.”

d’- Người có ý “muốn sát hại kẻ nghịch” hay “cố gắng sát hại kẻ nghịch”...

Bất thiện năng duyên là “Dục trưởng” hay “cần trưởng” có trong tâm Sân.

Bất thiện sở duyên là “2 tâm sân và 21 tâm sở hợp (trừ pháp đang làm trưởng).

e- Người có tâm sân hận và nuôi dưỡng tâm sân hận.

Bất thiện năng duyên là “2 tâmSân” làm trưởng.

Bất thiện sở duyên là “22 tâm sở hợp trong tâm Sân”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ môn, lộ ý môn (với tâm đồng lực bất thiện nhị nhân).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Năng và sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng có “tâm làm trưởng”, nên có “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng có “Cần trưởng”, nên có “*Quyền đồng sinh duyên*” và “*Đạo duyên*”.
- Năng và sở hòa hợp với nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng và sở hỗ trợ lẫn nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”.
- Năng và sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*” và “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Như vậy có 9 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có “*nhân duyên*”.
- Năng là pháp bất thiện nên, không có “*Quả duyên*”.
- Năng và sở đều là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa saḥajātādhipati paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện “làm trưởng”, trợ giúp cho pháp vô ký sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Là một trong ba pháp trưởng bất thiện trong tâm bất thiện nhị nhân.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện hữu trưởng.

c- Giải.

Người có tâm bất thiện, đã thực hiện việc ác bằng thân hay ngữ. Ở đây chỉ nêu lên phần “sắc do tâm tạo”.

Có các cách như sau:

a’- Người có tâm Tham, trộm cắp tài sản của người. Hay người có tâm Sân, đánh đập người khác...

Bất thiện năng duyên: Một trong 3 pháp trường bất thiện.

Vô ký sở duyên: Sắc thân biểu tri bất thiện hữu trưởng.

b’- Người có tâm Tham nên nói lời vu không kẻ khác để chiếm đoạt tài sản của người, hoặc do Sân nên mắng nhiếc kẻ khác ...

Bất thiện năng duyên: Một trong ba pháp trường bất thiện.

Vô ký sở duyên: Sắc ngữ biểu tri bất thiện hữu trưởng.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lô ngũ, lộ ý (với tâm đồng lực bất thiện nhị nhân).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng và sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng và cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

- Năng có “Cần trưởng”, nên có “*Quyền đồng sinh duyên*”, “*Đạo duyên*”.
- Năng có “Tâm là trưởng”, nên có “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng là danh, sở là sắc, cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Như vậy có 8 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Sở duyên không hỗ trợ cho năng duyên, nên không có “*Hỗ tương duyên*”.
- Năng duyên không có pháp nhân, nên không có “*Nhân duyên*”.
- Năng là danh, sở là sắc, nên không có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa saha-jātādhīpati paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và pháp vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện làm trưởng, trợ giúp pháp bất thiện và pháp vô ký sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

- *Bất thiện năng duyên.* Một trong ba pháp trưởng trong tâm đồng lực bất thiện nhị nhân.

Bất thiện và Vô ký sở duyên: 8 tâm Tham + 2 tâm Sân + 26 tâm sở hợp (trừ pháp trưởng) + sắc tâm bất thiện hữu trưởng.

c- Giải.

Có trường hợp khởi lên bất thiện nhưng chưa thực hiện bằng thân, ngữ. Như trường hợp người luyện chú thuật để hại người.

Đây là cách “danh trợ danh”.

Có trường hợp khởi lên tâm bất thiện, thực hiện bằng thân hay ngữ. Đây là trường hợp “danh trợ sắc”.

Kết hợp cả hai điều trên, đây là trường hợp “danh trợ cho danh - sắc”.

Một uẩn bất thiện làm trưởng, trợ giúp cho các uẩn tương ưng sinh lên vững mạnh. Như:

- Một trong 2 tâm sở Dục, hay tâm sở Cần làm trưởng (thuộc hành uẩn” là năng duyên; thì sở duyên là: 10 tâm bất thiện nhị nhân và 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở đang làm trưởng), + sắc tâm bất thiện hữu trưởng.

- Thức uẩn làm trưởng (là 1 trong 10 tâm bất thiện nhị nhân), thì sở duyên là: 27 tâm sở hợp + sắc tâm bất thiện hữu trưởng.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.

- Năng là chỗ nương cho sở được vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng có “Tâm là trưởng”, nên có “*Danh vật thực duyên*”.

- Năng có “tâm sở Cần” là pháp trưởng, nên có “*Quyền đồng sinh duyên*” và “*Đạo duyên*”.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*” và “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Như vậy có 7 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có “*Nhân duyên*”.

- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.

- Sở duyên có sắc pháp, nên không có “*Hổ tương duyên*” và “*Tương ưng duyên*”.

- Sở duyên có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 5 duyên không hợp trợ.

Câu 7. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa saha-jātādhīpati paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp pháp vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký làm trưởng, trợ giúp pháp vô ký sinh lên, được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Là một trong bốn pháp trưởng vô ký (trong tâm đồng lực vô ký hữu nhân [21]).

Vô ký sở duyên: 37 tâm đồng lực vô ký hữu nhân và 38 tâm sở hợp + sắc tâm vô ký hữu trưởng.

c- Giải.

Câu này gồm ba câu phụ như sau:

a’- Danh vô ký trợ danh vô ký.

Năng duyên. Là một trong 4 pháp trưởng vô ký.

Sở duyên: 37 tâm đồng lực vô ký hữu nhân và 38 tâm sở hợp (trừ pháp đang làm trưởng).

Ví dụ: Vị Thánh Alahán muốn tế độ người hữu duyên.

Vô ký năng duyên: Tâm sở Dục làm trưởng.

Vô ký sở duyên: 8 tâm Duy tác Dục giới hữu nhân và 34 tâm sở hợp (trừ Giới phân + tâm sở Dục).

* Vị Thánh Alahán muốn nhập thiên quả, hay vị Thánh hữu học an trú trong thiên quả.

Vô ký năng duyên: Tâm sở Dục làm trưởng.

Vô ký sở duyên: 20 tâm quả Siêu thế và 35 tâm sở hợp (trừ tâm sở Dục).

* Vị Thánh Alahán muốn nhập thiên hiệp thế.

Vô ký năng duyên: Tâm sở Dục làm trưởng.

Vô ký sở duyên: 9 tâm Duy tác Đáo đại và 34 tâm sở hợp (trừ tâm sở Dục).

Các pháp trưởng vô ký còn lại cũng tương tự.

Câu lạc này đối với.

- Người: 4 bậc Thánh quả.

- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiên, lộ nhập thiên quả, lộ đắc đạo, lộ Nípàn, lộ nhập thiên diệt.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Năng duyên có tâm sở Trí là trưởng, nên có “*Nhân duyên*”, “*Quyền đồng sinh duyên*” và *Đạo duyên*”.
- Năng và sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Năng và sở hỗ trợ lẫn nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”.
- Năng là nơi nương tựa cho sở, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng là pháp quả, nên có “*Quả duyên*”.
- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng có “tâm là pháp trưởng”, nên có “*Danh vật thực duyên.*”
- Năng và sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Như vậy có 11 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

Có một duyên không hợp trợ là “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

b’- Danh vô ký trợ sắc.

Năng duyên: Một trong 4 trưởng vô ký.

Sở duyên: Sắc tâm trưởng hữu nhân vô ký.

Như vị Thánh Alahán thuyết pháp tế độ chúng sinh.

Vô ký năng duyên: Một trong 4 pháp trưởng vô ký trong 4 tâm Đại hạnh có trí.

Vô ký sở duyên: Sắc ngũ biểu tri trong tâm Đại hạnh có trí có pháp trưởng.

Vị Thánh Alahán sau khi xuất thiên Diệt, đi khất thực để tế độ người nghèo.

Vô ký năng duyên: Một trong 4 pháp trưởng vô ký.

Vô ký sở duyên: Sắc Thân biểu tri.

Câu này đối với:

- Người: 4 bậc Thánh quả.
- Cõi: 22 cõi vui ngũ uẩn (trừ 4 cõi khô).
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng duyên có tâm sở Trí làm trưởng, nên có “*Nhân duyên*”, “*Quyền đồng sinh duyên*”, “*Đạo duyên*”.
- Năng là pháp quả, nên có “*Quả duyên*”.
- Năng có “tâm làm trưởng”, nên có “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng và sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.
- Năng là danh, sở là sắc, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Như vậy, có 10 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng là danh, sở là sắc, nên không có “*Tương ưng duyên*”.
- Sở không hỗ trợ cho năng, nên không có “*Hỗ tương duyên*”.

c’- Danh vô ký trợ danh - sắc vô ký.

Năng duyên. Một trong 4 pháp trưởng vô ký.

Sở duyên. 37 tâm đồng lực vô ký hữu nhân và 38 tâm sở hợp (trừ pháp đang làm trưởng) + sắc tâm vô ký hữu trưởng.

Câu này kết hợp cả 2 câu trên.

Như trường hợp Đức Phật có ý tế độ Ngài Uruvela Kassapa, Đức Thế Tôn ngự đến nơi của Ngài Uruvela Kassapa.

Vô ký năng duyên là “tâm sở Dục” làm trưởng.

Vô ký sở duyên là “8 tâm Đại hạnh và 34 tâm sở (trừ Giới phần và tâm sở Dục) + sắc Thân biểu tri hữu trưởng.

Câu lạc này đối với.

Người: Bạc Tứ quả.

- Cõi: 22 cõi vui ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiên, lộ đắc đạo, lộ nhập thiên quả, lộ nhập thiên diệt.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Năng và sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở duyên nương vào năng duyên để lớn mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng duyên có “tâm sở Trí” làm trưởng, nên có “*Nhân duyên*”, “*Quyền đồng sinh duyên*”, “*Đạo duyên*”.
- Năng duyên có “tâm quả” là pháp trưởng, nên có “*Quả duyên*”, “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Như vậy có 9 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Sở duyên có sắc pháp, không hỗ trợ cho năng duyên được, nên không có “*Hỗ tương duyên*”, “*Tương ưng duyên*”.

- Sở duyên có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Như vậy có 3 duyên không hợp trợ.

Vô gián duyên.(Anantarapaccayo).

Định nghĩa.

Vô gián nghĩa là không đứt đoạn.

Vô gián duyên là trợ giúp bằng cách “không gián đoạn”.

Chi pháp Vô gián duyên.

Năng duyên. Tâm và tâm sở hữu sinh trước (trừ tâm tử của vị Thánh Alahán).

Sở duyên. Tâm và tâm sở sinh sau.

Phi sở duyên. Nípàn, chế định và sắc pháp.

Chi pháp Vô gián duyên trùng với bốn duyên sau:

1- *Đẳng vô gián duyên* (sanantarapaccayo).

2- *Vô gián cận y duyên* (anantarūpanissaya paccayo).

3- *Vô hữu duyên* (natthi paccayo).

4- *Ly duyên* (vitaga paccayo).

Chú thích: Pháp năng duyên trợ giúp cho pháp sở duyên bằng cách *vắng mặt*, khi pháp năng duyên diệt rồi sở duyên mới sinh lên.

Do đó trùng với Vô hữu duyên và Ly duyên.

Ví dụ: hạt lúa sanh lên cây mạ.

Hạt lúa là năng duyên, mạ là sở duyên.

Vô gián duyên là nói đến mãnh lực trợ giúp “tâm với tâm” trong lộ trình tâm.

Vô gián duyên với tam đề thiện.

Có 7 câu.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa anantara paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện diệt đi, trợ giúp pháp thiện sinh lên theo cách không gián đoạn.

Đây là nói đến 7 đồng lực thiện trong lộ trình tâm.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 8 Đại thiện + 9 thiện Đáo đại và 38 tâm sở hợp (trừ tâm đồng lực thiện cuối cùng).

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp (trừ tâm thiện thứ nhất).

c- Giải.

Trong câu lục này ám chỉ “lộ đồng lực thiện”. Tức là:

* Thông thường, lộ đồng lực thiện dục giới có 7 sátna.

Thiện sátna thứ nhất diệt đi, trợ giúp cho thiện sátna thứ 2 sinh lên.

Như vậy “thiện sátna thứ 1 là năng duyên”, thiện sátna thứ 2 là sở duyên”.

Thiện sátna thứ 2 trợ giúp cho thiện sátna thứ 3 sinh lên, cứ như thế đến thiện sátna thứ 7 là chấm dứt.

Nói rõ hơn: “Thiện sátna thứ 1 *chỉ là năng duyên*; thiện sátna thứ 7 *chỉ là sở duyên*.”

Từ thiện sátna 2 đến thiện sátna 6, mỗi sátna là sở duyên của sátna trước và là năng duyên của sátna sau.

Trong lộ đồng lực này, năng duyên và sở duyên đều là “8 tâm Đại thiện”.

* Trong lộ đắc thiện thì:

- Sátna Chuẩn bị trợ cho sátna Cận hành.
- Sátna Cận hành trợ cho sátna Thuận thứ.
- Sátna Thuận thứ trợ cho sátna Chuyển tánh (Gotrabhū).
- Sátna Chuyển tánh trợ cho sátna thiện.

Trong lộ đồng lực này: Năng duyên lẫn sở duyên là “4 tâm đại thiện có trí” (trừ sátna Chuẩn bị là năng duyên nhất định); còn sở duyên nhất định là “9 tâm thiện Đáo đại”.

* Trong lộ nhập thiện hiệp thể của phàm tam nhân và 3 bậc Thánh hữu học thì:

- Sátna Chuẩn bị trợ cho sátna Cận hành và sátna Chuẩn bị chỉ là năng duyên.
- Sátna Cận hành trợ cho sátna Thuận thứ.
- Sátna Thuận thứ trợ cho sátna Chuyển tánh.
- Sátna Chuyển tánh trợ cho sátna thiện thứ 1.
- Sátna thiện thứ 1 trợ cho sátna thiện 2 ...

Cứ thế cho đến sátna thiện cuối cùng, sátna này chỉ là sở duyên.

Từ sátna Cận hành đến sátna thiện áp chót, những sátna ấy vừa là sở duyên vừa là năng duyên.

Trong lộ đồng lực này, năng duyên lẫn sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí + 9 tâm thiện Đáo đại”.

* Trong lộ nhập thiện quả của bậc Thánh hữu học thì:

- Sátna Chuẩn bị trợ cho sátna Cận hành.

- Sátna Cận hành trợ cho sátna Thuận thứ.

Và sátna Thuận thứ là tâm thiện cuối cùng trong lộ đồng lực này, nên là sở duyên nhất định.

4 tâm Đại thiện có trí vừa là năng duyên, vừa là sở duyên.

* Trong lộ đặc Đạo thì:

- Sátna Chuẩn bị trợ cho sátna Cận hành.

- Sátna Cận hành trợ cho sátna Thuận thứ.

- Sátna Thuận thứ trợ cho sátna Chuyển tánh

- Sátna Chuyển tánh trợ cho tâm Sơ đạo.

- Sátna Tiến bậc trợ cho tâm Nhị Đạo, Tam Đạo và Tứ Đạo.

Trong lộ đồng lực đặc Đạo, chỉ có tâm Đạo thuần là sở duyên, 4 tâm Đại thiện có trí vừa năng duyên vừa là sở duyên”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực thiện), lộ đặc thiên, lộ nhập thiên hiệp thể (phàm tam nhân và Thánh hữu học), lộ đặc đạo, lộ nhập thiên quả (của bậc Thánh hữu học).

- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Vô gián duyên có 6 duyên hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên và Tập hành duyên.

** Không hợp trợ.*

Có 1 duyên là “*Nghiệp biệt thời duyên*”.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa anantara paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện diệt đi, trợ giúp cho pháp vô ký sinh lên kế tiếp, không hề gián đoạn.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở sinh kế trước tâm quả.

Vô ký sở duyên. 40 tâm quả [22] và 38 sở hữu (trừ năm đôi thức + 2 tâm Tiếp thân).

c- Giải.

Sở dĩ có Vô lượng phần, vì có tâm quả Sơ thiền, tâm quả Nhị thiền, tâm quả Tam thiền; Giới phần thì có trong tâm quả Siêu thế, nên tâm sở hợp có đủ 38 tâm sở.

8 tâm Đại quả và 3 tâm Quan sát có trong sở duyên vì chúng là những sátna Na cảnh trong lộ đồng lực.

** Trong lộ đồng lực thiện có Na cảnh thì:*

- Thiện sátna thứ 7 trợ giúp cho 11 tâm Na cảnh sinh lên.

Sở duyên ở đây là “11 tâm Na cảnh”.

** Trong lộ đồng lực thiện không có Na cảnh thì:*

- Thiện sátna thứ 7 trợ giúp cho tâm hữu phần sinh lên.

Sở duyên ở đây là “2 tâm Quan sát thọ xả + 8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại”.

* Trong lộ đắc Đạo thì:

- Sátna Đạo trợ cho sátna quả Siêu thể sinh lên không gián đoạn.

Sở duyên ở đây là “20 tâm quả Siêu thể”.

* Trong lộ nhập thiền quả của bậc Thánh hữu học thì:

Tâm Chuyển tánh (thiện) trợ tâm quả Siêu thể hữu học sinh lên khi nhập thiền quả.

Sở duyên ở đây là “15 tâm quả Siêu thể Hữu học”.

* Trong lộ nhập thiền Diệt của bậc Thánh Anahàm thì:

- Tâm thiện Phi tướng phi phi tướng xứ trợ cho tâm Tam quả Siêu thể sinh lên xuất thiền diệt.

Sở duyên ở đây là “tâm Tam quả Siêu thể ngũ thiền”.

Câu này đối với.

- Người: 12 người.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ đồng thiện lực chót Na cảnh, Lộ ngũ đồng lực thiện không có Na cảnh, lộ ý môn đồng lực thiện chót Na cảnh, lộ ý môn đồng lực thiện không có Na cảnh, lộ đắc thiền hiệp thể của phàm tam nhân và bậc Thánh hữu học, lộ nhập thiền hiệp thể của phàm tam nhân và Thánh hữu học, lộ đắc đạo, lộ nhập thiền quả của vị Thánh hữu học, lộ nhập thiền Diệt của bậc Thánh Anahàm.

- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

Có 6 duyên hợp trợ là: Đăng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên và Nghiệp biệt thời duyên.

Sở dĩ có “Nghệp biệt thời duyên” là “tâm Đạo trợ cho tâm quả Siêu thế” cách nhau 1 sátna.

Cũng có thể kể thêm “Vô gián nghiệp duyên” hợp trợ.

Vì tâm sở Tư trong tâm Đạo, trợ giúp tâm sở Tư trong tâm quả Siêu thế sinh lên bằng cách không gián đoạn.

Có “Vô gián cận y duyên”, vì tâm Quả Siêu thế vững mạnh do nương vào tâm Đạo có trước đó, hay “tâm quả Siêu thế vững mạnh nhờ có tâm Chuyển tộc đã diệt trong lộ nhập thiên quả”.

** Không hợp trợ.*

Không có.

Câu 3. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa anantara paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện diệt đi, trợ giúp cho pháp bất thiện sinh lên bằng cách không gián đoạn.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp (trừ tâm bất thiện ở sátna chót).

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp (trừ tâm bất thiện ở sátna thứ 1).

c- Giải.

Câu lục này là xét “lộ đồng lực bất thiện không có Na cảnh”.

- Bất thiện sátna thứ 1 trợ cho bất thiện sátna thứ 2

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Có 5 duyên hợp trợ là: *Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Ly duyên, Vô hữu duyên.*

** Không hợp trợ.* Có một duyên là “Nghiệp biệt thời duyên”.

Câu 4. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa anantara paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện trợ giúp pháp vô ký sinh lên, theo cách “không gián đoạn”.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp (sinh kế trước tâm quả hiệp thể).

Vô ký sở duyên. 3 tâm Quan sát + 8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần).

c- Giải.

* Trong lộ đồng lực bất thiện có Na cảnh thì:

- Tâm bất thiện (tham, sân hoặc si) ở sátna đồng lực thứ 7, trợ cho một trong 11 tâm Na cảnh sinh lên.

* Trong lộ đồng lực không có Na cảnh ở cõi Dục thì:

- Tâm bất thiện (tham, sân hoặc si) ở sátna đồng lực thứ 7, trợ cho 11 tâm hữu phần Dục giới.

Ở cõi Sắc và Vô sắc giới thì:

- Tâm bất thiện (tham hoặc si) ở sátna đồng lực thứ 7, trợ cho một trong 9 tâm hữu phần Đáo đại.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực bất thiện)
- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

Có 4 duyên hợp trợ là “*Đẳng vô gián duyên*”, “*Vô gián cận y duyên*”, “*Ly duyên*”, “*Vô hữu duyên*”.

* *Không hợp trợ.*

Có 2 duyên không hợp trợ là “*Nghiệp biệt thời duyên*” và “*Tập hành duyên*”.

Câu 5. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa anantara paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký diệt đi, trợ giúp pháp vô ký sinh lên theo cách “không gián đoạn”.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên: 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp sanh trước (trừ tâm tử của vị Thánh Alahán).

Vô ký sở duyên: 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp sinh sau.

c- Giải.

Có các cách như sau:

* 19 tâm tục sinh và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần và Vô lượng phần) trợ 19 tâm hữu phần sinh kế tục tâm Tục sinh (trong lộ Tục sinh).

* Tâm hữu phần sinh trước trợ cho tâm hữu phần sinh sau.

Trong cõi ngũ uẩn.

* *Lộ ngũ môn chót đồng lực:*

Với lộ ngũ môn của phàm nhân và Thánh hữu học thì:

- 15 tâm hữu phần Dứt dòng trợ cho tâm Hướng ngũ môn.
- Tâm Hướng ngũ môn trợ cho “một trong năm đôi thức”.
- Một trong 5 đôi thức trợ cho tâm Tiếp thân.
- Tâm Tiếp thân trợ cho tâm Quan sát.
- Tâm Quan sát trợ cho tâm Phán đoán (là tâm Hướng ý môn).

* *Với lộ ngũ môn chót đồng lực* của bậc Thánh Alahán thì:

- Tâm Hướng ý môn (tâm Phán đoán) trợ giúp “một trong 8 tâm Đại hạnh”.
- Tâm Đại hạnh ở sátna thứ 1 trợ cho tâm Đại hạnh ở sátna thứ 2 ... tâm Đại hạnh ở sátna thứ 6 trợ cho tâm Đại hạnh ở sátna thứ 7.
- Tâm Đại hạnh ở sátna thứ 7 trợ cho tâm hữu phần.

* *Với lộ ngũ môn chót Na cảnh* của vị Thánh Alahán thì:

- Tâm Đại hạnh ở sátna thứ 7 trợ cho tâm Na cảnh thứ 1.

- Tâm Na cảnh ở sátna thứ 1 trợ cho tâm Na cảnh ở sát na thứ 2.
- Tâm Na cảnh ở sát na thứ 2 trợ cho tâm hữu phần.

** Lộ ý môn chót đổng lực của vị Thánh Alahán.*

- Tâm hữu phần Dứt dòng trợ tâm Hướng ý môn.
- Tâm Hướng ý môn trợ cho tâm Đại hạnh ở sátna thứ 1.
- Tâm Đại hạnh ở sátna thứ 1 trợ cho tâm Đại hạnh ở sátna thứ 2 (phần kế tục giống như trong lộ ngũ môn).

Với phạm nhân và 3 bậc Thành hữu học thì chỉ có:

- Tâm hữu phần Dứt dòng trợ cho tâm Hướng ý môn.

Ở cõi Vô sắc, cũng tương tự như lộ ý cõi ngũ uẩn.

** Lộ đắc thiên hay nhập thiên của vị Thánh Alahán:*

- 4 tâm Đại hạnh có trí trợ cho 9 tâm duy tác Đáo đại trong lộ đắc thiên, hay nhập thiên hiệp thể.
- 4 tâm Đại hạnh có trí trợ giúp cho 20 tâm quả Siêu thế trong lộ nhập thiên quả của bậc Thánh Alahán.
- Trong lộ nhập thiên quả: Tâm quả Siêu thế trước trợ giúp cho tâm quả Siêu thế sau
- 9 tâm duy tác Đáo đại trợ 13 tâm hữu phần tam nhân, khi vị Thánh Alahán đắc thiên hoặc khi vị Thánh Alahán xuất thiên.

Trong lộ nhập thiên quả của bậc Thánh hữu học thì:

- Tâm quả Thiên Siêu thế ở sátna thứ 1, trợ cho tâm quả Thiên Siêu thế ở sátna thứ 2

** Trong lộ nhập thiên Diệt của bậc Thánh Alahán:*

- Tâm Hạnh Phi tướng phi phi tướng xứ trợ tâm Tứ quả khi xuất thiên diệt.

** Trong lộ đắc Đạo:*

- Tâm quả Siêu thể ở sátna thứ 1 trợ tâm quả Siêu thể sinh sau vào sátna thứ 2.

** Xét về lộ cận tử như sau:*

- 2 tâm tử vô nhân và 4 tâm tử nhị nhân trợ 10 tâm tục sinh [23] .

- 4 tâm tử tam nhân dục giới trợ 19 tâm tục sinh.

- 5 tâm tử Sắc giới trợ 17 tâm tục sinh hữu nhân.

- Tâm tử Không vô biên xứ trợ 4 tâm Tục sinh tam nhân dục giới + 4 tâm quả Tục sinh vô sắc.

- Tâm tử Thức vô biên xứ trợ 4 tâm Tục sinh tam nhân dục giới + 3 tâm quả Tục sinh Vô sắc giới (trừ tâm quả Không vô biên xứ).

- Tâm tử Vô sở hữu xứ trợ 4 tâm Tục sinh tam nhân dục giới + tâm quả tục sinh Vô sở hữu xứ + tâm quả tục sinh Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

- Tâm tử Phi tưởng phi phi tưởng trợ 4 tâm tục sinh tam nhân dục giới + tâm quả tục sinh Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

** Lộ Nípàn.*

-Tâm Duy tác đồng lực thứ 5 trợ 13 tâm tử tam nhân của vị Thánh Alahán.

- Tâm thông trợ tâm tử của vị Thánh Alahán.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

-Thời: Thời bình nhật.

-Lộ tâm: Lộ ngũ, ý, lộ nhập thiên quả, lộ nhập xuất thiên diệt, lộ cận tử, lộ Nípàn, lộ hiện thông... và siêu lộ.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Có 5 duyên hợp trợ là “*Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Ly duyên, Vô hữu duyên*”.

** Không hợp trợ.*

Có 1 duyên là “*Nghiệp biệt thời duyên*”.

Câu 6. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa anantara paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký diệt đi, trợ giúp cho pháp thiện sinh lên bằng cách “không gián đoạn”.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Tâm Hướng ý môn và 11 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên. 8 tâm Đại thiện và 38 tâm sở hợp, ở sátna thứ 1 trong lộ đồng lực thiện.

c- Giải.

Có các cách như sau:

* Trong lộ đồng lực thiện, tâm Hướng ý môn trợ cho tâm thiện ở sátna đầu tiên.

Vô ký năng duyên là “tâm Hướng ý môn và tâm sở hợp”.

Thiện sở duyên là “8 tâm Đại thiện và tâm sở hợp”.

* Trong lộ đắc Đạo, lộ nhập thiền của bậc Thánh hữu học và phàm tam nhân, tâm Hướng ý môn trợ cho sátna Chuẩn bị (hay sátna Cận hành).

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn và tâm sở hợp”.

Thiện năng duyên là “4 tâm Đại thiện có trí và tâm sở hợp”.

* Trong lộ phản khán thiền của phàm tam nhân, hay lộ phản khán thiền + lộ phản khán Đạo của bậc Thánh hữu học, tâm Hướng ý môn trợ cho 4 đại thiện có trí.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiền, nhập thiền, lộ đắc đạo, lộ phản khán.
- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Có 4 duyên hợp trợ là “*Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên*”.

Có 2 duyên không hợp trợ là “*Tập hành duyên*” và “*Nghiệp biệt thời duyên*”.

Câu 7. Abyākato dhammo akusalassa dhammassa anantara paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký diệt đi, trợ giúp pháp bất thiện sinh lên, không gián đoạn

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên Tâm Hướng ý và 11 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên. Tất cả tâm bất thiện ở sátna thứ nhất trong 7 sátna đồng lực.

c- Giải.

Có cách thức như sau:

- Trong lộ đồng lực bất thiện, tâm Hướng ý môn diệt đi, trợ giúp cho tâm bất thiện sinh lên ở sátna thứ 1.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: Cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Có bốn duyên hợp trợ là “*Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên*”.

Có 2 duyên không hợp trợ là “*Tập hành duyên*” và “*Nghiệp biệt thời duyên*”.

[1] - 37 tâm thiện là: 8 tâm Đại thiện + 9 tâm thiện Đáo đại + 20 tâm Đạo.

38 tâm sở hợp là: 13 tâm sở Tợ tha + 25 tâm sở Tốt đẹp.

[2] - 12 tâm bất thiện là: 8 tâm Tham + 2 tâm Sân + 2 tâm Si.

27 tâm sở hợp là: 13 tâm sở Tợ tha + 14 tâm sở Bất thiện.

[3] - Gọi là “câu lạc” nghĩa là “trích ra”.

[4] - Pháp bất thiện phi nhân, nghĩa là: Là pháp bất thiện nhưng không phải là nhân bất thiện. Đó chính là 12 tâm bất thiện + 24 tâm sở hợp (trừ ra 3 nhân bất thiện).

[5] - 8 tâm Đại quả + 8 tâm Đại hạnh + 9 tâm quả Đáo đại + 9 tâm Duy tác Đáo đại + 20 tâm quả Siêu thế = 54 tâm vô ký hữu nhân.

[6] - Lấy 38 tâm sở hợp tổng quát trừ đi (3 giới phần + 2 vô lượng phần + tâm sở Tâm + tâm sở Tứ + tâm sở Hỷ) = 30 tâm sở.

[7] - 10 duy tác Dục giới = 8 tâm Duy tác Dục giới + tâm Hướng ý môn + tâm Sinh tiểu.

[8] - 18 tâm Vô nhân + 8 tâm quả Dục giới hữu nhân + 8 tâm Duy tác Dục giới hữu nhân = 36 tâm.

[9] - Tâm Sinh tiểu + 8 Đại hạnh.

[10] - *- 20 tâm Duy tác = 3 tâm Duy tác vô nhân + 8 tâm Duy tác Dục giới hữu nhân + 9 tâm Duy tác Đáo Đại.

*- 47 tâm quả = 15 tâm quả vô nhân + 8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại + 15 tâm quả Siêu thế hữu học.

[11] - 18 tâm vô nhân + 8 tâm Đại quả + 8 tâm Đại hạnh + 9 tâm quả Đáo đại + 9 tâm Duy tác Đáo đại = 52 tâm Vô ký hiệp thế.

[12] - Có Vô lượng phần trong tâm Đại hạnh.

[13] - 8 tâm Tham + 8 Đại thiện + 4 tâm Đại hạnh có trí + 40 tâm Siêu thế = 60 tâm.

[14] - 8 tâm Đại thiện + 9 tâm thiện Đáo đại + 15 tâm Đạo (trừ 5 tâm Tứ đạo).

[15] - 17 tâm vô nhân (trừ Thân thức thọ khổ) + 8 tâm Đại quả + 8 tâm Đại hạnh + 9 tâm quả Đáo đại + 9 tâm Duy tác Đáo đại = 51 tâm vô ký hiệp thế.

[16] - Như trường hợp Đại phạm thiên Sahampati biết được tâm của Đức Thế Tôn khi Ngài muốn viên tịch, hay như Ngài Anuruddha theo dõi tâm Đức Thế Tôn khi gần viên tịch.

[17] - 9 tâm thiện Đáo Đại + 9 tâm Duy tác Đáo đại = 18 tâm Đồng lực Đáo đại.

[18] - 18 tâm đồng lực Đáo đại + 40 tâm Siêu thế = 58 tâm đồng lực kiên cố.

[19] - 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm Si) + 8 tâm Đại thiện + 8 tâm Đại hạnh = 26 tâm.

[20] - 40 tâm sở hợp = 13 tâm sở Tợ tha + tâm sở Si phần(4) + tâm sở Hoài nghi + 22 tâm sở Tốt đẹp (trừ Giới phần).

[21] – 8 tâm Đại hạnh + 9 tâm Duy tác Đáo đại + 20 tâm quả Siêu Thế = 37 tâm đồng lực vô ký hữu nhân.

[22] - 3 tâm Quan sát + 8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại + 20 tâm quả Siêu thế = 40 tâm quả.

[23] - Người khổ, người Lạc vô nhân và người Nhị nhân, trong kiếp ấy không thể chứng thiền hay Đạo, do đó khi tục sinh sang kiếp mới, chỉ có 10 tâm Tục sinh sinh kế tiếp là : 2 tâm Quan sát thọ xả + 8 tâm Đại quả.

-ooOoo-

[2.2]

Đồng sinh duyên. (Sahajātapaccayo).

Định nghĩa.

Đồng sinh là “cùng sinh ra”. *Duyên* là “trợ giúp, ủng hộ”.

Đồng sinh duyên là năng duyên trợ giúp, ủng hộ sở duyên. Và cả năng và sở đều cùng sinh ra một lúc.

Chi pháp.

Năng duyên. Tất cả tâm và tâm sở hợp + sắc Tứ đại + sắc Ý vật tục sinh (paṭisandhi hadayavatthu).

Sở duyên. Tất cả tâm và tâm sở hợp + sắc pháp.

Phi sở duyên. Nípàn và Chế định.

Duyên trùng với Đồng sinh duyên.

Có 3 duyên trùng với Đồng sinh duyên vì có cùng chi pháp là:

1- *Đồng sinh y duyên* (sahajāta nissaya paccayo).

2- *Đồng sinh hiện hữu duyên* (sahajātatthi paccayo)

3- *Đồng sinh bất ly duyên* (sahajāta avigata paccayo).

Đồng sinh duyên với tam đề thiện.

Có 9 câu lục.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahajāta paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện trợ giúp pháp thiện sinh lên được vững mạnh, theo cách “cùng sinh lên”.

Ví như “ánh sáng cùng sinh lên với ngọn lửa và ánh sáng lan toả ra”.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

3- Giải.

Có các cách như sau:

* Một uẩn thiện trợ ba uẩn thiện kia bằng Đồng sinh duyên. Như:

- Tâm sở Thọ thiện trợ giúp cho tâm cùng các tâm sở khác sinh lên.

Thọ uẩn thiện là năng duyên. Các danh pháp còn lại là sở duyên.

- Tâm sở Tưởng thiện trợ cho các tâm sở khác và tâm cùng sinh lên.

Tưởng uẩn thiện là năng duyên. Các danh pháp khác là sở duyên.

- Tâm sở Tín thiện trợ giúp các danh pháp khác sinh lên.

Hành uẩn thiện là năng duyên. Các danh pháp khác là sở duyên.

* Hai uẩn thiện trợ hai uẩn thiện. Như:

- Thọ uẩn thiện và tưởng uẩn thiện trợ cho Thức uẩn thiện và hành uẩn thiện sinh lên. Hay

- Thọ uẩn thiện và thức uẩn thiện trợ cho Tướng uẩn thiện và hành uẩn thiện sinh lên ...

* Ba uẩn thiện trợ một uẩn thiện.

Câu này đối với.

- Người: 11 người (trừ bậc Tứ quả).

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ Ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ đắc thiên, lộ phản khán...

Nói chung là những tâm lộ có tâm thiện sinh khởi.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Nên lưu ý: Ở đây chỉ nói đến khía cạnh “đồng sinh”, không đề cập đến các khía cạnh như: Nhân, quyền, Trưởng...

Tuy chi pháp năng duyên có tâm sở Trí nhưng bất định, do đó các khía cạnh như “nhân duyên”, “quyền duyên”... không đề cập đến.

Tổng quát “Đồng sinh duyên có 7 duyên hợp trợ”, trong câu lục này có:

* *Hợp trợ.*

- Năng và sở hỗ trợ nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”.

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Như vậy, có 5 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajāta paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện trợ giúp pháp vô ký sinh lên, được vững mạnh theo cách “đồng sinh”.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

Thí dụ: Vị pháp sư thuyết pháp đến tứ chúng.

Năng duyên là “tâm thiện”.

Tư cách thuyết pháp như nói, ngồi: là sắc tâm thiện (sở duyên).

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn (trừ 4 cõi Vô sắc + cõi Vô tưởng).
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ đắc thiện, lộ nhập thiện của Thánh hữu học và phàm tam nhân, lộ phản khán thiện, lộ phản khán đạo hữu học, lộ hiện thông thiện.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng là danh, sở là sắc, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Như vậy có 4 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Sở không trợ giúp năng, nên không có “*Hỗ tương duyên*”.
- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng là danh, sở là sắc, nên không có “*Tương ưng duyên*”.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 3. Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahaajāta paccayena paccayo.

Pháp thiện trợ pháp thiện và pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện trợ giúp pháp thiện và pháp vô ký sinh lên, được vững mạnh theo cách “đồng sinh”.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tất cả pháp thiện.

Thiện và Vô ký sở duyên. Tất cả pháp thiện và sắc tâm thiện.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Một trong 4 danh uẩn thiện trợ giúp cho 3 danh uẩn thiện còn lại và sắc tâm thiện sinh lên được vững mạnh.
- Hai danh uẩn thiện trợ cho 2 danh uẩn thiện còn lại và sắc tâm thiện sinh lên được vững mạnh.
- Ba danh uẩn thiện trợ cho 1 danh uẩn thiện còn lại và sắc tâm thiện sinh lên được vững mạnh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền, lộ phản khán thiền ...
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 3 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Sở duyên có sắc pháp, nên không hỗ trợ năng duyên được, nên không có “*Hỗ trợ duyên*” và “*Tương ưng duyên*”.
- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Sở có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 4. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahaajāta paccayena paccayo:*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện trợ giúp pháp bất thiện sinh được vững mạnh, bằng cách “cùng sinh lên”.

b- Chi pháp.

Bất Thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Một danh uẩn bất thiện trợ ba danh uẩn bất thiện còn lại.
- Hai danh uẩn bất thiện trợ hai danh uẩn bất thiện còn lại.
- Ba danh uẩn bất thiện trợ cho một danh uẩn bất thiện còn lại.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, (có đồng lực tâm bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

*** Hợp trợ.**

- Sở duyên hỗ trợ cho năng duyên, nên có “*Hỗ tương duyên*”.

- Sở nương tựa vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng - sở hòa hợp, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 5 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa saḥajāta paccayena paccayo:*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện trợ cho sắc tâm bất thiện, theo cách đồng sinh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Pháp bất thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Ví dụ: Người đồ tể thọc huyết heo.

Bất thiện năng duyên là “tâm Sân”.

Sở duyên là “sắc thân biểu tri bất thiện”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực tâm bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Sở duyên nương vào năng duyên để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Sở duyên là sắc pháp, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 4 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Sở không hỗ trợ năng, nên không có “*Hỗ tương duyên*”.
- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Sở là sắc pháp, nên không có “*Tương ưng duyên*”.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 6. Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahaajāta paccayena paccayo:

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện trợ giúp pháp bất thiện và pháp vô ký sinh lên được vững mạnh, theo cách “đồng sinh”.

b- Chi pháp.

Bất Thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp + sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

- Một danh uẩn bất thiện trợ ba danh uẩn bất thiện còn lại và sắc tâm bất thiện.
- Hai danh uẩn bất thiện trợ hai danh uẩn còn lại và sắc tâm bất thiện.
- Ba danh uẩn bất thiện trợ cho một danh uẩn bất thiện còn lại và sắc tâm bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 3 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Sở duyên có sắc pháp nên không có “*Hổ tương duyên*”, “*Tương ưng duyên*”.
- Sở duyên có danh pháp nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.
- Năng là pháp bất thiện, nên không “*Quả duyên*”.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 7. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sahaajāta paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký trợ cho pháp vô ký sinh lên được vững mạnh, bằng cách “cùng sinh lên”.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp + sắc tứ đại + sắc Ý vật tục sinh.

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp + sắc tâm tục sinh, sắc nghiệp tục sinh, sắc tâm bình nhật, sắc nghiệp bình nhật, sắc âm dương, sắc vật thực.

c- Giải.

Tong câu lược này có: Danh vô ký trợ danh vô ký, danh vô ký trợ sắc, danh vô ký trợ danh - sắc vô ký và sắc trợ sắc. Có cả ba thời “Tục sinh, bình nhật và tử”.

Danh trợ danh có trong 30 cõi hữu tâm. Danh trợ sắc và danh trợ danh sắc có trong 26 cõi ngũ uẩn. Sắc trợ sắc có trong 27 cõi sắc pháp.

a’- Danh trợ danh ở 30 cõi hữu tâm.

*** Thời bình nhật.**

- Một danh uẩn quả (hay Hạnh) trợ cho ba danh uẩn quả (hay Hạnh) còn lại.
- Hai danh uẩn quả (hay Hạnh) trợ cho hai danh uẩn quả (hay Hạnh) còn lại.
- Ba danh uẩn quả (hay Hạnh) trợ cho ba danh uẩn quả (hay Hạnh) còn lại.

Duyên hợp trợ.

- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”.
- Sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng duyên là pháp quả, nên có “*Quả duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

* *Thời Tục sinh và thời tử.*

Tương tự như trên, chỉ có khác là “không có danh uẩn Hạnh”.

b- Danh vô ký trợ sắc ở 26 cõi ngũ uẩn.

* *Thời bình nhật.*

Một trong 4 uẩn hay cả 4 uẩn vô ký trợ cho sắc tâm quả hay sắc tâm Hạnh sinh lên.

Duyên hợp trợ.

- Sở nương vào danh để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Sở là sắc pháp, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

* *Thời tục sinh.* Một, hai, ba hay cả 4 uẩn quả trợ sắc Tục sinh.

* *Thời tử.* Một, hai, ba hay cả 4 danh uẩn quả trợ sắc tâm tử.

c- Danh vô ký trợ cho danh - sắc vô ký, ở 26 cõi ngũ uẩn.

* *Thời bình nhật.*

- Một danh uẩn quả (hay Hạnh) trợ cho 3 danh uẩn còn lại và sắc tâm quả (hay Hạnh).
- Hai danh uẩn quả (hay Hạnh) trợ cho 2 danh uẩn còn lại và sắc tâm quả (hay Hạnh).
- Ba danh uẩn quả (hay Hạnh) trợ cho 1 danh uẩn còn lại và sắc tâm quả (hay Hạnh).

Phần này đối với:

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý

Duyên hợp trợ.

- Sở dựa vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng có pháp quả, nên có “*Quả duyên*”.
- Năng - sở cùn có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Không hợp trợ.

- Sở có sắc pháp, nên không có “*Hổ tương duyên*”, “*Tương ưng duyên*”.
- Sở có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

* *Thời Tục sinh.*

- Một danh uẩn quả Tục sinh trợ cho 3 danh uẩn còn lại, và sắc nghiệp Tục sinh.
- Hai danh uẩn quả Tục sinh trợ cho 2 danh uẩn quả còn lại, và sắc nghiệp Tục sinh.
- Ba danh uẩn quả Tục sinh trợ cho 1 danh uẩn quả Tục sinh, và sắc nghiệp tục sinh.

Chú thích.

Trong sắc nghiệp Tục sinh có “đoàn ý vật” hỗ trợ cho tâm Tục sinh, nên có thêm “*Hổ tương duyên*” trong phần duyên hợp trợ.

* *Thời tử.* Tương tự như thời bình nhật, chỉ có điều là “không có tâm Hạnh và sắc tâm Hạnh”.

d- Sắc trợ cho sắc.

Nói chung là :

- Một sắc tứ đại trợ cho 3 sắc tứ đại còn lại ...

(Học viên cần xét theo cõi ngũ uẩn hoặc cõi Vô tướng).

Phu chú:

Trong phần nói về sắc tứ đại trợ giúp sắc tứ đại, là nói đến: Sắc tứ đại ngoại, sắc tứ đại do tâm tạo, sắc tứ đại do nghiệp tạo, sắc tứ đại do vật thực tạo và sắc tứ đại do thời tiết tạo.

Trong sắc do tâm tạo thì “sắc tứ đại tâm trợ giúp cho sắc y sinh tâm” sinh lên. Tương tự như vậy với “sắc do nghiệp tạo, sắc do vật thực tạo và sắc do âm dương tạo”.

Trong cõi Vô tướng:

- Một, 2 hay 3 sắc tứ đại cõi Vô tướng trợ cho sắc tứ đại cõi vô tướng còn lại sinh lên.

- Bốn sắc tứ đại cõi vô tướng trợ cho sắc y sinh cõi Vô tướng sinh lên.

Câu 8. Kusalo ca abyākatassa ca dhammā abyākatassa dhammassa sahaajāta paccayena paccayo.

Pháp thiện và pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện cùng pháp vô ký trợ giúp pháp vô ký sinh lên theo cách “đồng sinh”.

b- Chi pháp.

Thiện và vô ký năng duyên. Tất cả pháp thiện + sắc tâm thiện tứ đại.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

-Một trong bốn danh uẩn thiện hay 2, 3 hoặc cả 4 danh uẩn thiện trợ sắc tâm thiện.

- Một, 2 hay 3 trong 4 sắc tứ đại tâm trợ cho sắc tứ đại tâm còn lại.
- Một, 2, 3, hay cả 4 sắc tứ đại tâm trợ cho sắc y sinh tâm. Sắc tứ đại tâm trợ trợ sắc tứ đại tâm.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uân.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*” và “*Đồng sinh bất ly duyên*”.
- Năng là danh - sắc, sở là sắc pháp, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 4 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Sở có sắc pháp, nên không có “*Hỗ tương duyên*”, “*Tương ưng duyên*”.
- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 9. Akusalo ca abyākato ca dhammā abyākatassa dhammassa sahaajāta paccayena paccayo.

Pháp bất thiện và pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện và pháp vô ký trợ giúp pháp vô ký sinh lên được vững mạnh, theo cách “đồng sinh”.

b- Chi pháp.

Bất thiện và vô ký năng duyên. Pháp bất thiện + sắc tứ đại tâm bất thiện.

Vô ký sở duyên. sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Bốn danh uẩn bất thiện trợ sắc tâm bất thiện.
- Một, 2, hay 3 trong 4 sắc tứ đại tâm bất thiện trợ cho sắc tứ đại tâm bất thiện còn lại.
- Sắc tứ đại tâm bất thiện trợ sắc y sinh tâm bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý. (đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*” và “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

- Năng là danh - sắc, sở là sắc pháp, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 4 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Sở có sắc pháp, nên không có “*Hổ tương duyên*”, “*Tương ưng duyên*”.

- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Hổ tương duyên.

(Aññamañña paccayo).

Định nghĩa.

Aññamañña: dịch là *hổ tương* nghĩa là sự trợ giúp qua lại. Tức là “năng duyên” trợ giúp cho sở duyên, ngược lại sở duyên cũng trợ giúp cho năng duyên.

Ví như 2 khúc gỗ tựa vào nhau để đứng vững.

Sự tác động qua lại giữa năng và sở, do cả năng và sở đều cùng giống với nhau.

Chi pháp.

1. Năng duyên.

* *Cõi Vô sắc.*

- Thời bình nhật: Có 46 tâm [\[1\]](#) - và 46 tâm sở hợp (trừ Sân phần + Vô lượng phần).

- Thời tục sinh: 4 tâm quả Vô sắc và 30 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần + hỷ + tầm + tứ).

* *Cõi ngũ uẩn.*

- Thời bình nhật: Có 117 tâm (121 tâm - 4 tâm quả Vô sắc) và 52 tâm sở hợp + sắc tứ đại ngoại + sắc tứ đại tâm + sắc tứ đại nghiệp + sắc tứ đại vật thực + sắc tứ đại âm dương.

- Thời tục sinh: 15 tâm quả Tục sinh cõi ngũ uẩn và 36 tâm sở hợp + sắc tứ đại nghiệp tục sinh + sắc Ý vật tục sinh.

* *Cõi Vô tướng.*

- Sắc tứ đại nghiệp vô tướng.

2. Sở duyên:

* *Cõi vô sắc.* Bốn danh uẩn thời bình nhật và thời tục sinh.

* *Cõi ngũ uẩn.*

- Bốn danh uẩn thời bình nhật + sắc tứ đại (sắc tứ đại ngoại, sắc tứ đại thời tiết, sắc tứ đại vật thực, sắc tứ đại nghiệp thời bình nhật).

- Bốn danh uẩn thời tục sinh + sắc tứ đại nghiệp tục sinh.

* *Cõi vô tướng.* Sắc tứ đại nghiệp Vô tướng.

3. *Phi sở duyên.* Sắc y sinh (trừ sắc Ý vật tục sinh).

Chú thích.

- Một đại hỗ trợ cho 3 đại, 3 đại hỗ trợ cho 1 đại, nên sắc tứ đại được kể vào sở duyên của “Hỗ tương duyên”.

- Sắc y sinh không thể hỗ trợ cho sắc tứ đại, nên sắc y sinh được kể vào “phi sở duyên” của “Hỗ tương duyên”.

Hỗ tương duyên với tam đề thiện.

Có 3 câu lạc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa aññamañña paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Hỗ tương duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện trợ giúp cho pháp thiện sinh lên, cả hai pháp năng và sở đều hỗ trợ lẫn nhau.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

Ví dụ: Người có đức tin, nên cung kính Tam bảo.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Một danh uẩn thiện trợ cho 3 danh uẩn thiện theo cách “hỗ tương”.
- Hai danh uẩn thiện trợ cho 2 danh uẩn thiện theo cách “hỗ tương”.
- Ba danh uẩn thiện trợ cho 1 danh uẩn thiện theo cách “hỗ tương”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý ... (với đồng lực thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Hỗ tương duyên có 7 duyên hợp trợ. Trong câu lục này có:

* *Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.

- Sở nương tựa vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 5 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng duyên là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng và sở đều là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Câu 2. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa aññamañña paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Hổ tương duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện, cả năng và sở đều hỗ trợ lẫn nhau.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Ví dụ: Người hay ganh tỵ với hạnh phúc người khác.

c- Giải.

- Một danh uẩn bất thiện trợ giúp 3 danh uẩn bất thiện còn lại.
- Hai danh uẩn bất thiện trợ giúp 2 danh uẩn bất thiện còn lại.
- Ba danh uẩn bất thiện trợ trợ giúp một danh uẩn bất thiện còn lại.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ Ngũ, lộ ý (đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương tựa vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 5 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng duyên là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng và sở đều là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Câu 3. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa aññamañña paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Hổ tương duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký trợ giúp pháp vô ký sinh lên, cả năng và sở đều hỗ trợ lẫn nhau.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên: 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp + sắc tứ đại hiện + sắc Ý vật tục sinh.

Vô ký sở duyên: 72 tâm vô ký và 38 hợp + sắc tứ đại hiển + sắc Ý vật tục sinh.

c- Giải.

Sắc Tứ đại hiển trong phần này (cả năng lẫn sở) là chỉ cho sắc tứ đại trong: Sắc ngoại, sắc do tâm tạo, sắc do nghiệp tạo, sắc do thời tiết tạo, sắc do vật thực tạo, sắc nghiệp Vô tướng.

Không kể sắc y sinh, vì sắc y sinh không hỗ trợ cho sắc tứ đại được.

Có các cách như sau:

** Danh vô ký trợ danh vô ký bằng hỗ tương duyên.*

- Một, 2 hay 3 danh uẩn Hạnh trợ cho các danh uẩn Hạnh còn lại.

- Một, 2, hay 3 danh uẩn quả trợ cho các danh uẩn quả còn lại.

(không kể sắc do tâm tạo, vì sắc tâm không hỗ trợ được năng duyên).

** Chi pháp.*

Năng duyên: 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

Sở duyên: 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

** Phần này đối với:*

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời tục sinh, thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý.

- Giống: Giống đồng sinh.

** Duyên hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.

- Sở nương vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng có pháp quả, nên có “*Quả duyên*”.

(Nếu là tâm Hạnh, thì loại trừ Quả duyên ra).

- Năng - sở là danh pháp, nên có “*Tương ưng duyên*”.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Như vậy có 6 duyên hợp trợ .

* *Danh vô ký trợ danh - sắc bằng Hồ tương duyên.*

Điều này chỉ có trong thời điểm Tục sinh.

- Một, 2, 3 danh uẩn quả Tục sinh cõi ngũ uẩn, trợ giúp các danh uẩn quả còn lại và sắc Ý vật tục sinh.

- Bốn danh uẩn quả Tục sinh trợ giúp sắc Ý vật tục sinh.

- Sắc Ý vật tục sinh trợ cho 4 danh uẩn quả Tục sinh.

* *Chi pháp.*

Năng duyên. 15 tâm quả tục sinh cõi ngũ uẩn và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần) + sắc Ý vật tục sinh.

Sở duyên. 15 tâm quả tục sinh cõi ngũ uẩn và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần) + sắc Ý vật tục sinh.

* *Phần này đối với.*

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời tục sinh.

- Lộ tâm: Lộ ý.

- Giống: Giống đồng sinh.

** Duyên hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng - sở là danh và sắc, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.
- Năng là pháp quả, nên có “*Quả duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 6 duyên hợp trợ.

** Sắc trợ cho sắc.*

- Một sắc tứ đại, 2, 3 sắc tứ đại trợ cho các sắc tứ đại còn lại, trong các sắc do tâm tạo, sắc do nghiệp tạo sắc nghiệp Vô tướng.

** Chi pháp.*

Năng duyên: Sắc tứ đại hiển.

Sở duyên: Sắc tứ đại hiển.

** Phần này đối với:*

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 4 Thánh quả.
- Cõi: 27 cõi hữu sắc.
- Thời: Thời tục sinh, thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý và lộ sắc ở cõi hữu sắc.
- Giống: Giống đồng sinh.

** Duyên hợp trợ.*

- Năng sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.

- Sở nương vào năng, nên có “Đồng sinh y duyên”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “Đồng sinh hiện hữu duyên”, “Đồng sinh bất ly duyên”.

Như vậy có 4 duyên hợp trợ.

Y duyên.

(Nissaya paccayo).

Định nghĩa.

Nissaya dịch là Y, nghĩa là “nơi nương nhờ”.

Y duyên là “mãnh lực trợ giúp” bằng cách cho nương nhờ.

Ví như: Người học trò nương vào người thầy để được phát triển, tiến hóa.

Phân tích.

Y duyên chia rộng có ba duyên là:

- “Đồng sinh y duyên” trùng với “Đồng sinh duyên”.
- *Vật tiền sinh y duyên.*
- *Vật cảnh tiền sinh y duyên.*

A - *Vật sinh tiền y duyên* (vatthupurejātanissaya paccayo).

Định nghĩa.

“**Sắc vật**” sinh trước, làm chỗ nương nhờ cho tâm. Gọi là “Vật sinh tiền y duyên”.

Duyên trùng.

Vật sinh tiền y duyên trùng với bốn duyên:

1- *Vật sinh tiền duyên* (vatthupurejāta paccayo).

Là sáu vật [\[2\]](#) , làm chỗ nương nhờ cho tâm sinh sau.

2- Vật sinh tiền bất tương ưng duyên.

Là sáu vật sinh trước, làm chỗ nương nhờ cho tâm sinh sau. Và cả năng - sở không hòa hợp với nhau.

3- Vật sinh tiền hiện hữu duyên (vatthupurejāt'atthi paccayo) .

Là sáu vật sinh trước, làm chỗ cho tâm sinh sau nương nhờ. Cả vật và tâm cùng có mặt.

4- Vật sinh tiền bất ly duyên (vatthupure jāta avigata paccayo).

Là sáu vật sinh trước, làm chỗ nương cho tâm sinh sau. Vật và tâm không lìa nhau.

Chi pháp.

Năng duyên. Là 6 sắc vật đang ở giai đoạn trụ.

Có bốn cách:

1- Bọn trung thọ (majjhimāyuka) của năm vật [\[3\]](#) đồng sanh với tâm hữu phần Vừa qua.

2- Sắc Ý vật đồng sinh với tâm trước đó. Như vào lúc Tục sinh sắc Ý vật đồng sinh với tâm Tục sinh, sắc Ý vật này làm chỗ nương cho tâm Hữu phần sinh kế tục tâm Tục sinh.

3 - Sắc Ý vật sinh lên trước khi xuất thiên diệt.

4- Sáu sắc hữu vật đồng sinh với tâm thứ 17 kể từ tâm tử trở về trước.

Sở duyên.

Nhất định. 47 tâm = 2 tâm Sân + 8 tâm Đại quả + 15 tâm quả Sắc giới + 5 tâm Sơ đạo + 17 tâm Vô nhân (trừ tâm Hướng ý môn) và 48 tâm sở hợp (trừ Tham phần và tâm sở Hoài nghi) .

Bất định. 70 tâm = 8 tâm Tham + 2 tâm Si + tâm Hướng ý môn + 8 tâm Đại thiện + 8 tâm Đại hạnh + 8 đồng lực Vô sắc + 35 tâm siêu thế (trừ 5 tâm sơ đạo) và 46 tâm sở hợp (trừ Si phần + Vô lượng phần).

Chú thích.

Sở duyên nhất định là tính những tâm và tâm sở hợp chỉ có trong 26 cõi ngũ uẩn.

Sở duyên bất định là những tâm và tâm sở hợp có trong 30 cõi hữu tâm.

Phi sở duyên.

Nhất định: 28 sắc pháp + 4 tâm quả Vô sắc và 30 tâm sở hợp.

Bất định: 70 tâm và 46 tâm sở hợp.

Khi 70 tâm này ở cõi ngũ uẩn là sở duyên. Khi ở cõi Vô sắc là “phi sở duyên”.

Vật sinh tiền y duyên với tam đề thiện.

Có ba câu lạc.

Câu 1. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa vatthupurejāta nissaya paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Vật sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là sáu vật sinh trước, làm chỗ nương nhờ cho tâm vô ký sinh lên sau.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 6 sắc vật sinh trước.

Vô ký sở duyên. 68 tâm vô ký (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới) và 38 tâm sở hợp sinh sau trong cõi ngũ uẩn.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a’- Năm sắc thân kinh đang trụ là Vật sinh tiền y duyên cho năm đôi thức và 7 tâm sở hợp nương nhờ.

b’- Sắc Ý vật đang trụ là Vật sinh tiền y duyên cho 58 tâm vô ký (trừ năm đôi thức + 4 tâm quả Vô sắc).

c' - Sắc Ý vật sinh trước đang trụ trợ cho tâm Tam quả Siêu thế, tâm Tứ quả Siêu thế sinh lên khi vị Thánh xuất thiên Diệt.

d' - Sáu vật đồng sinh với tâm 17 kể từ tâm tử trở lại, trợ cho 16 tâm sinh sau kể cả tâm tử.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 15 cõi Sắc giới, năng duyên là thần kinh Nhãn, thần kinh Nhĩ, sắc Ý vật.

Ở 11 cõi Dục giới, năng duyên là sáu sắc vật.

- Thời: Thời bình nhật, thời cận tử.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, Lộ ý, lộ đồng lực tâm Duy tác, lộ đắc đạo, lộ phản khán, nhập thiên quả, nhập thiên, lộ đắc thiên của vị Alahán, lộ Nípàn, lộ Nípàn liên thiên, lộ hiện thông...

- Giống: Giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Vật sinh tiền y duyên có 5 duyên hợp trợ. Trong câu lục này có

**** Hợp trợ.***

- Năng là vật sinh trước, nên có “*Vật sinh tiền duyên*”.

- Năng là sắc sinh trước, sở là danh, nên có “*Vật sinh tiền bất tương ưng duyên*”.

- Năng sở đều có mặt, nên có “*Vật sinh tiền hiện hữu duyên*”, “*Vật sinh tiền bất ly duyên*”.

Có 4 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Vật không làm cảnh, nên không có “*Vật cảnh sinh tiền duyên*”.

Câu 2. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa vatthupurejāta nissaya paccayena paccayo.*

Vô ký trợ pháp thiện bằng Vật sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là “vật” sinh trước, làm chỗ nương nhờ cho pháp thiện sinh sau.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên: Sắc Ý vật đang trụ nghĩa là sắc Ý vật sinh vào tâm trước trước đó.

Thiện sở duyên: 37 tâm thiện sinh sau sắc Ý vật ở cõi ngũ uẩn.

c- Giải.

- Sắc Ý vật sinh trước từ tâm Phán đoán hay tâm Hướng ý môn trở về trước ở giai đoạn trụ (49 sátna tiểu), trợ giúp cho 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

Đoàn sắc Ý vật đang sinh (sátna 1) hay đang diệt (sátna 51) không thể làm chỗ nương cho tâm.

- Thiện trong lộ cận tử thì nương nhờ vào sắc Ý vật sinh từ tâm thứ 17 kể từ tâm Tử trở về trước.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: bình nhật, thời cận tử.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực tâm thiện), lộ đắc đạo, lộ đắc thiên, lộ nhập thiên, lộ phản khán, lộ hiện thông, lộ cận tử (đồng lực thiện).

- Giống: Giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Sắc Ý vật sinh trước, làm chỗ nương cho tâm sinh sau, nên có “*Vật sinh tiền duyên*”.
- Năng là sắc, sở là danh, nên có “*Vật sinh tiền bất tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 4 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không là cảnh của sở duyên, nên không có “*Cảnh tiền sinh duyên*”.

Có 1 duyên không hợp trợ.

Câu 3. *Abyākato dhammo Akusalassa dhammassa vatthupurejāta nissaya paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Vật sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là sắc Ý vật sinh trước, làm chỗ cho tâm bất thiện và tâm sở hợp sinh sau.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Sắc Ý vật sinh trước, ở giai đoạn trụ.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp sinh sau.

c- Giải.

- Sắc Ý vật đang trụ trợ các uẩn bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 quả hữu học.
- Cõi: Trong 26 cõi ngũ uẩn (sở duyên là 12 tâm bất thiện).

Trong 15 cõi Sắc giới (sở duyên là 10 tâm bất thiện (trừ 2 sân)).

- Thời: bình nhật, thời cận tử.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ cận tử (đồng lực không bất thiện).

- Giống: Giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

Giống như câu lạc 2.

Phụ chú:

Đồng sinh y duyên và Vật sinh tiền y duyên kết hợp, có hai câu lạc đặc biệt như sau:

Câu lạc 1. *Kusalo ca abyākato dhammā kusalassa dhammassa sahaajāta nissaya vatthupurejāta nissaya paccayena paccayo.*

Pháp thiện và pháp vô ký trợ pháp thiện bằng câu sinh y duyên và Vật sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện hợp với pháp vô ký trợ giúp pháp thiện tương ưng sinh lên theo cách hỗn hợp: Vừa đồng sinh, vừa sinh trước.

b- Chi pháp.

Thiện và Vô ký năng duyên. Pháp thiện + sắc Ý vật (sinh trước).

Thiện sở duyên. Pháp thiện.

c- Giải.

Tức là danh năng duyên đồng sinh với sở duyên. Sắc năng duyên sinh trước sở duyên.

- Sắc Ý vật ở giai đoạn trụ, hay đồng sinh với tâm Phán đoán (trong lộ ngũ) hoặc tâm Hướng ý môn (trong lộ ý), cùng với 1 danh uẩn thiện, trợ ba danh uẩn thiện tương ưng bằng hai duyên.

- Sắc Ý vật sinh trước cùng 2 danh uẩn thiện, trợ hai danh uẩn thiện tương ưng bằng hai duyên.

- Sắc Ý vật sinh trước cùng ba danh uẩn thiện, trợ một danh uẩn thiện tương ưng bằng hai duyên.

Câu lạc này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 thánh hữu học.

- Cõi: Cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý ... với đồng lực thiện.

- Giống: Giống đồng sinh và giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ.

Có ba duyên hợp trợ là: Y duyên, hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

Câu lạc 2. Akusalō ca abyākato ca dhammā akusalassa dhammassa saha-jāta nissaya vatthupurejāta nissaya paccayena paccayo.

Pháp bất thiện và pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Đồng sinh y duyên và Vật sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện hợp với pháp vô ký, trợ giúp pháp bất thiện tương ưng sinh lên, theo cách hỗn hợp: Vừa đồng sinh vừa sinh trước.

b- Chi pháp.

Bất thiện và Vô ký năng duyên. Pháp bất thiện + sắc Ý vật sinh trước.

Thiện sở duyên. Pháp bất thiện.

c- Giải.

Tức là: Danh năng duyên đồng sinh với sở duyên. Sắc năng duyên sinh trước sở duyên.

- Sắc Ý vật ở giai đoạn trụ hay đồng sinh với tâm Phán đoán (trong lộ ngũ) hoặc tâm Hướng ý môn (trong lộ ý), cùng với 1 danh uẩn bất thiện, trợ ba danh uẩn bất thiện tương ưng bằng hai duyên.

- Sắc Ý vật sinh trước cùng 2 danh uẩn bất thiện, trợ hai danh uẩn bất thiện tương ưng bằng hai duyên.

- Sắc Ý vật sinh trước cùng ba danh uẩn bất thiện, trợ một danh uẩn bất thiện tương ưng bằng hai duyên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý ... (đồng lực bất thiện)

- Giống: Giống đồng sinh và giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ.

Có ba duyên hợp trợ là: *Y duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên.*

B- Vật- cảnh sinh tiền y duyên.

(Vatthārammaṇa purejāta upanissaya paccayo).

Định nghĩa.

Là vật sinh trước, vừa là chỗ nương cho tâm sinh sau, lại bị tâm ấy nhận biết.

Ví dụ: Vị vua nương vào sức mạnh quân đội để bảo vệ đất nước và biết rõ sức mạnh quân đội.

Theo định nghĩa trên: 5 sắc vật sinh trước chỉ là chỗ nương cho 5 đôi thức, nhưng không bị năm đôi thức nhận biết.

Chỉ có sắc Ý vật có thể thỏa mãn 3 điều kiện: Sinh trước, là chỗ trú cho tâm, vừa làm cảnh cho tâm.

Sắc Ý vật có thể làm chỗ trú cho tâm hữu phần, nhưng tâm hữu phần không thể “biết” sắc Ý vật. Như vậy tâm “sinh lên sau”, chỉ có thể là tâm khách trong lộ tâm.

Duyên trùng.

Vật- cảnh sinh tiền y duyên trùng bốn duyên như sau:

1- *Vật- cảnh sinh tiền duyên* (vatthārammaṇa purejāta paccayo).

Là vật sanh trước làm cảnh trợ giúp cho tâm và tâm sở hợp sinh sau.

2- *Vật- cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên* (vatthārammaṇa purejāta vippayuttapaccayo).

Là vật sinh trước làm cảnh trợ giúp cho tâm và tâm sở hợp sinh sau nhưng không hòa hợp.

3. *Vật - cảnh sinh tiền hiện hữu duyên* (vatthārammaṇa purejāt’atthi paccayo).

Là vật sinh trước làm cảnh cho tâm và tâm sở hợp sinh sau và đang có mặt.

4- Vatthārammaṇa purejāt’āvigatā paccayo: *Vật-cảnh sinh tiền bất ly duyên*.

Là vật sinh trước làm cảnh cho tâm và tâm sở sinh sau, năng - sở không xa lìa nhau.

Mãnh lực trợ giúp của năm duyên có bốn trạng thái như sau:

- Giúp bằng cách là “*vật*” tức là sắc Ý vật.

- Giúp bằng cách làm thành “*cảnh*”, để tâm sinh lên sau nhận bắt.

- Sinh ra trước.

- Tùy theo tư cách sở duyên, như: Nương nhờ, không hòa hợp, đang còn, hay không xa lìa.

Chi pháp.

Năng duyên Sắc Ý vật đồng sanh với tâm thứ 17 kể từ tâm tử trở về trước.

Sở duyên. Là những tâm khách trong lộ cận tử, bao gồm:

Tâm hướng ý môn + 29 đồng lực dục giới (javanakāma vacara) + 2 tâm thông (iddhipādacitta) + 44 tâm sở hợp (trừ Tật, lặn, hối, Giới phần và Vô lượng phần).

- *Phi sở duyên.*

* *Nhất định.* Sắc pháp + năm đôi thức + Ý giới + tâm Siêu thế + tâm Đáo đại và 38 tâm sở hợp.

* *Bất định.* Là 41 tâm dục giới (trừ năm đôi thức + ý giới) và 52 tâm sở hợp.

Đây là trường hợp đặc biệt, tâm có khả năng vừa nương vật lại nhận chính vật đó làm cảnh, chỉ xảy ra trong thời cận tử.

Vật - cảnh sinh tiền y duyên với tam đề thiện.

Có 3 câu lạc.

Câu 1. Abyākatato dhammo abyākatassa dhammassa vatthāramaṇa purejāta nissaya paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Vật - cảnh sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là sắc Ý vật sinh trước, vừa là chỗ nương của tâm vừa làm cảnh, để tâm vô ký sinh lên sau nhận bắt.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Sắc Ý vật sanh trước tâm tử 17 sátna.

Vô ký sở duyên. Tâm Hướng ý môn + tâm Sinh tiểu + 8 tâm Đại hạnh + 11 tâm Na cảnh + tâm Thông hạnh và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần).

c- Giải.

Câu lạc này chỉ cho lộ viên tịch của vị Thánh Alahán.

Với vị Thánh Alahán có 2 lộ viên tịch: Lộ viên tịch thông thường và lộ viên tịch đặc biệt.

Lộ viên tịch đặc biệt, khi nhận sắc Ý vật làm cảnh, đó là lộ viên tịch hiện thông. Như Đức Ānanda hiện thông khi viên tịch.

** Với lộ viên tịch thông thường có 4 cách:*

- Đồng lực, Na cảnh, hữu phần và Viên tịch.
- Đồng lực, Na cảnh và Viên tịch.
- Đồng lực, hữu phần và Viên tịch.
- Đồng lực và Viên tịch.

Trong lộ này: Sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17, kể từ tâm Viên tịch trở về trước sẽ trợ giúp các tâm khách sinh lên sau, những tâm và tâm sở hợp này vừa trú ở sắc Ý vật và nhận sắc Ý vật làm cảnh.

Sở duyên trong phần này là: Tâm Hướng ý môn + 8 tâm Đại Hạnh + tâm Sinh tiêu + 11 tâm Na cảnh và 33 tâm sở hợp.

** Với lộ Nípàn hiện thông.*

Lộ Nípàn hiện thông có 2 mô thức:

- Tâm Thông diệt đi, một tâm hữu phần xuất hiện, sau đó là tâm Viên tịch xuất hiện.
- Tâm Thông diệt đi, tiếp theo là tâm Viên tịch.

Sở duyên trong phần này là: Tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí + tâm Thông hạnh và 33 tâm sở hợp.

Câu này đối với.

- Người: Bạc Alahán.
- Cõi: 22 cõi ngũ uẩn (trừ 4 cõi khổ).

- Thời: Thời cận tử.
- Lộ tâm: Lộ viên tịch và lộ Níp bàn liên thông.
- Giống: Giống cảnh và giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Vật- cảnh sinh tiền y duyên có 8 duyên hợp trợ, trong câu lục này có

**** Hợp trợ.***

- Năng làm cảnh cho sở, lại sinh trước, nên có “*Cảnh duyên*”, “*Cảnh sinh tiền duyên*”.
- Năng là vật, lại là cảnh và sinh trước, nên có “*Vật - cảnh sinh tiền duyên*”.
- Năng là sắc, sở là danh, nên có “*Vật - cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Vật - cảnh sinh tiền hiện hữu duyên*”, “*Vật - cảnh sinh tiền bất ly duyên*”.

Có sáu duyên hợp trợ:

**** Không hợp trợ.***

- Năng không là cảnh trưởng, nên không có “*cảnh trưởng duyên*” và “*Cảnh cận y duyên*”.

Câu 2. Abyākato dhammo kusalassa dhammassa vatthāramaṇa purejāta nissaya paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Vật - cảnh sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là sắc Ý vật sinh trước vừa là chỗ nương nhờ cho tâm thiện sinh lên sau vừa là cảnh của tâm ấy.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Sắc Ý vật đồng sanh trước tâm từ 17 sát na.

Thiện sở duyên. 8 tâm Đại thiện dục giới sinh trong lộ cận tử 5 sát na + tâm thông thiện và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần).

c- Giải thích.

Sắc Ý vật sanh trước vào tâm thứ 17 kể từ tâm tử trở lại, trợ cho 8 tâm thiện dục giới + tâm thông thiện (trừ tâm thần túc thông) và 33 tâm sở hợp trong lộ tử còn tục sinh.

Đối với Thần túc thông phải nhận cảnh là “Chế định”, là cảnh của 10 đề mục Kasina như “Đất, nước, gió, lửa...”, khi ấy mới thi triển được năng lực thần thông.

Phàm nhân hay Thánh hữu học cũng có thể có “Thiên nhãn trí”, “Vị lai trí”... có thể biết được chỗ tái sinh trong kiếp sau của mình.

Như trường giả Dhammika thấy những cỗ thiên xa ở 6 cõi trời đến rước ông [\[4\]](#)

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời cận tử.
- Lộ tâm: Lộ cận tử (với đồng lực thiện) còn tục sinh và lộ tử hiện thông còn tục sinh.
- Giống: Giống cảnh và giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

- Năng là cảnh, nên có “*Cảnh duyên*”, “*Cảnh sinh tiền duyên*”.
- Năng - sở không hòa hợp, nên có “*Vật - cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Vật - cảnh sinh tiền hiện hữu duyên*”, “*Vật - cảnh sinh tiền bất ly duyên*”.

Có 5 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng không là cảnh trưởng, nên không có “*Cảnh trưởng duyên*”, “*cảnh cận y duyên*”.

Câu 3. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa vatthāramaṇa purejāta nissaya paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Vật - cảnh sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là sắc Ý vật sinh trước, vừa là chỗ nương trú cho tâm bất thiện sinh sau, vừa bị tâm bất thiện ấy nhận làm cảnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17 kể từ tâm tử trở về trước.

Bất Thiện sở duyên. 5 sátna đồng lực bất thiện trong lộ cận tử. Tức là: 12 tâm bất thiện và 24 tâm sở hợp (trừ Tật, Lận, Hối).

c- Giải.

- Sắc Ý vật đồng sanh với tâm 17 trước tâm tử, làm chỗ trú cho tâm bất thiện sinh sau và bị tâm bất thiện ấy bắt làm cảnh, ở trong lộ cận tử cuối cùng.

Câu lục này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời cận tử.

- Lộ tâm: Lộ tử (với đồng lực bất thiện) còn tục sinh.

- Giống: Giống cảnh + giống sanh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

*** Hợp trợ.**

- Năng là cảnh, nên có “*Cảnh duyên*”, “*Cảnh sinh tiền duyên*”.

- Sở duyên có bất thiện Tham khi nhận sắc Ý vật là cảnh, nên có “*Cảnh trường duyên*”, “*Cảnh cận y duyên*”.

- Năng - sở không hòa hợp, nên có “*Vật - cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên*”.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Vật - cảnh sinh tiền hiện hữu duyên*”, “*Vật - cảnh sinh tiền bất ly duyên*”.

Cận y duyên.

(Upanissaya paccayo).

Định nghĩa.

“*Cận y duyên*” là mãnh lực trợ giúp bằng cách cho nương nhờ tốt nhất. Như cha mẹ là nơi nương nhờ tốt nhất đối với con.

Phân tích.

Cận y duyên chia rộng có ba duyên:

1. *Cảnh cận y duyên* trùng với *Cảnh trường duyên*.

2. *Vô gián cận y duyên* trùng với *Vô gián duyên*.

3. *Thường cận y duyên*.

Thường cận y duyên.

(Pakatūpanissaya paccayo).

Định nghĩa.

Thường cận y duyên là mãnh lực trợ giúp ủng hộ cho nương nhờ mạnh mẽ bằng cách rất thuần thực chuyên môn, thường làm mãi cho đến khi nhuần nhuyễn thành tánh nett.

Ví dụ: người thợ cấy thuần thực trong phương pháp cấy mạ.

Chi pháp.

Năng duyên. Tâm + tâm sở, sắc pháp, chế định có sức mạnh (trừ chế định nghiệp xứ).

Sở duyên. Tâm + tâm sở sinh sau sau.

Phi sở duyên. Sắc pháp.

Thường cận y duyên với tam đề thiện.

Có 9 câu lạc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện từng thực hành trước đây, có năng lực trợ giúp cho pháp thiện sinh lên sau được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 32 tâm thiện (trừ 5 tâm Alahán đạo) và 38 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp + tâm Thông thiện.

Năng duyên không có tâm “Tứ đạo”, vì sau tâm Tứ đạo là tâm quả Siêu thế nên không thể có “thiện trợ giúp thiện”.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a’- Người có đức tin mạnh trước đó, có thể bố thí, trì giới, đăc thiên, tu quán, đăc đạo, đăc thông, nhập thiền...

Năng duyên là “tâm sở Tín”; sở duyên là “8 tâm Đại thiện” sinh lên sau, khi bố thí, cung kính, phục vụ, nghe pháp ...

Hay : Năng duyên là “8 đại thiện và 38 tâm sở hợp”, có tâm sở Tín là hướng đạo, làm “Thường cận y duyên” trước đó.

Sở duyên là “8 đại thiện và 38 tâm sở hợp” sinh lên sau.

- Khi thọ trì ngũ giới, thanh tịnh giới, năng duyên là “8 tâm đại thiện và 38 tâm sở hợp”, có tâm sở Tư làm hướng đạo sinh trước đó.

Sở duyên là “8 tâm Đại thiện và 38 tâm sở hợp” sinh lên sau.

Như người “thường cố ý lánh xa sát sinh, trộm cắp...” trở thành “Thường cận y duyên” cho các tâm thiện sinh lên sau để giữ giới...

- Khi Đắc thiện: 9 tâm thiện Đáo đại thành sở duyên, có tâm sở Tư hướng đạo là “thường cận y duyên”.

- Khi tu tập thiền quán: 8 tâm thiện có tâm sở Tư, hay tâm sở Trí làm hướng đạo là “thường cận duyên”, trợ giúp cho “8 tâm thiện và 38 tâm sở hợp” sinh lên sau.

- Khi đắc Đạo: 20 tâm Đạo là sở duyên khi có các tâm sở Trí, Niệm, Cần, Định, Tín làm hướng đạo là năng duyên.

- Khi đắc Thông: Là ngũ thông do tâm thiện Ngũ thiện Sắc giới là sở duyên.

- Khi nhập thiền, tức là “sau khi đắc thiện”, 9 tâm thiện Đáo đại sinh lên, sau là sở duyên ...

b’- Có người nhờ sức mạnh trì giới có thể bỏ thí, đắc thiện, đắc thông, đắc đạo...

Ví dụ: Tích vị Tỳkhuu quán giới hạnh mình đã hành đắc quả Alahán.

c’- Trí trợ cho đức tin, trì giới bằng Thường cận y duyên.

Ví dụ: Vị Tuđàhườn có niềm tin bất động với Tam bảo và không xa rời ngũ giới, do nhờ vào trí tuệ đã thấy rõ Nípàn.

d’- Bốn tâm đại thiện có trí trợ cho 9 tâm thiện Đáo đại bằng Thường cận y duyên trong lộ đắc thiện, lộ nhập thiền.

e’- Tâm thiện Đáo đại thấp trợ tâm thiện Đáo đại cao bằng Thường cận y duyên.

f’- Luyện ngũ thông bằng tâm đại thiện có trí là “thiện trợ các tâm Thông” bằng Thường cận y duyên.

g’. Bốn đại thiện có trí trợ 20 tâm Đạo bằng Thường cận y duyên khi hành thiền minh sát (Tứ Niệm xứ).

h' - Đạo thấp trợ cho các Đạo cao bằng Thường cận y duyên.

i'. Bậc hữu học có Đạo mạnh trợ cho đắc thiên hay đắc thông bằng Thường cận y duyên.

Tức là vị ấy thường nhập thiên hay có Thông từ trước, khi đắc Đạo thì Thiên hay Thông cùng sinh lên với tâm Đạo.

k'. Đạo mạnh trợ cho tâm quán thấy vô thường: khổ não, vô ngã.

Tâm quán là “4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp”, là sở duyên.

l'-. Ba Đạo hữu học trợ bậc quả hữu học đắc tứ vô ngại giải là: Lý vô ngại giải, pháp vô ngại giải, từ vô ngại giải, biện vô ngại giải.

Tứ vô ngại là sở hữu trí trong tâm thiện là sở duyên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

-Thời: Thời bình nhật.

-Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ đắc thiên, lộ nhập thiên, lộ phản khán, lộ hiện thông ...

- Giống: Giống thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Không có.

Câu 2. Kusalo dhammo akusalassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.

Pháp thiện trợ pháp bất thiện bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện từng thực hành trước đây, trợ giúp cho pháp bất thiện sinh lên sau được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên: 17 tâm thiện hợp thể [\[5\]](#) và 38 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên: 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a’- Người có đức tin mạnh có thể phát sinh ngã mạn, tà kiến, sân hận ...

Như “người có đức tin Tam bảo quá mạnh khi nghe người khác nói không tốt về Đức Phật thì không hài lòng”

Đức tin hợp tâm thiện: năng duyên.

Không hài lòng là “thọ ưu hợp với tâm sân” (sở duyên).

b’. Người trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ nhiều cũng có thể phát sinh ngã mạn, tà kiến, sân, si...

c’- Người đắc thiền cũng có khi phát sinh ngã mạn, tà kiến ...

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý.

- Giống: Giống thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ.

Không có.

Câu 3. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện thường làm, trợ cho pháp vô ký sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 36 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'. Người có đức tin nhiều có thể làm cho thân khổ.

Ví dụ: Người có đức tin quen tu khổ hạnh khiến thân đau nhức.

Đức tin là tâm thiện (năng duyên).

Thân đau nhức là tâm Thân thức thọ khổ (sở duyên).

b'- Người trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ nhiều cũng có thể làm cho thân khổ.

Ví dụ: người trì giới khi quá ngộ không thọ thực khiến thân khó chịu.

c'- Đức tin, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ nhiều cũng có thể giúp cho thân sướng và nhập thiền quả.

Pháp năng duyên: pháp thiện (trừ Vô lượng phần).

Pháp sở duyên: Thân thức thọ lạc và tâm thiền quả Siêu thế.

d'- Nghiệp thiện trợ giúp tâm quả bằng Thường cận y duyên.

e'. Bậc Alahán nhờ đạo mạnh nên thiền Hạnh không có cũng phát sinh để quán vô thường, khổ não, vô ngã.

Ví dụ: Ngài Cūla Paṇṭhaka nhờ đạo mạnh nên quán khăn lau bụi đặc thánh quả Alahán và đặc thiền cùng với Hóa tâm minh.

f'- Đạo Alahán mạnh trợ đắc lực thông bằng Thường cận y duyên.

g'- Đạo mạnh giúp nhập thiên quả bằng Thường cận y duyên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ cận tử.

- Giống: Giống thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ.

Có một duyên hợp trợ là “*Nghiệp biệt thời duyên*”.

Câu lục 4. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện thường làm, trợ giúp pháp bất thiện sinh lên sau được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Ví dụ: Đề - Bà - Đạt - Đa nhiều kiếp thường gây oan trái với BồTát.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a' - Người có nhiều ái dục, sân, si, ngã mạn, tà kiến có thể trợ cho sát sanh, trộm cướp, nói dối, nói lời đâm thọc....

b' - Ý sân ác có trước, có thể trợ cho tham ác, kiến ác ...

c' - Ngũ nghịch đại tội thời quá khứ cũng có thể duyên cho ngũ nghịch đại tội đời này bằng Thường cận y duyên.

d' - Tà kiến nhất định thời quá khứ, có thể trợ tà kiến nhất định đời này bằng Thường cận y duyên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm.

- Cõi: 21 cõi phàm ngũ uẩn (trừ 5 cõi Tịnh cư + 4 cõi Vô sắc + cõi Vô tưởng).

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực bất thiện).

- Giống: Giống Thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ.

Không có.

Câu 5. Akusalo dhammo kusalassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp thiện bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện thường làm, trợ giúp pháp thiện sinh lên sau vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên: 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên: 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

Như Bồ tát có kiếp hoàn tục rồi xuất gia 7 lần.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Người nặng về tham dục cũng trợ cho bố thí, trì giới, tu tịnh cho đến khi đắc thiền, nhập thiền, hiện thông hay tu quán đắc đạo ...

Năng duyên: Tâm Tham và 22 tâm sở hợp, có tâm sở Tham làm hướng đạo.

Sở duyên: 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

b'- Có người nặng về tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến cũng có thể trợ cho bố thí, trì giới, tu tiến ...

c'- Có người đã sát sanh, vì muốn chặn đứng quả bất thiện sau này nên phát tâm bố thí, trì giới, tu tiến cho đến đắc thiền, đắc thông, đắc đạo.

Ví dụ: Ngài Āṅgulimāla vì sát sanh nhiều, sau cố gắng tu quán đắc Tứ đạo.

Năng duyên: 2 tâm Sân và 22 tâm sở hợp.

Sở duyên: 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

d'- Có người từng tà dâm, trộm cướp, vọng ngữ sau thức tỉnh cố gắng hành trì thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến cho đến đắc thiền, đạo quả.

Ví dụ: Bà Ambapālī là kỹ nữ sau thức tỉnh hành trì thiện pháp đắc Tứ đạo.

e'- Có người từng giết cha, mẹ, chích thân huyết Phật, pháp hòa hợp Tăng, sau phát tâm bố thí, trì giới.

Ví dụ: Vua Axàthē sau khi giết cha là Bình Sa Vương, sau hối ngộ trở thành Phật tử thuần thành.

Năng duyên: Tâm sân và 22 tâm sở hợp và tâm Si và 15 tâm sở hợp (có lẽ tâm Si chỉ phá hòa hợp Tăng).

Sở duyên: 8 tâm đại thiện và 36 tâm sở hợp.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ý môn, lộ đắc đạo, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền.

Duyên hợp trợ.

Không có.

Câu 6. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện thường làm trước đây, trợ giúp cho pháp vô ký sinh lên sau được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất Thiện năng duyên 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a’- Người đã nặng tình dục cũng có thể làm tự nóng nảy, cho đến thân khổ bằng cách tìm tòi.

Năng duyên: tâm Tham và 22 tâm sở hợp làm Thường cận y .

Sở duyên: Thân thức thọ khổ và 7 tâm sở hợp.

b’- Sân, si, ngã mạn, tà kiến mạnh cũng có thể làm thân thọ khổ bởi sự tìm tòi.

Như: Người đa sân thường gây sự đánh nhau.

Năng duyên: tâm Sân và 22 tâm sở hợp .

Sở duyên: Thân thức thọ khổ.

c' - Người năng về ái thân thể, thường hay trau chuốt cho thân thể xinh đẹp hơn như nhin đối để có eo

* Năng về thân mình là thân kiến thuộc tà kiến, hay là tham ái (là năng duyên).

* Nhin đối: Thân thức thọ khổ (là sở duyên).

d' - Tham dục, sân, si, ngã mạn, tà kiến có sự mong mỗi có thể làm duyên cho Thân thức thọ lạc, cũng có thể giúp nhập thiền quả bằng Thường cận y duyên.

Ví dụ: Ngài Nandà tu hành tinh tấn đắc Thánh quả chỉ vì nhân là cưới vợ thiên nữ.

Pháp năng duyên: Tâm tham và 22 tâm sở hợp.

Sở duyên: 20 tâm quả siêu thế và 36 tâm sở hợp.

- Thầy Tỳkhu Chanda tự tử vì bệnh, trước khi chết lo sợ nên hành pháp đắc quả Alahán.

Lo sợ chết: Tâm sân và tâm sở hợp (là năng duyên).

Sở duyên: Tâm Tứ quả.

e' - Nghiệp bất thiện trợ quả bất thiện bằng Thường cận y duyên.

Năng duyên: Tâm sở Tư trong 12 tâm bất thiện.

Sở duyên: 7 tâm quả bất thiện và 10 tâm sở hợp.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ thân môn, lộ ý môn hoặc lộ nhập thiền quả.

Duyên hợp trợ.

Có “Nghệp biệt thời duyên”.

Câu 7. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký thường làm, trợ giúp cho pháp vô ký sinh lên sau được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp + sắc pháp.

Vô ký sở duyên. 72 Tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

Thí dụ: Vị Alahán thường bị bệnh, mỗi khi thân đau nhức thường nhập thiền quả, hoặc thiền Duy tác.

Thân đau nhức là “thân thức thọ khổ” (năng duyên).

Nhập thiền quả hay thiền Hạnh là “tâm Vô ký hữu nhân” (sở duyên).

c- Giải.

Có các cách như sau:

a’- Thân sướng trợ cho thân sướng hoặc thân khổ hay nhập thiền Hạnh, thiền quả bằng Thường cận y duyên.

Năng duyên: Thân thức thọ lạc và 7 tâm sở hợp.

Sở duyên: 2 tâm Thân thức + 20 tâm thiền quả Siêu thế + 9 tâm duy tác thiền hiệp thế và 38 tâm sở hợp.

b’- Sự khổ thân cũng trợ khổ thân và lạc thân và nhập thiền quả + thiền duy tác hiệp thế.

Năng duyên: tâm Thân thức thọ khổ và 7 tâm sở hợp.

Sở duyên: 2 tâm Thân thức + 20 tâm quả Siêu thế + 9 tâm thiền duy tác hiệp thế và 38 tâm sở hợp.

c' - Sắc thời tiết (âm dương) trợ thân lạc, thân khô, thiền quả, thiền duy tác hiệp thể bằng Thường cận y duyên.

Năng duyên: Sắc lửa (sự nóng - sự lạnh) thích hợp hay không thích hợp.

Sở duyên: 2 tâm Thân thức + 20 tâm quả Siêu thế + 9 thiền duy tác hiệp thể và 38 tâm sở hợp.

d' - Sắc Vật thực trợ cho thân khô, thân lạc, nhập thiền quả, nhập thiền duy tác hiệp thể.

Năng duyên: món ăn thích hợp hay không (sắc vật thực ngoại).

Sở duyên: 2 tâm Thân thức + 20 tâm quả Siêu thế + 9 tâm thiền duy tác hiệp thể và 38 tâm sở hợp.

e' - Chỗ ở trợ cho hai tâm Thân thức + 20 tâm quả Siêu thế + 9 tâm thiền duy tác hiệp thể và tâm sở hợp.

f' - Nhập thiền quả, nhập thiền duy tác trợ tâm Thân thức thọ lạc.

g' - Vị Alahán nương sự lạc thân, những thiền chưa từng có cũng nhập được, hoặc quán các pháp hành bằng vô thường, khổ não, vô ngã.

Năng duyên: tâm Thân thức thọ lạc và 7 tâm sở hợp.

Sở duyên: 9 tâm Duy tác Đáo đại + 8 tâm Đại hạnh khi tu quán và 35 tâm sở hợp.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý môn, lộ Thân môn, lộ nhập thiền.

- Giống: Giống thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ.

Không có.

Câu 8. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký thường làm, trợ giúp pháp thiện sinh lên sau được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 47 tâm quả (trừ 5 tâm quả Alahán) [\[6\]](#) và 38 tâm sở hợp + sắc pháp.

Vô ký sở duyên. 37 Tâm thiện và 38 tâm sở hợp + tâm Thông thiện ...

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Người thường đầy đủ tứ vật dụng khiến phát tâm làm việc bố thí, trì giới.

Vô ký năng duyên là “sắc pháp”.

Thiện sở duyên là “8 tâm Đại thiện”.

b'- Thân thức thọ lạc thường mạnh cũng có thể phát sanh bố thí, trì giới, tu quán đến đắc thiền hay đắc Đạo (như bà Visakhā dâng y suốt đời đến Chư Tăng).

c'- Nhờ sự khổ thân thường quen mạnh hay sắc thời tiết, sắc vật thực, chỗ ở yên vui cũng làm Thường cận y duyên cho sự bố thí, trì giới, tu thiền ...

Như vị Tỳkhu hành hạnh Đầu đà ở trong rừng có thể đắc thiền, đắc thông, đắc đạo ...

d'- Sự sướng thân, khổ thân và sắc thời tiết, sắc vật thực thích hợp có thể làm Thường cận y duyên cho đức tin trì giới, đa văn, trí tuệ, bố thí bằng tâm thiện dục giới và 33 tâm sở hợp khi tu quán.

e'- Các quả lành (hay quả bất thiện) có thể là Thường cận y duyên để phát sinh bố thí, trì giới...

Như người bị bệnh thường xuyên, có thể phát sinh “trì giới”.

Người thường xuyên nghèo khổ, có thể phát sinh tâm bố thí ...

Vô ký năng duyên: Các tâm quả Dục giới và tâm sở hợp.

Thiện sở duyên: 8 tâm Đại thiện và 38 tâm sở hợp.

g’- Các tâm quả Đáo đại trợ cho Tha tâm thông thiện bằng Thường cận duyên.

h’-Vị Thánh hữu học thường nhập thiện quả, làm phát sinh lộ thiện quả sau sau.

Vô ký năng duyên là “15 tâm quả Siêu thế và 36 tâm sở hợp”.

Thiện sở duyên là “4 Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp” (trong lộ nhập thiện quả).

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý môn, lộ thân môn, lộ kiên cố tùy trường hợp.

- Giống: Giống Thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ.

Có “Nghịệp biệt thời duyên”.

Câu 9. Abyākato dhammo akusalassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo:

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký thường làm, trợ giúp pháp bất thiện sinh lên.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 47 tâm quả (trừ 5 tâm Tứ quả) và 38 tâm sở hợp + sắc pháp.

Vô ký sở duyên. 12 Tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

c- Giải.

a’ - Do sự sừng thân mạnh làm thường cận y duyên cho sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ... cho đến tạo ngũ nghịch đại tội.

Như người đầy đủ tứ vật dụng có thể sanh lòng tham dục, tà dâm...

b’ - Do sự khô thân, vật thực, chỗ ở cũng có thể làm thường cận y duyên cho sát sanh, trộm cắp, tà dâm ...

Ghi chú: Trong câu này nói về hai hạng người là:

- Phàm nhân có thể làm ác tức là thập ác và bất thiện.

- Bạc Thánh hữu học chỉ làm việc bất thiện được chứ không hề làm ác.

Bạc quả hữu học khởi tâm tham ly tà như ưa thích dục lạc hoặc ngã mạn chứ không trộm cướp, tà dâm...

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý môn, lộ thân môn (đồng lực bất thiện).

- Giống: Giống thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ.

Có “Nghiệp biệt thời duyên”.

Sinh tiền duyên.

(Purejāta paccayo).

Định nghĩa.

Sinh tiền duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách sinh trước trợ cho pgháp sinh sau.

Ví dụ: Tượng Phật an vị sẵn, phật tử đến chiêm ngưỡng lễ bái.

Phân tích.

Sinh tiền duyên chia rộng có ba là:

1 - *Cảnh sinh tiền duyên* (*ārammaṇa purejāta paccayo*).

2 - *Vật sinh tiền duyên* (*vatthu purejāta paccayo*).

3- *Vật - cảnh sinh tiền duyên* (*vatthārammaṇa purejāta paccayo*).

Vật sinh tiền duyên trùng với *Vật sinh tiền y duyên*.

Vật cảnh sinh tiền duyên trùng với *Vật - cảnh sinh tiền y duyên*.

Cảnh sinh tiền duyên.

(Ārammaṇa purejāta paccayo).

Định nghĩa.

Cảnh sinh tiền duyên là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng cách sinh ra trước làm thành cảnh.

Tức là 18 sắc rõ từ sắc Đất đến sắc Vật thực sinh trước trợ cho tâm sinh lên sau. nhận sắc rõ làm cảnh hiện tại.

Cần phân biệt giữa Cảnh duyên và Cảnh sinh tiền duyên là:

* Cảnh duyên bao gồm cả danh lẫn sắc, làm thành 6 hay 21 cảnh trong ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai.

* Cảnh sinh tiền duyên chỉ nói đến 18 hiển sắc làm thành 6 cảnh [\[7\]](#) trong thời hiện tại.

Chi pháp.

Năng duyên. Là 18 sắc rõ làm thành 6 cảnh trong thời hiện tại.

Sở duyên.

* *Nhất định.* Năm đôi thức + Ý giới và tâm sở hợp.

* *Bất định.* 41 tâm Dục giới (trừ 5 đôi thức + Ý giới) + 2 tâm thông và 50 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

Phi sở duyên.

* *Nhất định.* 27 tâm thiên + 40 tâm Siêu thế và 38 tâm sở hợp+ sắc pháp.

* *Bất định.* 41 tâm Dục giới và 52 tâm sở hợp + 2 tâm Thông, khi không nhận 18 hiển sắc làm cảnh .

Giải thích.

- 41 tâm dục giới + 2 tâm thông bất định, vì có khi nhận 18 hiển sắc làm cảnh hoặc như tâm Thiên nhãn thông, bấy giờ là “sở duyên”.

Khi không nhận 18 hiển sắc là cảnh, chúng trở thành “phi sở duyên”.

Như người nhớ lại tâm thiện của mình đã làm bằng tâm thiện (thiện trợ thiện đồng nghĩa cảnh duyên).

- 27 tâm thiên và 40 tâm Siêu thế là “phi sở duyên nhất định”, vì tâm Thiên Đáo đại chỉ bắt cảnh chế định hay cảnh “danh pháp” [\[8\]](#) .

- 40 tâm Siêu thế bắt cảnh Nípàn.

Duyên trùng.

Cảnh sinh tiền duyên đồng nghĩa với:

1- *Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên.* Là 18 sắc rõ sinh trước làm duyên trợ giúp bằng cách làm cảnh hiện tại.

2. *Cảnh sinh tiền bất ly duyên.* Là 18 sắc rõ sinh trước trợ giúp bằng cách làm thành cảnh và không xa lìa

Trong 18 hiển sắc thì:

- 7 sắc cảnh là Đất, lửa, gió và 4 sắc cảnh do lộ ngũ bắt.

- 11 sắc rõ còn lại do lộ ý bắt.

Cảnh sinh tiền duyên với tam đề thiện.

Có ba câu lạc.

Câu 1. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇa purejāta paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Cảnh sinh tiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 18 hiện sắc sinh trước làm cảnh, trợ giúp tâm sinh lên sau.

b- Chi pháp.

- *Vô ký năng duyên.* 18 hiện sắc làm cảnh hiện tại.

- *Vô ký sở duyên.* 34 tâm vô ký [\[9\]](#) + tâm Thông hạnh và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần).

c- Giải.

Có các cách như sau:

a’- 7 sắc cảnh hiện tại làm duyên cho “năm đôi thức và 7 tâm sở hợp”.

b’- Cảnh ngũ hiện tại làm duyên cho “Ý giới và 10 tâm sở hợp”.

c’- 18 sắc rõ làm cảnh hiện tại cho tâm Hướng ý môn + 9 đồng lực Duy tác dục giới + 11 tâm Na cảnh và 33 tâm sở hợp.

d’- 5 sắc thần kinh + 7 sắc cảnh làm cảnh hiện tại cho vị Alahán quán vô thường, khổ não, vô ngã.

Năng duyên: 12 sắc thô làm cảnh hiện tại.

Sở duyên: 4 tâm Đại hạnh có trí.

e’- Nhãn thông hạnh của vị Alahán thấy rõ cảnh sắc hiện tại dù thô, tế, xa, gần, trống, kín, lớn, nhỏ.

Năng duyên: Sắc cảnh sắc hiện tại.

Sở duyên: tâm Nhãn thông hạnh.

f - Tâm Nhĩ thông hạnh nghe tất cả các tiếng hiện tại.

Năng duyên: Sắc cảnh thính hiện tại.

Sở duyên: tâm Nhĩ thông hạnh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 quả.

- Cõi: 26 ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ quán sát, lộ hiện thông, tùy từng trường hợp.

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Cảnh sinh tiền duyên có 7 duyên hợp trợ, trong câu lục này có:

**** Hợp trợ.***

- Năng làm cảnh cho sở, nên có “*Cảnh duyên*”.

- Năng là sắc vật làm cảnh, nên có “*Vật - cảnh sinh tiền y duyên*”.

- Năng là sắc, sở là danh, nên có “*Vật - cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên*”.

- Năng - sở cùng có mặt nên có “*Vật- cảnh sinh tiền hiện hữu duyên*”, “*Vật - cảnh sinh tiền bất ly duyên*”.

Có 5 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

Năng là sắc, sở là danh nên không có “*Cảnh trưởng duyên*”, “*Cảnh cận y duyên*”.

Câu 2. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇa purejāta paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Cảnh sinh tiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 18 hiện sắc sinh trước làm cảnh, trợ giúp pháp thiện sinh lên sau.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 18 sắc rõ thành cảnh hiện tại.

Thiện sở duyên. 8 tâm Đại thiện + tâm Thông thiện và 36 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phân) khi bắt sắc rõ làm cảnh.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a’- Bậc Thánh hữu học và phàm nhân quán xét 18 sắc rõ bằng vô thường, khổ não, vô ngã.

Năng duyên: 18 sắc rõ.

Sở duyên: 4 tâm Đại thiện có trí.

b’- Hiện sắc trợ tâm thiện sinh lên, như người phật tử thấy kim thân Phật đánh lễ bằng tâm thiện.

Thấy kim thân Phật là “sắc cảnh sắc” (năng duyên).

Đánh lễ là “8 tâm Đại thiện (sở duyên).

c’- Bậc Thánh hữu học và phàm nhân thấy sắc, nghe tiếng bằng tâm thông thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ tu quán, lộ hiện thông.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng là cảnh, sinh trước nên có “*Cảnh duyên*”, “*Cảnh sinh tiền duyên*”.
- Năng là vật, làm cảnh cho tâm sinh lên sau vững vàng, nên có “*Vật- cảnh sinh tiền y duyên*”.
- Năng là sắc, sở là danh, nên có “*Vật-cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Vật-cảnh sinh tiền hiện hữu duyên*”, “*Vật cảnh sinh tiền bất ly duyên*”.

Như vậy có 5 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Sở duyên là pháp thiện, năng là hiển sắc, nên không có “*Cảnh trưởng duyên*”, “*Cảnh cận y duyên*” [\[10\]](#).

Câu 3. Abyākato dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇa pure jāta paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Cảnh sinh tiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 18 hiển sắc sinh trước làm cảnh, trợ giúp pháp bất thiện sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 18 hiển sắc làm cảnh hiện tại.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp, khi bắt sắc rõ làm cảnh.

c- Giải.

Như: Người thấy sắc đẹp, tiếng hay... có thể phát sanh tham dục, sân hận, tà kiến, hoài nghi, phóng dật.

Ghi chú: Bậc Bất lai dù bắt 18 sắc rõ thành cảnh cũng không phát sinh Tham, sân hận, hoài nghi, tà kiến chỉ phát sanh phóng dật mà thôi. Vì bậc này đã diệt trừ Tham dục và Sân.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

Có đủ 7 duyên hợp trợ là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Vật - cảnh sinh tiền y duyên, Cảnh cận y duyên, Vật- cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên, Vật - cảnh sinh tiền hiện hữu duyên, Vật - cảnh sinh tiền bất ly duyên.

Sở dĩ có “Cảnh trưởng duyên” và “Cảnh cận y duyên”, vì sở duyên có tâm Tham.

Sinh hậu duyên.

(Pacchājāta paccayo).

Định nghĩa.

Sinh hậu duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách sinh sau, nhưng hỗ trợ giúp cho pháp sinh trước được vững mạnh.

Ví như: Trời mưa giúp cho cây đã trồng trước phát triển mạnh.

Duyên trùng.

Sinh hậu duyên trùng với:

1- *Sinh hậu bất tương ưng duyên* (pacchājāta vippayutta paccayo).

Là mãnh lực trợ giúp bằng cách sinh ra sau, nhưng không hòa hợp với năng duyên.

2- *Sinh hậu hiện hữu duyên* (pacchā jatatthi paccayo).

Là mãnh lực trợ giúp bằng cách sinh ra sau, nhưng hiện diện chung với năng duyên.

3- *Sinh hậu bất ly duyên* (pacchā jāta avigata paccayo).

Là mãnh lực trợ giúp bằng cách sinh ra sau và không lìa năng duyên.

Luận giải

Chi pháp của bốn duyên này cho chúng ta thấy nhiều vấn đề, nhiều khía cạnh giữa năng và sở.

Sinh hậu duyên cho chúng ta thấy “năng duyên sinh sau trợ giúp sở duyên sinh trước”.

Sinh hậu bất tương ưng duyên cho chúng ta thấy “năng và sở không hòa hợp nhau”, như vậy nếu năng là danh thì sở phải là sắc hay ngược lại.

Sinh hậu hiện hữu duyên và *sinh hậu bất ly duyên*, giúp thêm điều kiện để xác định năng và sở.

Hiện hữu và ***Bất ly*** cho thấy “trong một lúc nào đó năng và sở cùng có mặt, không thể xa lìa nhau được”

Đời sống danh pháp ngắn hơn đời sống sắc pháp 17 lần. Nếu sở duyên là “*danh pháp*” sinh trước, thì không thể “cùng có mặt” với năng duyên là “*sắc pháp*” sinh sau.

Như vậy, xác định được năng duyên là “*danh pháp*” sinh sau và sở duyên là “*sắc pháp*”, có như thế mới thích hợp với những điều nêu trên.

Chi pháp.

Năng duyên. 117 tâm (trừ 4 tâm quả Vô sắc) và 52 tâm sở hợp, sinh sau.

* *Nhất định*. 2 tâm Sân + 5 đôi thức + Ý giới + 11 tâm Na cảnh + tâm Sinh tiểu + 15 tâm Sắc giới + 5 tâm Sơ đạo.

* *Bất định*. 8 tâm Tham + 2 tâm Si + tâm Hướng ý môn + 8 tâm Đại thiện + 8 tâm Đại hạnh + 8 đồng lực Vô sắc giới + 35 Siêu thể (trừ 5 tâm Sơ đạo) và 48 tâm sở hợp (trừ Sân phần).

Sở duyên. Sắc 3 nhân tạo và sắc 4 nhân tạo.

Phi sở duyên. 121 tâm và tâm sở hợp + sátna sanh, sátna diệt của sắc pháp + 2 sắc tiêu biểu + sắc nghiệp Vô tướng.

Luận giải.

Năng duyên. Không có tâm Tục sinh, vì trước tâm Tục sinh không có bọn sắc nào sanh ra cả.

Bốn tâm quả Vô sắc làm việc Tục sinh, hữu phần và Tử ở cõi Vô sắc, nên những tâm này không thể là năng duyên.

Năng duyên nhất định. Có 47 tâm vì những tâm này chỉ có trong cõi ngũ uẩn nên có khả năng trợ giúp cho sắc pháp sinh trước đó.

Năng duyên bất định. Có 70 tâm, vì những tâm này có trong 30 cõi hữu tâm, khi ở 26 cõi ngũ uẩn là năng duyên, ở cõi Vô sắc là “phi năng duyên”.

Sở duyên.

- Trừ 2 sắc Tiêu biểu vì sắc tiêu biểu đồng sinh đồng diệt với tâm, nên tâm không trợ cho sắc Tiêu biểu bằng cách sinh ra sau.

- Trừ sátna Sinh và sátna Diệt, vì sátna Sinh không còn khi năng duyên sinh ra. Năng duyên cũng không thể “trợ giúp sátna Diệt tồn tại”.

Sinh hậu duyên với tam đề thiện.

Có ba câu lạc.

Câu 1. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa pacchājāta paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Sinh hậu duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh pháp thiện sinh ra sau, nhưng trợ cho sắc pháp sinh ra trước được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tất cả pháp thiện sinh ra sau.

Vô ký sở duyên. 24 sắc pháp (trừ 2 sắc Tiêu biểu + sắc Sinh + sắc Diệt) sinh ra trước đang trụ.

c- Giải.

- Những uẩn thiện sinh ra sau trợ cho sắc pháp sanh trước trong cõi ngũ uẩn.

Sắc pháp sinh trước là sắc do ba nhân tạo hoặc 4 nhân tạo trong thân ngũ uẩn là: Sắc nghiệp tạo, sắc thời tiết tạo, sắc vật thực tạo và sắc tâm tạo (ngoại trừ 2 sắc Tiêu biểu), những sắc này sinh trước tâm thiện từ 1 đến 16 sátna.

Như khi chúng đồng sinh với tâm Phán đoán hay tâm Hướng ý môn hoặc tâm Tục sinh ...

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực thiện), lộ kiên cố (trừ lộ Nípàn).

- Giống: Giống sinh hậu.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Sinh hậu duyên có 3 duyên hợp trợ. Trong câu lạc này có đủ 3 duyên hợp trợ.

- Năng là danh sinh sau, sở là sắc sinh trước, nên có “*Sinh hậu bất tương ưng duyên*”.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Sinh hậu hiện hữu duyên*”, “*Sinh hậu bất ly duyên*”.

Câu 2. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa pacchājāta paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Sinh hậu duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện sinh ra sau, trợ cho sắc pháp sinh ra trước được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp, sinh ra sau.

Vô ký sở duyên. Sắc do 3 nhân tạo hay do 4 nhân tạo, sinh trước đang ở giai đoạn trụ.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống sinh hậu.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như trên.

Câu 3. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa pacchājāta paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Sinh hậu duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh pháp vô ký sinh ra sau, trợ giúp sắc pháp sinh ra trước đó.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp, sinh ra sau.

Vô ký sở duyên. 24 sắc pháp sinh trước đang trụ.

c- Giải.

Như tâm quả Siêu thể hay tâm Hạnh hữu nhân sinh ra ở lộ đồng lực, có khả năng trợ giúp sắc pháp đồng sanh với các tâm trước đó.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 bậc Thánh quả.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực vô ký).
- Giống: Giống sinh hậu.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như trên.

Tập hành duyên.

(*Āsevana paccayo*).

Định nghĩa.

“Tập hành duyên” là mãnh lực trợ giúp bằng cách “làm vững mạnh” hơn”.

Tức là sátna tâm đồng lực trước trợ cho sátna tâm đồng lực sau được thuần thục và mạnh hơn.

Ví như: người học sinh nhờ năm học đầu giúp cho những năm kế tiếp giỏi hơn.

Gọi là ***Tập hành duyên*** do có 2 điều kiện.

- Phải là loại tâm đồng lực liên tiếp sátna.

- Phải cùng giống.

Trong phần “cùng giống” không kể tâm Đồng lực quả Siêu thế, vì loại tâm này đã tăng trưởng sức mạnh cao tột rồi, tâm trước không thể trợ giúp tâm sau tăng thêm sức mạnh nữa.

Có thể nói: “*Tập hành duyên*” là một khía cạnh riêng của *Vô gián duyên*.

Chi pháp.

Năng duyên. 47 tâm đồng lực hiệp thế [11] (trừ đồng lực cuối trong lộ đồng lực).

Sở duyên. 67 tâm đồng lực [12] sinh nối tiếp (trừ sátna thứ 1)

Phi sở duyên. (Sátna 1) tâm đồng lực Dục giới trong lộ đồng lực [13], 2 tâm Hướng môn (dvāravajjanacitta), 52 tâm quả + sắc pháp.

Tập hành duyên với tam đề thiện.

Có ba câu lạc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa āsevana paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Tập hành duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện sinh trước trợ pháp thiện sinh sau kế tục không gián đoạn, được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 17 tâm thiện hiệp thế [14] và 38 tâm sở hợp (trừ thiện đồng lực sátna cuối).

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp sinh sau (trừ thiện đồng lực sátna 1).

Ví như “đoàn tàu hỏa có bảy toa, toa đầu kéo toa sau đến toa chót không kéo toa nào cả”.

c- Giải.

Có các cách như sau:

* Trong lộ đồng lực thiện thông thường, có 7 sátna thì: Những danh uẩn thiện ở sátna thứ 1, trợ những danh uẩn thiện ở sátna thứ 2, những danh uẩn thiện sátna 2 trợ những danh uẩn thiện sátna 3 ... đến sátna 7 thì dứt.

* Trong lộ đắc thiện thiện thì: Tâm Chuẩn bị trợ giúp cho tâm Cận hành, tâm Cận hành trợ giúp cho tâm Thuận thứ, tâm Thuận thứ trợ giúp cho tâm Chuyển tánh (Gotrabhū), tâm Chuyển tánh trợ giúp cho tâm Thiện.

Năng duyên là “4 tâm Đại thiện có trí”.

Sở duyên là “4 Đại thiện có trí (trừ thiện sátna 1) + 9 tâm thiện Đáo đại và tâm sở hợp.

* Trong lộ nhập thiện thiện thì: Tâm Chuẩn bị trợ cho tâm Cận hành Tâm thiện thiện trợ cho tâm thiện thiện (trừ sátna thiện thiện cuối cùng).

Năng duyên là “4 tâm Đại thiện có trí + 9 tâm thiện thiện và tâm sở hợp (trừ sátna thiện thiện cuối cùng).

Sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí (trừ tâm Chuẩn bị) + 9 tâm thiện thiện và tâm sở hợp.

Chú ý: Trong lộ nhập thiện thì tâm thiện thiện có thể diễn tiến vô lượng sátna chứ không phải có 7 sátna.

* Trong lộ đắc Đạo thì “tâm Chuyển tánh hay tâm Tiến bậc (vodaṇā) trợ cho tâm Đạo).

Năng duyên là “4 tâm Đại thiện có trí và tâm sở hợp”.

Sở duyên là “20 tâm Đạo và 36 tâm sở hợp”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đồng lực thiện), lộ đắc đạo, lộ đắc thiền thiện, lộ nhập thiền thiện.
- Giống : Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tập hành duyên có 5 duyên hợp trợ. Trong câu lục này có.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở liên tiếp không gián đoạn, nên có “*Vô gián duyên*”, “*Đẳng vô gián duyên*”.
- Sở nhờ năng thêm vững mạnh, nên có “*Vô gián cận y duyên*”.
- Năng - sở vắng mặt, nên có “*Vô hữu duyên*”, “*Ly duyên*”.

Như vậy có 5 duyên hợp trợ.

Câu 2. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa āsevana paccayena paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Tập hành duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện sinh trước trợ giúp pháp bất thiện sinh kế tiếp được vững mạnh hơn.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện sinh trước (trừ đồng lực bất thiện ở sátna thứ 7).

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện sinh sau (trừ đồng lực bất thiện ở sátna 1).

c- Giải.

Trong lộ đồng lực bất thiện: Bất thiện đồng lực sátna 1 trợ giúp đồng lực bất thiện sátna 2

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như trên.

Câu 3. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa āsevana paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Tập hành duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh pháp vô ký Hạnh sinh trước trợ danh pháp vô ký Hạnh sinh sau thêm vững mạnh và không gián đoạn.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 18 tâm đồng lực Hạnh và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần) sinh trước .

Vô ký sở duyên. 18 tâm đồng lực Hạnh sinh sau và 35 tâm sở hợp (trừ đồng lực hạnh sátna 1).

c- Giải.

- Những danh uẩn Hạnh sinh trước trợ cho những danh uẩn hạnh sinh sau.

Câu này đối với.

- Người: Bậc Alahán.
- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm (trừ 4 cõi khổ + cõi Vô tưởng).
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực Hạnh dục giới), lộ nhập thiền Hạnh
- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như trên.

Nghiệp duyên.

(Kamma paccayo).

Định nghĩa.

“Nghiệp duyên” là mãnh lực trợ giúp bằng cách sắp đặt hay đào tạo.

Nói cách khác, “là tâm sở Tư ở trong tất cả tâm, trợ giúp các pháp đồng sinh khác sinh lên” theo cách “sắp đặt”, “tạo tác”.

Ví như “người trưởng phòng hướng dẫn nhân viên làm việc dưới quyền của mình”.

Phân tích.

Nghiệp duyên chia rộng có ba duyên:

- 1- *Đồng sinh nghiệp duyên* (sahajātakamma paccayo).
- 2- *Nghiệp biệt thời duyên* (nānākkhaṇikakamma paccayo).
- 3- *Vô gián nghiệp duyên* (anantarakamma paccayo).

Ở đây, nghiệp được chia thành hai cách:

- *Cách đồng sinh.* Tức là tâm sở Tư trợ cho các danh uẩn còn lại cùng sinh lên với nó, gọi là **“Đồng sinh nghiệp duyên”**.

- *Cách khác thời kỳ.* Là tâm sở Tư lưu lại “hạt giống” để cho tâm quả sau này. gọi là “**Nghiệp biệt thời duyên**”.

Chính *Vô gián nghiệp duyên* cũng là “Nghiệp biệt thời duyên”. Nhưng vì cho tâm quả liên tiếp không gián đoạn, nên nêu ra để phân biệt.

A- Đồng sinh nghiệp duyên.

(*Sahajātakamma paccayo*)

Định nghĩa.

“**Đồng sinh nghiệp duyên**” là mãnh lực trợ giúp của tâm sở Tư với các pháp đồng sinh.

Chi pháp.

Năng duyên. Tâm sở Tư trong tất cả tâm.

Sở duyên. Tâm và 51 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) + sắc tâm + sắc nghiệp tục sinh.

Phi sở duyên. Tâm sở Tư trong tất cả tâm + sắc nghiệp bình nhật + sắc Vật thực + sắc khí hậu (utujarūpa) + sắc ngoại + sắc nghiệp Vô tướng.

Đồng sinh nghiệp duyên với tam đề thiện.

Có 7 câu lược.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahajātakamma paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư thiện trợ giúp các pháp thiện cùng sinh lên.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm thiện.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư).

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 bậc Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đồng lực thiện), lộ đắc thiện, lộ nhập thiện thiện, lộ phản khán thiện, lộ đắc đạo ...
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

“Đồng sinh nghiệp duyên” có 9 duyên hợp trợ. Trong câu lục này có:

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “Đồng sinh duyên”.
- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có “Hỗ tương duyên”.
- Sở nương vào năng, nên có “Đồng sinh y duyên”.
- Năng là “tâm sở Tư”, nên có “Danh vật thực duyên”.
- Năng sở hòa hợp nhau và cùng có mặt, nên có “Tương ưng duyên”, “Đồng sinh hiện hữu duyên” và “Đồng sinh bất ly duyên”.

Như vậy có 7 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng là pháp thiện nên không có “Quả duyên”.
- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có “Đồng sinh bất tương ưng duyên”.

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa saha-jātakamma paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư trong tâm thiện trợ giúp các sắc tâm thiện sinh lên.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

- Tâm sở Tư trong tâm thiện trợ giúp sắc Thân biểu tri, thực hiện những “hành động thiện” như: Đi kinh hành, ngồi thiền, cung kính vái chào, phục vụ, không sát sinh, không trộm cắp, bố thí bằng tay....

- Tâm sở Tư trong tâm thiện trợ giúp sắc Ngữ biểu tri, nói lên những thiện ngôn như: lời chân thật, lời êm dịu, thuyết pháp, không nói dối ...

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 bậc Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền, lộ đắc đạo...

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

*** Hợp trợ.**

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “Đồng sinh duyên”.

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng là tâm sở Tư, nên có “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng là danh, sở là sắc, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 6 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là danh, sở là sắc, nên không “*Tương ưng duyên*”, “*Hổ tương duyên*”.
- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 3. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa saha jātakamma paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư thiện trợ giúp các pháp thiện đồng sinh cùng sắc tâm thiện được vững mạnh, theo cách “tạo tác”.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm thiện.

Thiện và Vô ký sở duyên. 37 tâm thiện và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) + sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này gom chung cả 2 câu lọc trên.

Người có ý thiện, sẽ hành động bằng thân hay lời nói, như: Chắp tay lễ chào, nói pháp, luận đạo ...

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo ...
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng là tâm sở Tư, nên có “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 5 duyên hợp trợ.

****-Không hợp trợ.***

- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Sở có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.
- Sở có sắc pháp, nên không có “*Tương ưng duyên*”, “*Hổ tương duyên*”.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 4. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahaṇātakamma paccayena paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư bất thiện, trợ các danh uẩn bất thiện cùng sinh lên.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm bất thiện.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư).

c- Giải.

Tâm sở Tư bất thiện trợ cho các danh uẩn bất thiện cùng sinh lên với nó.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”, “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng - sở đều là danh pháp, nên có “*Tương ưng duyên*”, “*Hỗ tương duyên*”.
- Năng là tâm sở Tư, nên có “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh sinh bất ly duyên*”.

Có 7 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.

- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa saha-jātakamma paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư bất thiện, trợ giúp sắc tâm bất thiện.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm bất thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

- Tâm sở Tư bất thiện trợ sắc Thân biểu tri để thực hiện những hành động bất thiện như: Sát sinh, lấy của không cho ...

- Tâm sở Tư bất thiện trợ cho sắc Ngữ biểu tri, nói dối, nói ác ...

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Có 6 duyên hợp trợ là: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thức duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Có 3 duyên không hợp trợ là: Quả duyên, Tương ưng duyên, Hổ tương duyên.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahaajātakamma paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư bất thiện trợ giúp các danh uẩn bất thiện cùng với sắc tâm bất thiện, theo cách “nghiệp đồng sinh”.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm bất thiện.

Bất thiện và vô ký sở duyên. 12 tâm bất thiện và 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) + sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Câu này bao gồm cả 2 câu trên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

*** Hợp trợ.**

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “Đồng sinh duyên”.
- Sở nương tựa vào năng, nên có “Đồng sinh y duyên”.

- Năng là tâm sở Tư, nên có “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 5 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Sở có sắc pháp, nên không có “*Hổ tương duyên*”, “*Tương ưng duyên*”.
- Sở có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 7. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa saha jātakamma paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư trong tâm vô ký, trợ cho các pháp đồng sinh sinh lên, theo cách “nghiệp”.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm vô ký.

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) + sắc tâm vô ký.

c- Giải.

a’- Tâm sở Tư vô ký trợ danh uẩn tương ưng và sắc tâm vô ký, trong thời bình nhật = Đồng sinh nghiệp duyên.

b’- Khi tục sinh, tâm sở Tư quả trợ danh uẩn quả tương ưng + sắc nghiệp tục sinh = Đồng sinh nghiệp duyên.

c’- Tâm sở Tư trợ sắc Ý vật = Đồng sinh nghiệp duyên.

Năng duyên: Tâm sở Tư trong 15 tâm Tục sinh cõi ngũ uẩn.

Sở duyên: 15 tâm Tục sinh cõi ngũ uẩn và 34 tâm sở hợp (trừ Giới phần + tâm sở Tư) + sắc nghiệp tục sinh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 bậc Thánh quả.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm
- Thời: Thời bình nhật, thời tục sinh và thời tử.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ Tục sinh, lộ cận tử.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Cân phân tích 3 trường hợp:

- *Tâm sở Tư vô ký trợ danh vô ký*, có 8 duyên hợp trợ: “Đồng sinh duyên, Hô tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên”.
- *Tâm sở Tư trợ sắc tâm vô ký*, có 7 duyên hợp trợ: “Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên”
- *Tâm sở Tư vô ký trợ danh - sắc vô ký*, có 6 duyên hợp trợ: “Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên”.

B- Nghiệp biệt thời duyên (Nānakkaṇṇikakamma paccayo).

Định nghĩa.

Là tâm sở Tư trong tâm thiện hay tâm bất thiện, lưu lại “hạt giống” (bīja), để cho quả khác thời kỳ (khác sátna).

Chi pháp.

Năng duyên. Tâm sở Tư hợp trong tâm thiện hay tâm bất thiện (trong quá khứ)

Sở duyên. Sắc nghiệp + tâm quả và 38 tâm sở hợp trong hiện tại.

Phi sở duyên. Tâm thiện, tâm bất thiện, tâm duy tác + sắc tâm, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc khí hậu.

Nghiệp biệt thời duyên với tam đề thiện.

Có 2 câu lục.

Câu 1. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa nānakkaṇṇikakamma paccayena paccayo.

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Nghiệp biệt thời duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư trong tâm thiện trước đây lưu lại “hạt giống”, trợ giúp tâm quả thiện cùng sắc nghiệp thiện sinh lên trong hiện tại.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm thiện quá khứ.

Vô ký sở duyên. 45 tâm quả thiện [15] và 38 tâm sở hợp + sắc nghiệp thiện.

c- Giải.

a’- Tâm sở Tư trong tâm thiện sinh trước trong đời này hay đời trước đã diệt, nhưng lưu lại “hạt giống” tạo ra tâm quả thiện + sắc nghiệp trong hiện tại.

b’- Tâm sở Tư trong tâm thiện Sắc giới, tạo ra tâm quả Sắc giới và sắc nghiệp cõi Sắc giới.

c’- Tâm sở Tư trong tâm thiện Ngũ thiên Sắc giới, tạo ra sắc Nghiệp vô tướng.

d’- Tâm sở Tư trong tâm thiện Vô sắc giới, tạo ra tâm quả Vô sắc giới và tâm sở hợp.

e’- Tâm sở Tư trong 20 tâm Đạo tạo ra 20 tâm quả Siêu thế.

Ở đây, trong lộ đắc Sơ, Nhị, Tam, Tứ đạo dù rằng ngay tích tắc, sau sátna Đạo thì đến sátna quả Siêu thế ngay, nhưng vẫn thuộc về “khác thời”.

Nếu Đạo có bậc thiên nào thì quả Siêu thế cũng được thiên bậc ấy.

Trong trường hợp này, các Ngài gọi là “*Vô gián nghiệp duyên*”. Tức là cho ngay tâm quả “không gián đoạn”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 31 cõi.
- Thời: Thời bình nhật, thời Tục sinh và thời Tử.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo và siêu lộ.
- Giống: Giống biệt thời.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Nghiệp biệt thời duyên tổng quát có 6 duyên hợp trợ. Trong câu lục này có:

* *Hợp trợ.*

Vì có tâm sở Tư trong tâm Đạo trợ giúp tâm Quả Siêu thế sinh kế tục không gián đoạn, nên có: “*Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Thường cận y duyên*”.

- Năng - sở không cùng có mặt, nên có “*Vô hữu duyên*”, “*Ly duyên*”.

Câu 2. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa nānakkhaṇikakamma paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Nghiệp biệt thời duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư trong tâm bất thiện sinh trước, trợ giúp tâm quả bất thiện cùng sắc nghiệp bất thiện sinh lên sau.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm bất thiện có trước.

Vô ký sở duyên. 7 tâm quả bất thiện và tâm sở hợp + sắc nghiệp bất thiện có sau.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi Ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật, thời Tục sinh và thời tử.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý chót mót.
- Giống: Giống biệt thời.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng thường làm, nên có “*Thường cận y duyên*”.
- Năng - sở không cùng có mặt, nên có “*Vô hữu duyên*”, “*Ly duyên*”.

Có ba duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng - sở không liên tiếp nhau, nên không có ba duyên “*Vô gián duyên*”, “*Đẳng vô gián duyên*” và “*Vô gián cận y duyên*”.
-

[1] – 46 tâm = 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm Sân) + tâm Hướng ý môn + 16 đồng lực hữu nhân dục giới + 12 tâm Vô sắc giới + 7 tâm Siêu thế ngũ thiền 9 trừ tâm Sơ đạo ngũ thiền).

[2] - Sáu vật là: Nhãn vật, tức thần kinh nhãn.

- Nhĩ vật, tức thần kinh nhĩ.

- Tỷ vật, tức thần kinh tỷ.

- Thiệt vật, tức thần kinh thiệt.

- Thân vật, tức thần kinh thân.

- Ý vật, tức sắc Ý vật.

[3] - Là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân vật.

[4] - DhpA. Câu số.

[5] - 8 tâm Đại thiện + 9 tâm thiện Đáo đại = 17 tâm thiện hiệp thế.

[6] - 15 tâm quả vô nhân + 8 tâm đại quả + 9 tâm quả Đáo đại + 20 tâm quả Siêu thế. = 52 tâm quả.

[7] Nếu phân tích rộng thì có 7 cảnh là: Cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh mùi, cảnh vi, cảnh xúc, cảnh Ngũ và cảnh pháp.

Nếu gom cảnh ngũ và cảnh pháp vào cảnh pháp thì còn 6 cảnh.

[8] - Chỉ cho 3 tâm Thức vô biên xứ và 3 tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

[9] - 36 tâm vô ký nhận 18 hiển sắc làm cảnh = 18 tâm vô nhân + 8 tâm Đại quả + 8 tâm Đại hạnh.

[10] - Hiển sắc chỉ là cảnh trường đối với tâm Tham mà thôi.

[11] - 12 tâm bất thiện + tâm sinh tiểu + 8 đại thiện + 8 đại tố + 9 thiện đáo đại + 9 duy tác đáo đại.

[12] - Là 47 tâm đồng lực hiệp thế + 20 tâm Đạo (Maggacitta).

[13] - Javanavithī (lộ đồng lực).

[14] - 8 tâm Đại thiện + 9 tâm thiện Đáo đại = 17 tâm thiện hiệp thế.

[15] - 8 tâm quả thiện vô nhân + 8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại + 20 tâm quả Siêu thế.

ooOoo-

[2.3]

Quả duyên. (Vipāka paccayo).

Định nghĩa.

“***Quả duyên***” là mãnh lực trợ giúp bằng “kết quả”.

Chi pháp.

Năng duyên. 52 tâm quả và 38 tâm sở hợp.

Sở duyên. 52 tâm quả và 38 tâm sở hợp + 20 sắc nghiệp tục sinh + 15 sắc tâm (trừ 2 sắc Biểu tri).

Phi sở duyên. 69 tâm phi tâm quả và tâm sở hợp + sắc tâm phi quả + sắc nghiệp bình nhật + Sắc nghiệp vô tướng + sắc vật thực + sắc thời tiết + sắc ngoại.

Quả duyên với tam đề thiện.

Chỉ có 1 câu lạc.

Câu 1. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa vipākapaccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Quả duyên.

a- Định nghĩa.

Là một danh uẩn quả trợ giúp các pháp đồng sinh, sinh lên”.

Ở đây là xét *một tâm quả*.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 52 tâm quả và 38 tâm sở hợp về phương diện giúp.

Vô ký sở duyên. 52 tâm quả và 38 tâm sở hợp về phương diện nhờ + sắc tâm quả (trừ 2 sắc Biểu tri) + sắc nghiệp tục sinh.

c- Giải.

- Một danh uẩn quả trợ giúp 3 danh uẩn quả + sắc tâm quả (trừ 2 sắc Biểu tri) thời bình nhật.
- Hai danh uẩn quả trợ giúp 2 danh uẩn quả + sắc tâm quả (trừ 2 sắc Biểu tri) trong thời bình nhật.
- Ba danh uẩn quả hai trợ giúp một danh uẩn quả + sắc tâm quả (trừ 2 sắc Biểu tri) thời bình nhật.
- Khi tục sinh, 1, 2 hay 3 danh uẩn quả tục sinh, trợ cho các danh uẩn quả tục sinh còn lại và sắc nghiệp tục sinh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời tục sinh, thời bình nhật, thời tử.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.
- Giống : Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- ***Danh trợ danh.*** Có 7 duyên hợp là:
- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Năng -sở hỗ trợ nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”.
- Sở nương vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

- ***Danh trợ sắc***. Có 5 duyên hợp trợ là “*Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên*”.

- ***Danh - trợ danh sắc***. Có 4 duyên hợp trợ là “*Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên*”.

Vật thực duyên.

(*Āhāra paccayo*).

Định nghĩa.

“***Vật thực duyên***” là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng cách đem chất bổ dưỡng vào.

Phân tích.

Vật thực duyên được phân thành 2 duyên là:

- *Sắc vật thực duyên* (*rūpa āhāra paccayo*).

- *Danh vật thực duyên* (*nāma āhāra paccayo*).

Sắc vật thực duyên.

(*Rūpa āhāra paccayo*).

Định nghĩa.

“***Sắc vật thực duyên***” là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng chất bổ dưỡng như miếng ăn ...

Chi pháp.

Năng duyên. *Sắc vật thực* nội và ngoại, tức là chất bổ dưỡng đã ăn hay chưa ăn.

Sở duyên. 12 sắc do vật thực tạo tức là sắc tứ đại + sắc cảnh khí + sắc cảnh vị + 3 sắc đặc biệt + sắc tiến + sắc dị.

Phi sở duyên. Tâm và tâm sở hợp + sắc tâm + sắc nghiệp + sắc thời tiết + sắc ngoại.

Duyên trùng.

Sắc vật thực duyên trùng với *Vật thực hiện hữu duyên* (*āhāratthipaccayo*) và *Vật thực bất ly duyên* (*āhāra avigata paccayo*).

* *Vật thực hiện hữu duyên:* Là mãnh lực trợ giúp bằng chất bổ dưỡng đang còn.

* *Vật thực bất ly duyên:* Là mãnh lực trợ giúp bằng chất bổ dưỡng không xa lìa.

Sở dĩ ba duyên này trùng nhau là vì: Năng và Sở đều là sắc, như vậy đời sống của Năng và Sở đồng nhau (51 sátna).

Lại nữa có hiện hữu và bất ly giúp cho chúng ta nhận biết được là thời hiện tại.

Có câu hỏi: Năng - sở đồng sinh, tại sao *Sắc vật thực duyên* không thuộc giống đồng sinh?

Đáp: Tuy năng và sở cùng sinh lên, nhưng tính chủ yếu của *Vật thực duyên* là “nuôi dưỡng”; do đó *Vật thực duyên* được xếp vào “giống vật thực”.

Một số duyên khác được xếp vào “giống đồng sinh”, vì đó là đặc tính chính, “tính nuôi dưỡng” không có trong các duyên ấy.

Sắc vật thực duyên với tam đề thiện.

Có 1 câu lục.

Câu 1. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa rūpāhāra paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Sắc vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là “chất bổ dưỡng” bên ngoài hay bên trong, trợ giúp các sắc đồng sinh được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Sắc Vật thực nội và ngoại.

Vô ký sở duyên. 12 sắc pháp đồng sinh đang trụ với sắc Vật thực.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 8 bậc Thánh.
- Cõi: Cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: lộ sắc.
- Giống: Giống vật thực.

Duyên hợp trợ.

Có 2 duyên hợp trợ là “*Vật thực hiện hữu duyên*”, “*Vật thực bất ly duyên*”.

B. Danh vật thực duyên.

(Nāma āhāra paccayo)

Định nghĩa.

“***Danh vật thực duyên***” là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng cách thu hút “cảnh”, mang cảnh đến giúp các pháp đồng sinh thêm vững mạnh.

Danh vật thực có ba là:

- *Xúc thực*: Sự gặp gỡ giữa căn (vật), cảnh và thức là duyên cho ***thọ***.
- *Tư niệm thực*: Là sự cố ý làm việc thiện hay ác là nhân sanh ra tâm quả Tục sinh.
- *Tâm thực*: Là khả năng hưởng cảnh và tạo radanh sắc.

Chi pháp.

Năng duyên. Tâm sở Xúc, tâm sở Tư, 121 tâm (về phương diện trợ giúp).

Sở duyên. Tâm và tâm sở hợp + 17 sắc tâm + 20 sắc nghiệp tục sinh.

Phi sở duyên. Sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp vô tướng, sắc vật thực, sắc thời tiết và sắc ngoại.

Giải thích.

Ở cõi Ngũ uẩn vào thời tục sinh, tâm Tục sinh trợ cho sắc nghiệp Tục sinh cùng sinh lên, do đó *sở duyên* có sắc nghiệp tục sinh.

Danh vật thực duyên với tam đề thiện.

Có 7 câu lục

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là 3 danh vật thực thiện mang “chất bồi dưỡng” (là cảnh) đến giúp các pháp thiện đồng sinh thêm vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện + tâm sở Xúc + tâm sở Tư trong tâm thiện.

Thiện sở duyên. Tất cả pháp thiện.

c- Giải.

- Khi tâm thiện là năng duyên thì các tâm sở hợp là sở duyên.

- Khi tâm sở Xúc là năng duyên thì tâm thiện và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Xúc) là sở duyên.

- Khi tâm sở Tư là năng duyên, tâm thiện và 38 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) là sở duyên.

Do đó, trong phần sở duyên lấy “tất cả pháp thiện”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ phản khán, lộ nhập thiền hữu học, lộ đắc thiền hữu học ...
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Danh vật thực duyên, tổng quát có 11 duyên hợp trợ. Trong câu lục này có:

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Năng là “*tâm*”, nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Đồng sinh quyền duyên*” [\[1\]](#).
- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”, “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng là “*tâm sở Tư*”, nên có “*Đồng sinh nghiệp duyên*”.
- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Như vậy có 9 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh thiện trợ sắc tâm thiện, theo cách “làm cho tăng trưởng”.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện + tâm sở Xúc + tâm sở Tư trong tâm thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi Ngũ uẩn.
- Thời: Bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ phản khán, lộ nhập thiền, lộ đắc thiền.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

*** Hợp trợ.**

Có 8 duyên hợp trợ là: “Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên”.

*** Không hợp trợ.**

Có 3 duyên không hợp trợ là “Quả duyên, Tương ưng duyên, Hỗ tương duyên”.

Câu 3. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện và pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh vật thực thiện trợ giúp cho các pháp đồng sinh cùng với sắc tâm thiện.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 3 danh vật thực thiện.

Thiện và vô ký sở duyên. Pháp thiện + sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu lạc này là tổng hợp 2 câu lạc trên.

Câu lạc này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi Ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đồng lực thiện), lộ kiên cố thiện.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng có “*tâm*”, nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Đồng sinh quyền duyên*”.
- Năng là “*tâm sở Tư*”, nên có “*Đồng sinh nghiệp duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 7 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Sở có sắc pháp, nên không có “*Hổ tương duyên*”, “*Tương ưng duyên*”.
- Sở có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 4. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là ba danh vật thực bất thiện trợ giúp các pháp đồng sinh được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện + tâm sở Xúc + tâm sở Tư trong tâm bất thiện.

Bất thiện sở duyên. Pháp bất thiện.

c- Giải.

- Khi tâm bất thiện là năng duyên, thì 27 tâm sở hợp là sở duyên.
- Khi tâm sở Xúc bất thiện là năng duyên, thì 12 tâm bất thiện và 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở Xúc) là sở duyên.
- Khi tâm sở Tư bất thiện là năng duyên, thì 12 tâm bất thiện và 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) là năng duyên.

Do đó, sở duyên lấy tất cả pháp bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương tựa vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng - sở hỗ trợ nhau , nên có “*Hỗ tương duyên*”.
- Năng là **tâm**, nên có “*Đồng sinh quyền duyên*”, “*Đồng sinh trưởng duyên*”..
- Năng là tâm sở Tư, nên có “*Đồng sinh nghiệp duyên*”.
- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 9 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 5. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là 3 danh vật thực bất thiện trợ sắc tam bất thiện được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 3 danh vật thực bất thiện.

Bất thiện sở duyên. Sắc tâm bất thiện đồng sinh.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở vững mạnh nhờ có năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng có ***tâm***, nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Đồng sinh quyền duyên*”.
- Năng có *tâm sở Tư*, nên có “*Đồng sinh nghiệp duyên*”.
- Sở là sắc pháp, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 8 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng danh, sở là sắc, nên không có “*Tương ưng duyên*”, “*Hổ tương ưng duyên*”.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là 3 danh vật thực bất thiện trợ cho danh – sắc sinh lên.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện + Tâm sở Xúc + tâm sở Tư trong tâm bất thiện.

Bất thiện và vô ký sở duyên. Pháp bất thiện + sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Câu này là tổng hợp câu 4 và câu 5.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

Có 7 duyên hợp trợ là : “Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên”.

** Không hợp trợ.*

Có 4 duyên không hợp trợ là: “Quả duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Hỗ tương duyên”.

Câu 7. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là 3 danh vật thực vô ký trợ giúp các pháp vô ký đồng sinh với chúng.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 72 tâm vô ký + tâm sở Xúc + tâm sở Tư trong tâm vô ký..

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp+ sắc tâm vô ký.

Riêng “năm đôi thức” không tạo ra sắc tâm.

c- Giải.

Câu này gồm 3 câu: *Danh trợ danh, danh trợ sắc, danh trợ danh - sắc.*

Có các cách như sau:

a’- Vật thực danh vô ký trợ cho các uẩn tương ưng và sắc tâm vô ký.

b’- Khi Tục sinh, danh vật thực quả trợ các danh uẩn quả tương ưng và sắc nghiệp tục sinh.

Năng duyên: 19 tâm quả tục sinh cõi 5 uẩn + tâm sở Xúc + tâm sở Tư.

Sở duyên: 19 tâm quả Tục sinh và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần) + sắc nghiệp tục sinh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời Tục sinh, thời bình nhật và thời tử.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý và Siêu lộ.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Năng duyên có “*tâm quả*”, nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Đồng sinh quyền duyên*”, “*Quả duyên*”.

(Trong phần “năm đôi thức” trợ các pháp đồng sinh, có “*Hổ tương duyên*”, “*Tương ưng duyên*” hợp trợ).

- Sở nương tựa vào danh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng có “tâm sở Tu”, nên có “*Đồng sinh nghiệp duyên*”.
- Sở có sắc tâm, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

**** Không hợp trợ.***

Không có.

Quyền duyên

(Indrīya paccayo)

Định nghĩa.

“Quyền duyên” là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng cách cai quản điều hành các pháp đồng sinh.

Như vị tướng soái điều khiển đoàn của mình.

Phân tích.

Quyền duyên chia rộng có 3 là:

- 1- *Đồng sinh quyền duyên* (sahajātindriya paccayo).
- 2- *Quyền sinh tiền duyên* (purejātindriya paccayo).
- 3- *Sắc mạng quyền duyên* (rūpajīvitindriya paccayo).

A- Đồng sinh quyền duyên.

(Sahajātindriya paccayo).

Định nghĩa.

Đồng sinh quyền duyên là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng 8 danh quyền điều khiển cai quản các pháp đồng sinh.

Chi pháp.

Năng duyên. 8 danh quyền là: Thọ, tín, niệm, tấn, nhất hành, tuệ, danh mạng quyền và tâm.

Sở duyên. Tâm và tâm sở hợp trên phương diện nhờ + sắc tâm + sắc nghiệp tục sinh.

Phi sở duyên. Sắc ngoại, sắc âm dương, sắc vật thực, sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp vô tướng.

Đồng sinh quyền duyên với tam đề thiện.

Có 7 câu lược.

Câu 1. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahajātindriya paccayena paccayo.

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là “danh quyền thiện” trợ giúp các pháp đồng sinh được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 8 danh quyền thiện.

Thiện sở duyên. Tất cả pháp thiện.

c- Giải.

- Như Tín quyền trợ giúp các pháp đồng sinh sinh lên, cùng làm một việc “hướng tâm tin”.
- Tấn quyền trợ giúp các pháp đồng sinh sinh lên, cùng làm một việc “cố gắng”....

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ đắc thiền.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Đồng sinh quyền duyên tổng quát có 13 duyên hợp trợ. Trong câu lục này có:

**** Hợp trợ.***

- Năng có tâm sở Trí, nên có “*Nhân duyên*”, “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Đạo duyên*”.
- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”.
- Năng có “tâm”, nên có “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng có “tâm sở Thọ”, “tâm sở Nhất hành”, nên có “*Thiền duyên*”.
- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 11 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa saḥajātindriya paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 8 danh quyền thiện trợ giúp cho sắc tâm.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 8 danh quyền thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 Thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý ...
- Giống : Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

Có 10 duyên hợp trợ.. Là lấy 11 duyên hợp trợ ở câu trên trừ “Hỗ tương duyên” và “Tương ưng duyên”, thêm “Đồng sinh bất tương ưng duyên”.

**** Không hợp trợ.***

Có 3 duyên không hợp trợ là “Quả duyên, Hỗ tương duyên, Tương ưng duyên”.

Câu 3. Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa saḥajātindriya paccayena paccayo.

Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 8 danh quyền thiện trợ giúp cho các danh - sắc đồng sinh theo cách “cai quản”.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 8 danh quyền thiện.

Thiện và vô ký sở duyên. Tất cả pháp thiện + sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này tổng hợp 2 câu lục 1 và 2.

Như khi “tinh tấn là quyền”, các pháp cùng sinh chung với tinh tấn là “tâm thiện và sắc Thân biểu tri”, làm chung công việc “cố gắng”, như “cố gắng hành thiền”...

- Khi “trí là quyền”, thì các pháp cùng sinh với tâm sở Trí và sắc Ngũ biểu tri, làm chung một việc như “giảng pháp, nói đạo”...

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 Thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý ... (có đồng lực thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng có “tâm sở Trí”, nên có “*Đồng sinh quyền duyên*”, “*Đạo duyên*”, “*Đồng sinh trưởng duyên*”.
- Năng có “ý quyền”, nên có “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng có “tâm sở Thọ”, “tâm sở Nhất hành”, nên có “*Thiền duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 9 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Sở có danh lẫn sắc, nên không có “*Tương ưng duyên*”, “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”, “*Hổ tương duyên*”.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 4. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa saha-jātindriya paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh quyền bất thiện trợ giúp danh pháp đồng sinh, theo cách “cai quản”.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 5 danh quyền bất thiện là: 12 tâm bất thiện + tâm sở Thọ, tâm sở Cần, tâm sở Nhất hành, tâm sở Mạng quyền.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

c- Giải.

- Khi “tâm sở Nhất hành là quyền”, khiến các tâm sở đồng sinh đều làm chung chung công việc “định tâm sai”, là “định tâm trong sắc, thính ...”

- Khi tâm sở Cần là quyền, khiến các tâm sở đồng sinh cùng “nỗ lực” trong ác, bất thiện pháp

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “Đồng sinh duyên”.

- Sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng - sở trợ giúp lẫn nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”.
- Năng có chi pháp là *tâm*, nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng có tâm sở Cần, nên có “*Đạo duyên*”.
- Năng có tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có “*Thiền duyên*”.
- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”. “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 10 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có “*Nhân duyên*”.
- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa saḥajātindriya paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 5 quyền bất thiện trợ giúp sắc tâm bất thiện theo cách “cai quản”.

b- Chi pháp:

Bất thiện năng duyên. 5 danh quyền bất thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

- Một trong năm quyền bất thiện trợ sắc tâm bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả Hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng có chi pháp là *tâm*, nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng có tâm sở Cần, nên có “*Đạo duyên*”.
- Năng có tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có “*Thiền duyên*”.
- Sở là sắc pháp, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 9 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng không có pháp nhân, nên không có “*Nhân duyên*”.

- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng là danh - sở sắc, nên không có “*Tương ưng duyên*”, “*Hổ tương duyên*”.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa saḥajātindriya paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 5 danh quyền bất thiện trợ giúp các danh pháp đồng sinh và sắc tâm, theo cách “quyền”.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 5 danh quyền bất thiện.

Bất thiện và vô ký sở duyên. Pháp bất thiện + sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Câu này là tổng hợp 2 câu 4 và 5.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

*** Hợp trợ.**

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng có chi pháp là *tâm*, nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Danh vật thực duyên*”.
- Năng có tâm sở Cần, nên có “*Đạo duyên*”.
- Năng có tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có “*Thiền duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”. “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 8 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có “*Nhân duyên*”.
- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Sở có sắc pháp, nên không có “*Tương ưng duyên*”, “*Hổ tương duyên*”.
- Sở có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 5 duyên không hợp trợ.

Câu 7. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa saḥajātindriya paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 8 danh quyền vô ký trợ cho các pháp vô ký cùng sinh lên, theo cách “cai quản”.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 8 danh quyền vô ký.

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp + sắc tâm vô ký + sắc nghiệp tục sinh.

c- Giải.

Câu này cũng chia thành ba câu phụ là:

Danh vô ký trợ danh vô ký, danh vô ký trợ sắc, danh vô ký trợ danh - sắc.

Có các cách như sau:

a’ - Các danh quyền vô ký trợ cho các danh uẩn tương ưng và sắc tâm vô ký.

b’ - Khi Tục sinh, các danh quyền quả trợ các danh uẩn quả đồng sinh và sắc nghiệp tục sinh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời tục sinh, thời bình nhật và thời tử.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.

- Sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng có chi pháp là *tâm*, nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Danh vật thực duyên*”.

(Khi danh pháp là tâm quả hiệp thể thì không có “*Đồng sinh trưởng duyên*”).

- Năng có tâm sở Cần, nên có “*Đạo duyên*”.

- Năng có tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có “*Thiền duyên*”.

- Năng là pháp quả, nên có “*Quả duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 9 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có “*Nhân duyên*”.
- Sở có sắc pháp, nên không có “*Tương ưng duyên*”, “*Hỗ tương duyên*”.
- Sở có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 4 duyên không hợp trợ.

B. Quyền sinh tiền duyên.

(Purejātindriya paccayo)

Định nghĩa.

Là 5 sắc thần kinh sinh trước, trợ các danh pháp sinh lên theo cách “cai quản”.

Chi pháp.

Năng duyên. Là 5 sắc thần kinh ở sátna thứ 26.

Sở duyên. Năm đôi thức và 7 tâm sở hợp.

Phi sở duyên. 111 tâm (trừ năm đôi thức) và 52 tâm sở hợp + tất cả sắc pháp.

Quyền sinh tiền duyên với tam đề thiện.

Có một câu lạc.

Câu lạc. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa purejātindriya paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Quyền sinh tiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 5 sắc thần kinh ở sátna thứ 26 trợ giúp năm đôi thức và tâm sở hợp sinh lên.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 5 sắc quyền vào sátna 26.

Vô ký sở duyên. 5 đôi thức và 7 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Nhãn quyền (thần kinh Nhãn ở sátna 26) trợ 2 tâm Nhãn thức.
- Nhĩ quyền (thần kinh nhĩ ở sátna 26) trợ 2 tâm Nhĩ thức.
- Tỷ quyền ((thần kinh Tỷ ở sátna 26) trợ 2 tâm Tỷ thức.
- Thiệt quyền (thần kinh Thiệt ở sátna 26) trợ 2 tâm Thiệt thức.
- Thân quyền (thần kinh thân sátna 26) trợ 2 tâm Thân thức.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ.
- Giống: Giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Quyền sinh tiền duyên có 5 duyên hợp trợ. Trong câu lục này có đủ 5 duyên hợp trợ là: “*Vật sinh tiền duyên, Vật sinh tiền y duyên, Vật sinh tiền bất tương ưng duyên, Vật sinh tiền hiện hữu duyên, Vật sinh tiền bất ly duyên*”.

C- Sắc mạng quyền duyên.

(Rūpa jīvitindriya paccayo).

Định nghĩa.

Là sự trợ giúp bằng sắc Mạng quyền vừa điều hành vừa nuôi dưỡng cho các sắc pháp đồng sinh được tồn tại.

Ví như “muối ướp thịt cá cho lâu hư hoại ...

Chi pháp.

Năng duyên. Tất cả sắc Mạng quyền.

Sở duyên. Các nhóm sắc nghiệp sinh chung với sắc Mạng quyền [\[2\]](#) .

Phi sở duyên. Tâm + tâm sở + sắc tâm + sắc âm dương + sắc vật thực và sắc mạng quyền.

Duyên trùng.

Sắc Mạng quyền duyên trùng với hai duyên:

- *Quyền hiện hữu duyên* (indriyatthi paccayo).

Là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng sắc Mạng quyền đang còn.

- *Quyền bất ly duyên* (indrīyavigata paccayo).

Là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng sắc Mạng quyền không xa lìa.

Sắc Mạng quyền duyên với tam đề thiện.

Có một câu lạc.

Câu lạc. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa rūpajīvitindriya paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Sắc mạng quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là sắc Mạng quyền ở giai đoạn trợ trợ giúp các sắc pháp đồng sinh với nó được tồn tại đủ 51 sátna tiêu.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Sắc Mạng quyền.

Vô ký sở duyên. 19 sắc nghiệp sinh chung nhóm với sắc Mạng quyền.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 8 bậc Thánh.
- Cõi: 27 cõi hữu sắc.
- Thời: Thời tục sinh, thời bình nhật.
- Lộ tâm: lộ sắc có sắc Mạng quyền.
- Giống: Giống sắc Mạng quyền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Có 2 duyên hợp trợ là: “*Quyền hiện hữu duyên*”, “*Quyền bất ly duyên*”.

Thiền duyên.

(Jhānapaccayo).

Định nghĩa.

“*Thiền duyên*” mãnh lực trợ giúp và ủng hộ bằng các chi thiền.

Chi pháp.

Năng duyên. 5 hay 7 chi thiền có trong 103 tâm (trừ 18 tâm vô nhân).

Sở duyên. 103 tâm và 52 tâm sở hợp (trừ chi thiền đang làm năng duyên) + sắc nghiệp tục sinh + sắc do tâm tạo.

Phi sở duyên: Năm đôi thức và 7 tâm sở hợp, + sắc nghiệp bình nhật + sắc ngoại + sắc vật thực + sắc âm dương + sắc nghiệp Vô tướng.

Thiền duyên với tam đề thiện.

Có 7 câu lục.

Câu 1. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa jhānapaccayena paccayo.

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Thiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh thiện thiện trợ các danh uẩn tương ưng.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 5 chi thiện thiện (Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ (lạc, xả) và Định) trong tâm thiện.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp (trên phương diện nương nhờ).

c- Giải.

Như chi Tâm thiện trợ các danh pháp đồng sinh sinh lên, bằng cách làm “sáng đề mục”....

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 3o cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý ... (có đồng lực thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Thiền duyên có 10 duyên hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Năng - sở hỗ trợ lẫn nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”.
- Sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng có tâm sở Hỷ, tâm sở Thọ, nên có “*Đồng sinh quyền duyên*”.
- Năng có tâm sở Tầm, tâm sở Định, nên có “*Đạo duyên*”.
- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 8 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa jhānapaccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Thiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là chi thiền thiện trợ giúp sắc tâm thiện.

b- Chi pháp.

Thiền năng duyên. 5 chi thiền thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 Thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý ...

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.

- Sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng có tâm sở Nhất hành, tâm sở Thọ, nên có “*Đồng sinh quyền duyên*”.

- Năng có tâm sở Tầm, tâm sở Định, nên có “*Đạo duyên*”.

- Năng là danh, sở là sắc, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 7 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.

- Năng là danh, sở là sắc, nên không có “*Tương ưng duyên*”, “*Hỗ tương duyên*”.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 3. Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa jhānapaccayena paccayo.

Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Thiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 5 chi thiện thiện trợ cho pháp thiện đồng sinh và sắc tâm thiện.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 5 chi thiện thiện.

Thiện và vô ký sở duyên. Tất cả pháp thiện + sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này là tổng hợp 2 câu trên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý ...

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Có duyên 6 hợp trợ là “*Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 4 duyên không hợp trợ là “*Quả duyên, Hổ tương duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Câu 4. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa jhānapaccayena paccayo:

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Thiện duyên.

a- Định nghĩa.

Là 5 chi thiện bất thiện trợ các pháp bất thiện cùng sinh lên.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 5 chi thiên bất thiện (Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ, Định trong tâm bất thiện).

Bất thiện sở duyên. Pháp bất thiện.

c- Giải.

Như chi Tâm trong tâm Tham (hay tâm bất thiện khác) trợ giúp các pháp đồng sinh sinh lên ...

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương tự như câu 1, là có 8 duyên hợp trợ: “*Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 2 duyên không hợp trợ là “*Quả duyên*”, “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa jhānapaccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Thiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 5 chi thiên bất thiện trợ sắc tâm bất thiện sinh lên theo cách “làm chói sáng”.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 5 chi thiên bất thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Là một trong 5 chi thiên bất thiện trợ sắc tâm bất thiện sinh lên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học-.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương vào năng để được vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng có tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có “*Quyền đồng sinh duyên*”.
- Năng có tâm sở Tầm, tâm sở Nhất hành, nên có “*Đạo duyên*”.
- Năng là danh, sở là sắc, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 7 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng là danh, sở là sắc nên không có “*Hổ tương duyên*” và “*Tương ưng duyên*”.

- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa jhānapaccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và pháp vô ký bằng Thiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là năm chi thiện bất thiện, trợ giúp các danh pháp đồng sinh cùng sắc tâm bất thiện sinh lên, theo cách làm “chói sáng”.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 5 chi thiện bất thiện.

Bất thiện và Vô ký sở duyên. Pháp bất thiện và sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

- Chi thiện bất thiện trợ giúp các uẩn tương ưng và sắc tâm bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 bậc Thánh quả Hữu học.

- Cõi: 26 cõi Ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đồng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Câu này là tổng hợp hai câu 4 và 5.

* *Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng có pháp quyền là tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có “*Quyền duyên*”.
- Năng có chi đạo là tâm sở Tầm, tâm sở Nhất hành, nên có “*Đạo duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 6 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là danh, sở là danh sắc, nên không có “*Hỗ tương duyên*”.
- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Sở có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.
- Sở có sắc pháp, nên không có “*Tương ưng duyên*”.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 7. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa jhānapaccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Thiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là các chi thiền vô ký trợ giúp các pháp đồng sinh vô ký sinh lên, theo cách “làm chói sáng”.

b- Chi pháp.

Năng duyên. 5 chi thiền: Tầm, Tứ, Hỷ, Thọ (lạc, xả) và Nhất hành trong tâm quả và tâm Duy tác.

Sở duyên. 42 tâm quả (trừ 5 đôi thức) + 20 tâm Duy tác và 38 tâm sở hợp + sắc tâm vô ký.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Chi thiện vô ký trợ giúp các danh pháp vô ký đồng sinh và sắc tâm vô ký.
- Khi Tục sinh, chi thiện quả trợ giúp cho tâm Tục sinh và sắc nghiệp Tục sinh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật, thời Tục sinh.
- Lộ tậ: Lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở đồng sinh, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng là pháp vô ký, nên có “*Quả duyên*”.
- Năng có pháp quyền là tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có “*Quyền đồng sinh duyên*”.
- Năng có tâm sở Tầm, tâm sở Nhất hành là chi đạo, nên có “*Đạo duyên*”.
- Năng sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Những duyên này hợp trợ nhất định, ngoài ra còn có những duyên hợp trợ bất định là:

- * Khi danh trợ cho danh thì có thêm “*Tương ưng duyên*”, “*Hỗ tương duyên*”.

* Khi danh trợ cho sắc thì không có 2 duyên trên, nhưng có thêm “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

* Khi danh trợ cho danh - sắc thì không có cả 3 duyên trên.

Đạo duyên.

(Maggapaccayo).

Định nghĩa.

Đạo duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách thông suốt như con đường.

II- Chi pháp.

Năng duyên. Tâm sở Giới phân [\[3\]](#), niệm, tấn, định, trí, tầm, tà kiến đồng sinh trong những tâm hữu nhân.

Sở duyên. Tâm hữu nhân và 52 tâm sở hợp + sắc tâm hữu nhân + sắc nghiệp Tục sinh với tâm hữu nhân.

Phi sở duyên. 18 tâm vô nhân và 12 tâm sở hợp [\[4\]](#), sắc ngoại, sắc âm dương, sắc vật thực, sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp vô tướng, sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp tục sinh với tâm vô nhân.

Đạo duyên với tam đề thiện.

Có 7 câu lục.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa maggapaccayena paccayo.*

a- Định nghĩa.

Là các chi đạo thiện trợ giúp và ủng hộ các pháp thiện cùng sinh lên được vững mạnh theo cách “*dẫn lối*”.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 8 chi đạo thiện: Trí, Tầm, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Cần, Niệm và Định trong tâm thiện.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

c- Giải.

Trong tâm thiện hiệp thể thông thường không đủ tám chi đạo này, trường hợp tâm thiện hiệp thể có trí có đủ tám chi đạo khi chúng là những sátna Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh và Tiến bậc trong lộ đặc đạo.

Còn trong tâm Siêu thể có đủ tám chi đạo này.

Trong tâm thiện, chi đạo trợ giúp cho các danh pháp đồng sinh, như:

- Chánh kiến (tâm sở Trí) trợ giúp cho tâm thiện hiệp thể và 37 tâm sở hợp.

Trong tâm Đạo thì trợ giúp cho tâm Đạo và 35 tâm sở hợp.

Tương tự như thế với các chi đạo còn lại.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đặc đạo ...

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Đạo duyên tổng quát có 12 duyên hợp trợ, trong câu lục này có:

* *Hợp trợ.*

- Năng duyên có pháp nhân (tâm sở Trí), nên có “*Nhân duyên*”.

- Năng duyên có pháp quyền, nên có “*Đồng sinh quyền duyên*”.

- Năng - sở cùng sinh lên và sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh duyên*”, “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng duyên có pháp trưởng (tâm sở Trí, tâm sở Cận), nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”.

- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”.
- Năng có chi thiện (tâm sở Tầm, tâm sở Nhất hành), nên có “*Thiện duyên*”.
- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 10 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”. Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa maggapaccayena paccayo.

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Đạo duyên.

a- Định nghĩa.

Là các chi đạo thiện trợ giúp cho sắc tâm theo cách “*dẫn lối*”.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tám chi đạo trong tâm thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

Chi đạo thiện trợ sắc tâm thiện, như:

- Chi Cần trợ giúp sắc Thân biểu tri tinh tấn hành thiện, đi khát thực ...
- Chi Trí trợ giúp sắc Ngữ biểu tri đề thuyết giảng Phật pháp ...

Câu lục này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi Ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý ... (có đồng lực thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Vì sở duyên là sắc pháp, nên không có “*Hổ tương duyên*” và *Tương ưng duyên*”. Nhưng có thêm “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*” [\[5\]](#).

Như vậy có 9 duyên hợp trợ và 3 duyên không hợp trợ.

Câu 3 . *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa maggapaccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện và pháp vô ký bằng Đạo duyên.

a- Định nghĩa.

Là chi đạo thiện trợ giúp các danh pháp thiện và sắc tâm sinh lên theo cách “dẫn lối”.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tám chi đạo thiện.

Thiện và vô ký sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở (trừ pháp đang làm năng duyên) + sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này là tổng hợp 2 câu 1 và 2 ở trên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi Ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý ... (có đồng lực thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng duyên có pháp nhân (tâm sở Trí), nên có “*Nhân duyên*”.
- Năng duyên có pháp quyền, nên có “*Đồng sinh quyền duyên*”.
- Năng - sở cùng sinh lên và sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh duyên*”, “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng duyên có pháp trưởng (tâm sở Trí, tâm sở Cần), nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”.
- Năng có chi thiện (tâm sở Tàm, tâm sở Nhất hành), nên có “*Thiện duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 8 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Sở có sắc pháp, nên không có “*Hổ tương duyên*”, “*Tương ưng duyên*”.
- Sở có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 4. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa maggapaccayena paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Đạo duyên.

a- Định nghĩa.

Là chi đạo bất thiện trợ các danh pháp bất thiện sinh lên theo cách “dẫn lối”.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Là 4 chi đạo: Tầm, Cần, Định và Tà kiến trong tâm bất thiện.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 26 tâm sở hợp (trừ chi đạo).

c- Giải.

Sở duyên là tính tổng quát, nếu tính theo loại tâm bất thiện thì:

- Trong tâm Tham hợp tà kiến có 4 chi đạo là: Tầm, Cần, Định và Tà kiến.
- Trong tâm Tham không có Tà kiến thì chỉ có 3 chi đạo: Tầm, Cần và Định.
- Trong 2 tâm Sân cũng có 3 chi đạo như trên.
- Trong tâm Si Hoài nghi chỉ có 2 chi đạo là: Tầm, Định.
- Trong tâm Si hợp phóng dật có 3 chi đạo là: Tầm, Cần và Định.

Chi đạo bất thiện trợ giúp các danh pháp đồng sinh sinh lên bằng cách “thông suốt”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng có tâm sở Cần, nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Đồng sinh quyền duyên*”.
- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”, “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”.
- Năng có tâm sở Nhất hành, nên có “*Thiền duyên*”.
- Năng - sở hoà hợp nhau, nên có “*Tương ưng duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 9 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có “*Nhân duyên*”.
- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Sở là danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa maggapaccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Đạo duyên.

a- Định nghĩa.

Là chi đạo bất thiện trợ giúp sắc tâm bất thiện theo cách “dẫn lối”.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 4 chi đạo bất thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Chi đạo thiện trợ sắc tâm bất thiện như:

- Tà kiến trong tâm Tham hợp tà, trợ giúp sắc Ngũ biểu tri, “nói lên những tà thuyết” ...

Hay “ Tà kiến” trợ cho sắc Thân biểu tri, thực hành khổ hạnh theo khuynh hướng tà kiến, hoặc sát sinh để tế thần lửa ...

Các chi đạo còn lại cũng được hiểu theo cách thức tương tự.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 bậc Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

Năng có tâm sở Cần, nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Đồng sinh quyền duyên*”.

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”, “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng có tâm sở Nhất hành, nên có “*Thiền duyên*”.

- Năng là danh, sở là sắc, nên có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 8 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có “*Nhân duyên*”.
- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.
- Sở là sắc pháp, nên không có “*Tương ưng duyên*”, “*Hổ tương duyên*”.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa maggapaccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và pháp vô ký bằng Đạo duyên.

a- Định nghĩa.

Là chi đạo bất thiện trợ giúp danh pháp đồng sinh và sắc tâm sinh lên theo cách “dẫn lối”.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 4 chi đạo bất thiện.

Bất thiện và vô ký sở duyên. 12 tâm bất thiện và 26 tâm sở hợp (trừ chi đạo) + sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Câu này là tổng hợp 2 câu 4 và 5.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

Năng có tâm sở Cần, nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”, “*Đồng sinh quyền duyên*”.

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”, “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng có tâm sở Nhất hành, nên có “*Thiền duyên*”.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 7 duyên hợp trợ.

**** Không hợp trợ.***

- Năng không có pháp nhân, nên không có “*Nhân duyên*”.

- Năng là pháp bất thiện, nên không có “*Quả duyên*”.

- Sở có danh pháp, nên không có “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

- Sở có sắc pháp, nên không có “*Hổ tương duyên*”, “*Tương ưng duyên*”.

Có 5 duyên không hợp trợ.

Câu 7. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa maggapaccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Đạo duyên.

a- Định nghĩa.

Là các chi đạo vô ký trợ cho danh pháp đồng sinh và sắc tâm theo cách “*dẫn lối*”.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Tám chi đạo trong tâm quả và tâm Duy tác hữu nhân.

Vô ký sở duyên. 37 tâm quả hữu nhân + 17 tâm Duy tác hữu nhân và 37 tâm sở hợp (trừ chi đạo) + sắc tâm vô ký hữu nhân + sắc nghiệp Tục sinh hữu nhân.

c- Giải.

Câu lạc này được phân tích theo: Danh trợ danh, danh trợ sắc và danh trợ danh - sắc. Tổng quát thì:

- Trong thời bình nhật, một trong 8 chi đạo vô ký trợ cho các danh pháp đồng sinh và sắc tâm vô ký hữu nhân.
- Trong thời Tục sinh, một chi đạo trong tâm quả Tục sinh hữu nhân trợ cho các danh pháp đồng sinh và sắc nghiệp tục sinh hữu nhân.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật, thời Tục sinh.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Năng duyên có pháp nhân (tâm sở Trí), nên có “*Nhân duyên*”.
- Năng duyên có pháp quyền, nên có “*Đồng sinh quyền duyên*”.
- Năng - sở cùng sinh lên và sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh duyên*”, “*Đồng sinh y duyên*”.
- Năng duyên có pháp trưởng (tâm sở Trí, tâm sở Cần), nên có “*Đồng sinh trưởng duyên*”.
- Năng có chi thiện (tâm sở Tầm, tâm sở Nhất hành), nên có “*Thiện duyên*”.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Những duyên này hợp trợ trong mọi trường hợp.

- Trong trường hợp là tâm quả hữu nhân, thì có thêm “*Quả duyên*”

* Khi “danh trợ danh”. Có thêm “*Hổ tương duyên*”, “*Tương ưng duyên*”.

* Khi “danh trợ sắc”, không có 2 duyên trên, nhưng có thêm “*Đồng sinh bất tương ưng duyên*”.

* Khi “danh trợ danh sắc”, không có cả duyên trên- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có “*Hổ tương duyên*”.

Tương ưng duyên.

(Sampayutta paccayo).

Định nghĩa.

“***Tương ưng duyên***” là mãnh lực trợ giúp theo cách “hoà hợp”. Nghĩa là năng duyên cùng sở duyên hòa hợp với nhau. Ví như sữa hoà với nước.

Theo định nghĩa trên, năng và sở đều là danh pháp.

Chi pháp.

Năng duyên. Tất cả tâm và tâm sở đồng sinh với nhau.

Sở duyên. Tất cả tâm và tâm sở đồng sinh với nhau.

Phi sở duyên. Sắc pháp + Nípàn + Chế định.

Tương ưng duyên với tam đề thiện.

Có 3 câu.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sampayutta paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Tương ưng duyên.

a- Định nghĩa.

Là các danh uẩn thiện trợ giúp lẫn nhau, theo cách “hòa hợp”.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp trên phương diện giúp.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp trên phương diện nương nhờ.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Một uẩn thiện trợ giúp 3 danh uẩn thiện theo cách “*hòa hợp*”.
- Hai uẩn thiện trợ giúp 2 danh uẩn thiện theo cách “*hòa hợp*”.
- Ba uẩn thiện trợ giúp 1 danh uẩn thiện theo cách “*hòa hợp*”.
- Một uẩn thiện trợ giúp 3 danh uẩn thiện theo cách “*hòa hợp*”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thành hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực thiện), lộ kiên cố.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương ưng duyên có duyên hợp trợ. Trong câu lục này có:

**** Hợp trợ.***

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.
- Năng - sở hỗ trợ lẫn nhau, nên có “*Hỗ tương duyên*”.
- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 5 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.

Có một duyên không hợp trợ.

Câu 2. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sampayutta paccayena paccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Tương ưng duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh bất thiện trợ giúp danh bất thiện sinh lên theo cách “*hòa hợp*”.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp trên phương diện giúp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp trên phương diện nhờ.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Một uẩn bất thiện trợ giúp 3 uẩn bất thiện theo cách “*hòa hợp*”.

- Hai uẩn bất thiện trợ giúp 2 uẩn bất thiện theo cách “*hòa hợp*”.

- Ba uẩn bất thiện trợ giúp 1 uẩn bất thiện theo cách “*hòa hợp*”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như câu 1.

Câu 3. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sampayutta paccayena paccayo

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Tương ưng duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh vô ký trợ giúp danh vô ký theo cách “hòa hợp”.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Vào thời bình nhật, một hay 2 hay 3 danh uẩn vô ký trợ các danh uẩn đồng sinh.

- Vào thời Tục sinh, một hay 2 hay 3 danh uẩn quả trợ các danh uẩn đồng sinh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 bậc Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật, thời Tục sinh.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Năm duyên hợp trợ ở trên và thêm “*Quả duyên*”.

Bất tương ưng duyên.

(*Vippayuttapaccayo*).

Định nghĩa.

Bất tương ưng duyên là mãnh lực trợ giúp theo cách “không hòa hợp”.

Theo định nghĩa trên, khi năng là danh thì sở là sắc.

Khi năng là sắc thì sở là danh.

Phân tích.

Bất tương ưng duyên được phân tích thành 3 duyên:

- ***Đồng sinh bất tương ưng duyên.*** Là năng - sở cùng sinh lên, nhưng không “hòa hợp”.

- ***Sinh tiền bất tương ưng duyên.*** Là năng sinh trước, sở sinh sau, năng - sở “không hòa hợp”.

Sinh tiền bất tương ưng duyên trùng với ***Sinh tiền duyên.***

Sinh tiền bất tương ưng duyên được phân tích thành 2 duyên:

Vật sinh tiền bất tương ưng duyên trùng với ***Vật sinh tiền duyên.***

Vật - cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên trùng với ***Vật cảnh sinh tiền duyên.***

- ***Sinh hậu bất tương ưng duyên.*** Là năng sinh sau trợ cho sở sinh trước.

Sinh hậu bất tương ưng duyên trùng với ***sinh hậu duyên.***

Đồng sinh bất tương ưng duyên.

Định nghĩa.

Đồng sinh bất tương ưng duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách “cùng sinh lên” nhưng “không hòa hợp”.

Chi pháp.

Năng duyên. 107 tâm (trừ 5 đôi thức + 4 tâm quả Vô sắc).

Sở duyên. Sắc tâm tạo, sắc nghiệp tục sinh.

Phi sở duyên. 121 tâm và tâm sở hợp, sắc ngoại, sắc vật thực tạo, sắc âm dương tạo, sắc nghiệp vô tướng, sắc nghiệp bình nhật.

Đồng sinh duyên với tam đề thiện.

Có 3 câu lạc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahājātavippayutta paccayena phaccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Đồng sinh bất tương ưng duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh pháp thiện trợ giúp sắc tâm thiện sinh lên theo cách “cùng sinh lên nhưng không hòa hợp”.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

Sắc tâm thiện đồng sinh với danh uẩn thiện chính là “6 sắc tâm tạo” (2 sắc Biểu tri + 3 sắc đặc biệt + sắc thịnh).

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm,: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực thiện).

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Đồng sinh bất tương ưng duyên có 6 duyên hợp trợ.

Trong câu này có:

* *Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có “*Đồng sinh duyên*”.

- Sở nương tựa vào năng, nên có “*Đồng sinh y duyên*”.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có “*Đồng sinh Hiện hữu duyên*”, “*Đồng sinh bất ly duyên*”.

Có 4 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có “*Quả duyên*”.

- Sở là sắc, lại ở thời bình nhật, nên không có “*Hổ tương duyên*”.

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahājātavippayutta paccayena phaccayo.

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Đồng sinh bất tương ưng duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh uẩn bất thiện trợ giúp sắc tâm bất thiện theo cách “cùng sinh lên nhưng không hòa hợp”.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đồng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như câu 1.

Câu 3. *Abyākato dhammo abyakatassa dhammassa sahājātavippayutta paccayena phaccayo.*

Pháp Vô ký trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh bất tương ưng duyên.

a- Định nghĩa.

Là các danh uẩn vô ký trợ giúp sắc tâm vô ký theo cách “cùng sinh lên nhưng không hòa hợp”.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 58 tâm vô ký [\[6\]](#) (trừ tâm Tử của vị Thánh Alahán) và 38 tâm sở hợp + sắc Ý vật Tục sinh.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm vô ký bình nhật + sắc nghiệp Tục sinh + 15 tâm quả Tục sinh cõi ngũ uẩn và 35 tâm sở hợp.

c- Giải.

- Các danh uẩn vô ký trợ cho sắc tâm vô ký.
- Khi Tục sinh, những uẩn quả Tục sinh trợ cho sắc nghiệp Tục sinh.

- Khi Tục sinh, sắc Ý vật Tục sinh trợ giúp tâm Tục sinh theo cách “đồng sinh bất tương ưng”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 bậc Thánh quả.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời Tục sinh, thời bình nhật, thời tử.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

**** Hợp trợ.***

- Trong thời bình nhật: “Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên”.
- Trong thời Tục sinh: Có thêm Hổ tương duyên.

Bốn duyên: *Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên. Ly duyên và Bất ly duyên* mỗi duyên được phân tích thành nhiều duyên phụ. Những duyên phụ có chi pháp trùng với những duyên đã giải (xin xem phần khái lược về duyên hệ), nên xin thông qua các câu lục đối với tam đề thiện.

Dứt phần duyên hệ với tam đề thiện.

***Soạn xong ngày 24 – 4 – 2008.
(Nhằm ngày 19 tháng 3 năm Mậu tý).***

-ooOoo-

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Kinh Tạng PĀLI:

Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch:

- Dīgha Nikāya (Trường Bộ Kinh) III, IV. Ấn hành năm 1973.
- Majjhima Nikāya (Trung Bộ Kinh) I, II, III. Ấn hành năm 1973.
- Aṅguttara Nikāya (Tăng Chi bộ), I, II, III, IV. Ấn hành năm 1967.
- Saṃyutta Nikāya (Tương Ưng bộ) II, III, IV, V. Ấn hành năm 1982.
- Khuddaka – Suttanipāta (Kinh tập).
- Abhidhammatthasaṅgaha). Thắng Pháp Tập Yếu

- Đại Trưởng Lão Nārada - *Vi Diệu Pháp Toát Yếu*. Phạm Kim Khánh dịch.
- Đại trưởng lão Tịnh Sự (d) - Paṭṭhāna (Vị trí).
- Đại trưởng lão Tịnh Sự (d) – Yamaka (Song đối).
- Đại Trưởng Lão Tịnh Sự (soạn) - *Siêu Lý Cao học*.
- Đại trưởng lão Pháp Minh (d) Dhammapāda Atthakathā (Chú giải Pháp Cú Kinh) I, II- Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, năm 1997, 1998.
- Thích nữ Trí Hải (d) - Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo) . Nxb Tôn giáo, năm 2001.
- Đại trưởng lão Giới Nghiêm (d) – Milindapañhā (Mi – Tiên vấn đáp).
- Jātaka Atthakathā (Chú giải kinh Bốn sanh).
- Theragāthā (Kệ trưởng lão Tăng).

[1] - Tâm là “ý quyền”.

[2] - Tức là 19 sắc nghiệp = 8 sắc bất ly + 5 sắc thân kinh + sắc hư không + 2 sắc tính + sắc ý vật + sắc tiến + sắc dị.

[3] - Là 3 tâm sở: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.

[4] - 13 tâm sở Tợ tha – tâm sở dục = 12 tâm sở.

[5] - Lấy 10 duyên hợp trợ ở câu 1 trừ 2 duyên, cộng thêm 1 duyên.

[6] - 72 tâm vô ký – (5 đôi thức + 4 tâm quả Vô sắc) = 68 tâm vô ký.

-ooOoo-